

NGƯỜI KINH BẮC

TẠP CHÍ SÁNG TÁC - NGHIÊN CỨU - THÔNG TIN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Số ra 1 tháng/kỳ

Số 173

NĂM THỨ XXVI



THÁNG 6 - 2023

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN
NHÀ BÁO NGÔ HỒNG GIANG

TỔNG BIÊN TẬP
NHÀ BÁO LÊ THANH HUYỀN

THAM GIA BIÊN TẬP
**HOÀNG GIÁ
NGUYỄN NHƯ HẠO
NGUYỄN ANH THUẤN
NGUYỄN THÁI SƠN
LÊ VIỆT ANH
NGUYỄN TRỌNG TÌNH
KIM PHÚC**

THƯ KÝ TÒA SOẠN
HOÀNG YẾN

Email tòa soạn
tapchinguoinhbc@gmail.com
Website: nguoinhbc.vn
Điện thoại: 0222.3875.551

Giấy phép xuất bản
Số: 130/GP-BTTTT

Bộ Thông tin - Truyền thông
Cấp ngày 22/4/2013

Tòa soạn
Số 01 Lý Thái Tổ - TP. Bắc Ninh

In 1000 cuốn, KT 19 x 27cm,
100 trang, in và nộm lưu chiếu
tháng 6 - 2023

In tại:
XÍ NGHIỆP IN/NHÀ MÁY Z176

HỌC TẬP LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

* Tạ Kiên - Người anh hùng trong lòng nhân dân
và đồng đội

Tạ Lưu 3

KỶ NIỆM 98 NĂM NGÀY BÁO CHÍ CÁCH MẠNG VIỆT NAM (21/6/1925 - 21/6/2023)

* Bài học từ một lần viết báo của Đại tướng
Võ Nguyên Giáp

Trần Vọng 8

* "Tay ngang" - Dành trọn một tình yêu

Thanh Huyền 10

* "Săn sóc ở Trường Sa"

Xuân Me 14

* Nhà báo là nơi để mỗi người gửi gắm niềm tin

Vũ Đăng Bút 17

TUYÊN TRUYỀN 80 NĂM ĐỀ CƯƠNG VĂN HÓA VIỆT NAM

* Văn hóa làm nên kỳ tích

Hoàng Tiến 19

Trang thơ Người Kinh Bắc

24-25

* Đôi điều suy nghĩ về trách nhiệm người ca sỹ,
nghệ sỹ biểu diễn với việc xây dựng môi trường văn
hóa lành mạnh

Chu Phương Anh 26

Truyện ngắn: Biền ngọt

Trương Thị Thương Huyền 29

Tản văn: Về thăm khu di tích K9 Đá Chông - Khắc
ghi lời Bác dạy

Lương Thìn 37

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

* Về những bức tranh "Tổ nữ" của cổ nghệ nhân
tranh dân gian Đông Hồ - Nguyễn Hữu Sam

Thanh Hải 39



NGƯỜI Kinh Bắc

* Năm nhà khoa bảng Bắc Ninh làm quan Tế tửu và Tư nghiệp Quốc Tử Giám có đô Huế

Lê Viết Nga 43

* Truyện ký về hai vị đại khoa thôn Thọ Triền, xã Hương Mạc
Nguyễn Duy Nhất 46

Ghi chép: Một cuộc gặp gỡ "Không hẹn cũng lên"

Nguyễn Tự Lập 49

Truyện ngắn: Đứa trẻ

Phương Đăng 53

TÁC GIẢ - TÁC PHẨM

* Đất và người Quan họ trong tranh sơn mài Trịnh Lễ

Hoàng Ngọc Bính 57

* Hương sắc miền quê và khát vọng từ làng

Nghiêm Đình Thường 60

Trang thơ Người Kinh Bắc

Tản văn: Tháng Sáu trời mưa

Quang Thuận 66

VĂN HIẾN BẮC NINH - KINH BẮC

* Bia đá ở cầu Ngo Giữa, phường An Bình, Thị xã Thuận Thành

Phạm Thuận Thành 73

* Ý nghĩa nhời ca câu Quan họ "Tay nâng đĩa muối, đĩa gừng"

Nguyễn Trọng Hải 75

Trang thơ cộng tác viên

Truyện ngắn: Văn Út chơi ú tim

Nguyễn Thanh Nga 80

Bút ký: Giữa hai bài thơ và giữa hai thế kỷ

Nguyễn Xuân Tường 83

Truyện ngắn: Chiếc áo măng tô

Trường Sinh 87

TRANG VIẾT TUỔI HỒNG

Truyện ngắn: Một thoáng tuổi mười lăm

Lại Thị Hải Linh 90

Truyện ngắn: Lão Chụ

Trần Quốc Cường 93

ÂM NHẠC

* Yêu mãi ước muốn trẻ thơ

Nhạc và lời: Vương Hữu Truyền 97

* Muôn dặm tình rằng

Thơ: Nguyễn Như Hạo Nhạc: Trọng Tĩnh 98

NHIẾP ẢNH

* Bìa 1: Trần Thanh

* Bìa 2: Trọng Hiếu, Kim Đài, Minh Đức, Quang Bình, PV

* Bìa 3: Quang Bình, Minh Quý, PV, Ngọc Tám

MỸ THUẬT

* Bìa 4: Nguyễn Văn Thuật, Nguyễn Hồng Quang, Trịnh Lễ, Nguyễn Văn Hưng, Vũ Minh

Tạ Kiên - NGƯỜI ANH HÙNG

TRONG LÒNG NHÂN DÂN VÀ ĐỒNG ĐỘI

TẠ LƯU

Tấm gương chiến đấu của toàn đại đội 551 mà tiêu biểu là đồng chí Tạ Kiên, người Đại đội trưởng tài năng, đức độ với ý chí kiên cường và lòng dũng cảm vô song đã trở thành sức động viên rất lớn đối với toàn Tiểu đoàn Thiên Đức trong thời điểm vượt muôn ngàn khó khăn về vũ khí và lương thực đã cạn, quân số thương vong nhiều để tiếp tục chiến đấu và chiến thắng, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó.

56 năm đã trôi qua, tấm gương của liệt sĩ Tạ Kiên vẫn sáng mãi trong tâm tư tình cảm của đồng đội và nhân dân Bắc Ninh - Kinh Bắc.

Tạ Kiên sinh năm 1927, là con thứ 8 trong một gia đình nông dân nghèo, đông con. Được ảnh hưởng của phong trào địa phương, đồng chí đã sớm tham gia vào đội du kích thôn. Đầu năm 1946, Tạ Kiên được tuyên chọn vào Đội nghĩa quân, đơn vị chủ lực đầu tiên của bộ đội



địa phương tỉnh Bắc Ninh. Cuối năm 1947, đầu năm 1948, đại đội nghĩa quân được điều động về chủ lực Bộ Quốc phòng, Tạ Kiên được giữ lại để tham gia đơn vị mới là Đại đội 862. Đại đội này về

sau phát triển thành Tiểu đoàn Thiên Đức của tỉnh Bắc Ninh. Vốn là người có ý chí, thể lực tốt và năng lực quân sự, Tạ Kiên đã được cử đi học lớp Quân chính Bách Môn khóa I. Ra trường được bổ nhiệm cán bộ tiểu đội, sau đó lên Trung đội, Đại đội phó rồi Đại đội Trưởng. Ở cương vị nào đồng chí cũng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Nhiều trận đánh của đơn vị do đồng chí chỉ huy đã làm cho kẻ thù khiếp sợ, nhân dân nức lòng.

Trong 9 năm chống Pháp, Tiểu đoàn Thiên Đức (một trong ba Tiểu đoàn địa phương quân đánh giặc nổi tiếng nhất toàn quốc thời bấy giờ) đã đánh hàng 100 trận, diệt hàng ngàn tên địch, góp phần to lớn giải phóng quê hương, trong đó có phần không nhỏ của Đại đội 551 (chủ công của Tiểu đoàn) do đồng chí Tạ Kiên làm Đại đội trưởng. Dưới đây là một số trận đánh xuất sắc tiêu biểu trong hàng trăm trận đánh của người chỉ huy đầy tài năng và dũng cảm kiên cường đó.

Lịch sử của Tiểu đoàn Thiên Đức cho biết: Ngày 25/2/1949, quân Pháp dùng Binh đoàn chủ lực chia làm nhiều mũi tấn công, càn quét phía bắc tỉnh Bắc Ninh nhằm mở rộng vùng chiếm đóng. Đại đội 551 của Tiểu đoàn Thiên Đức do Tạ Kiên chỉ huy đã chặn đánh địch quyết liệt ở địa phận Tiêu - Viềng (Lư - Vĩnh - Xuyên), Đại đội đã diệt, làm bị thương và bắt sống gần 100 tên, thu 1 trung liên, 1 các bin và nhiều súng trường, đạn dược... Trận đánh có sức cổ vũ lớn đối với phong trào du kích chiến tranh ở Bắc phần, nhân dân vô cùng tin tưởng, phấn khởi ăn Tết chiến thắng.

Đại tá Trần Quốc Hoàn, 79 tuổi, nghỉ hưu ở xã Vạn An, huyện Yên Phong nhận xét: Năm 1948 - 1949, tôi là Trung đội Trưởng dưới quyền chỉ huy trực tiếp của đồng chí Tạ Kiên. Xác nhận đồng chí là một cán bộ chỉ huy chiến đấu rất dũng cảm, hết lòng thương yêu đồng đội, đoàn kết hiệp đồng chiến đấu rất tốt với các đơn vị bạn, có tinh thần kỷ luật cao, gương mẫu về mọi mặt, được anh em trong đơn vị rất mực yêu quý và tin tưởng... Tháng 5/ 1950, đại đội tham gia đánh địch càn ở Nội Viên (Tiên Du) thắng lợi, thu 3 trung liên, 6 tiểu liên, 24 súng trường; ta bị hy sinh 1. Đây là trận đánh càn đạt hiệu suất cao, gây được lòng tin tưởng phấn khởi trong nhân dân lúc đó đang bị địch o ép lập tề.

Ông Quang Minh, 78 tuổi, nguyên là Huyện đội Trưởng huyện Tiên Du và huyện Từ Sơn năm 1954 viết: Trong quá trình chiến đấu, tôi đã từng phối hợp chiến đấu với Đại đội 551 do đồng chí Tạ Kiên chỉ huy. Tinh thần chiến đấu của đồng chí rất dũng cảm, đặc biệt là trận tiêu diệt địch ở vị trí Võ Giàng, thị xã Bắc Ninh, diệt và bắt sống hàng trăm tên địch. Trận Yên Từ - Phú Lâm, đơn vị đồng chí đã chiến đấu rất dũng cảm, ngoan cường với ba trung đoàn địch có phi pháo, xe tăng và xe lội nước bao vây suốt một ngày địch mới lọt được vào làng, khi quân ta đã bị thương vong gần hết vì thiếu đạn.

Tháng 1/1950, tại quốc lộ 18, Tạ Kiên chỉ huy đơn vị “độn thổ” phục kích đơn vị Bảo an địch đi tuần. Sau loạt trung liên phát hỏa, Tạ Kiên đã cùng đơn vị lật



cỏ nguy trang xông lên bám thắt lưng địch, dùng dao găm, mã tấu, lưỡi lê đánh địch quyết liệt, tiêu diệt toàn bộ quân địch, thu toàn bộ vũ khí. Phát huy thắng lợi, sau đó Đại đội 551 tiếp tục tiêu diệt địch ở đồn Thửa, phục kích diệt địch ở Bến Gầm, Lương Tân thuộc huyện Yên Phong.

Tháng 1/1951, nhận lệnh tiêu diệt bốt Mão Điền (Thuận Thành), Tạ Kiên đã suy nghĩ rất nhiều bởi đây là một lô cốt vừa kiên cố, vừa to cao, lại không chế cả một vùng lớn, mà trang bị vũ khí của đại đội lại quá nghèo nàn. Vậy phải đánh bằng cách nào để đạt được hiệu quả cao mà thương vong lại ít? Tạ Kiên đã cùng ban chỉ huy bàn bạc rất kỹ, phát động truyền thống quyết chiến quyết thắng của cán bộ chiến sĩ trong toàn đại đội. Tuyệt đối không ai được chủ quan khinh địch. Sau đó lập sa bàn bốt Mão Điền để toàn đại đội thảo luận bàn bạc đi đến thống nhất cách đánh là: đánh gần, dùng lựu đạn, dao găm, mã tấu, lưỡi lê... để tiêu diệt địch. Trận chiến đấu diễn ra trong đêm tối mịt mùng sau tiếng nổ dữ dội của hai quả bộc phá ghép lại làm hiệu lệnh, làm mảng lô cốt to nhất vỡ tung ra.

Toàn đại đội dưới sự chỉ huy của Tạ Kiên đã nhất tề xông lên, băng vào đồn địch và chỉ sau một giờ chiến đấu vô cùng dũng cảm, toàn bộ lực lượng địch ở bốt Mão Điền đã bị xóa sổ. Ta thu toàn bộ vũ khí của địch. Thắng lợi to lớn và rất đẹp như diễn tập.

Để phối hợp với chiến dịch Hoàng Hoa Thám, ngày 12/4/1951, Đại đội 551 cùng với Đại đội 557 đã đánh Phố Mới

trên đường 18 (huyện Quế Dương); ngày 2/5/1951, Đại đội 551 lại cùng Đại đội 559 tấn công vị trí Lãng Ngâm thuộc quận lý Gia Lương.

Để phối hợp với chiến dịch Quang Trung, Đại đội 551 đã cùng với Đại đội 559 tiêu diệt vị trí Tam - Á (Thuận Thành), bắt tù binh, thu vũ khí và nhiều khí tài, quân trang, quân dụng. Sau đó Đại đội 551 lại tiến hành đánh phục kích địch ở Ngập Ải (Gia Lương).

Năm 1952, Đại đội 551 do Tạ Kiên chỉ huy lại lập nhiều chiến công xuất sắc, trong đó phải kể đến trận chống càn tại xã Hán Quảng (thuộc huyện Quế Võ). Địch mở chiến dịch Turco - Polo với 7 GM (tương đương 7 Trung đoàn) bộ binh cùng xe tăng, pháo binh và không quân yểm trợ, âm mưu nhằm phá vỡ vùng căn cứ du kích của huyện Tiên Du - Quế Dương - Võ Giàng. Đại đội 551 đã phối hợp chặt chẽ với nhân dân xã Hán Quảng đánh địch quyết liệt, quấy rối hậu phương của chúng, phá vỡ thế vây ráp, đồng thời luồn sâu vào trong lòng địch ở thị xã Bắc Ninh, Thị Cầu, Đáp Cầu, buộc kẻ địch phải phân tán lực lượng đối phó, bỏ lỡ trận càn, không thực hiện được âm mưu phá vỡ vùng căn cứ du kích của ta.

Thiếu tá Ngô Thế Thuyết đang nghỉ hưu ở thôn Tiêu Thượng kể lại: Tôi là người cùng thôn với anh Tạ Kiên. Từ năm 1949 - 1952, tôi là liên lạc ở đại đội 862, anh Kiên đã là Trung đội Trưởng, Đại đội Phó rồi Đại đội trưởng. Tất cả các trận đánh từ công đồn phá bốt đến chống càn phá tề,

phục kích ở Nam, Bắc phần tỉnh Bắc Ninh như đánh bột Lim, bột Tiêu - Viêng, dinh tỉnh trưởng Bắc Ninh, bột Ngâm Ai, Mão Điền, Á Lữ... tôi đều dưới sự chỉ huy của anh. Trong bất kỳ trận chiến đấu nào, anh đều rất dũng cảm, mưu trí và kiên quyết. Trận nào đi với anh tôi rất tin tưởng. Khi sống ở nhà dân, anh rất coi trọng công tác dân vận và đặc biệt rất yêu thương chiến sĩ. Kể về tấm gương chiến đấu và các mặt sinh hoạt của một cán bộ thời kỳ đó như anh Tạ Kiên thật ít có. Với trách nhiệm là một chiến sĩ liên lạc thời kỳ đó và bây giờ khi đã nghỉ hưu, tôi vẫn luôn băn khoăn là công lao, thành tích của anh chưa được nhắc đến sớm hơn. Với cương vị bây giờ là trưởng ban liên lạc tiểu đoàn Thiên Đức, huyện Tiên Sơn, tôi cùng góp thêm một vài ý kiến đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét và mong anh được tặng những danh hiệu cao quý xứng đáng mặc dù anh đã hy sinh rất anh dũng năm 1953 trong trận chống càn ở Đồng Mai - Yên Từ lúc còn rất trẻ, chưa vợ con...

Ngày 28/2/1953, Đại đội 551 hành quân về Yên Từ, Trung Nghĩa (huyện Yên Phong) phối hợp cùng nhân dân địa phương chuẩn bị phương án chiến đấu bảo vệ nhân dân vui đón Tết Quý Tỵ. Đúng như dự đoán, giặc Pháp đã mở màn cuộc càn lớn chưa từng có vào vùng du kích Yên Từ. Mới mờ sáng, địch đã bắn dồn dập nhiều loạt đại bác và súng cối vào làng. Trên trời từng đoàn máy bay quần thảo, bắn phá, thả bom. Dưới đất cùng với 3GM bộ binh tấn công, còn có nhiều xe tăng, xe lội nước yểm trợ, hùng hổ

tiến vào làng Yên Từ và Ân Phú thuộc xã Phú Lâm theo 3 hướng: từ quốc lộ 1 vào, từ đường 16 và đường 179 lên. Trong thế bất lợi về địa hình và lực lượng quá chênh lệch, Đại đội do Tạ Kiên chỉ huy đã phối hợp cùng nhân dân, dân quân du kích chiến đấu hết sức mưu trí, kiên cường. Tôi trân trọng đề nghị các cấp ủy Đảng, các cấp chính quyền có hình thức khen thưởng thích đáng với liệt sĩ Tạ Kiên.

Ông Vũ Quang, 78 tuổi, nguyên là Bí thư Thị xã Bắc Ninh, về hưu ở số nhà 381 đường Ngô Gia Tự, phường Tiên An, thành phố Bắc Ninh viết: Năm 1952, đồng chí Tạ Kiên là đại đội trưởng, tôi là chính trị viên đại đội 551 làm chủ công của tiểu đoàn Thiên Đức. Đêm 21/2/1953, Đại đội về đóng quân tại làng Yên Từ và Yên Phú, huyện Yên Phong. Do công tác đột xuất, ban chỉ huy Đại đội chỉ còn một mình đồng chí Tạ Kiên ở lại chỉ huy đơn vị. Sáng ngày 28/2/1953, quân Pháp mở trận càn lớn vào làng Yên Từ, Yên Phú. Do lực lượng không cân sức, đồng chí Tạ Kiên đã chỉ huy đơn vị chiến đấu hy sinh đến người cuối cùng. Gương chiến đấu vô cùng dũng cảm của đơn vị và đồng chí Tạ Kiên được nhân dân địa phương kính phục và quân thù khiếp sợ. Tôi trân trọng đề nghị các cấp xét truy tặng danh hiệu Anh hùng LLVTND cho liệt sĩ Tạ Kiên.

Thiếu tướng Hồ Bắc, nguyên Hiệu phó Trường Sĩ quan lục quân, bạn chiến đấu của Tạ Kiên kể lại: Đồng chí Tạ Kiên là một cán bộ có đạo đức trong sáng, có quan hệ cán binh và quần chúng rất tốt. Trong chiến



đấu, đồng chí rất dũng cảm, thường làm gương cho chiến sĩ, dẫn đầu đơn vị lập chiến công nên đồng chí được chiến sĩ trong đơn vị mến phục và nhân dân nơi đóng quân tin yêu.

Trung tướng Văn Cương, phó Giáo sư, Hiệu trưởng Trường Sĩ quan chính trị quân sự Bộ Quốc phòng, nguyên là chính trị viên tiểu đoàn Thiên Đức nhận xét: ... “Trên các cương vị, trong cuộc chiến đấu gian khổ ở vùng địch tạm chiếm, đồng chí Tạ Kiên đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đơn vị rất tin cậy. Tấm gương chiến đấu anh dũng hy sinh của đơn vị và của đồng chí đã trở thành nguồn động viên rất lớn ý chí chiến đấu của cả tiểu đoàn Thiên Đức, trong thời điểm phải vượt muôn vàn khó khăn về vũ khí và lương thực đã cạn, quân số thương vong nhiều để tiếp tục chiến đấu và chiến thắng. Đến nay, năm mươi sáu năm đã trôi qua, cuộc chiến đấu của đại đội 551 và tài năng, đức độ, ý chí kiên cường, lòng dũng cảm vô song của liệt sĩ Tạ Kiên vẫn sống mãi trong tâm tưởng và tình cảm của đồng đội và nhân dân vùng Bắc Ninh - Kinh Bắc...”.

Con dao găm là kỷ vật quý giá của liệt sĩ Tạ Kiên để lại mà gia đình còn giữ được, đã mang đến tặng Bảo tàng Bắc Ninh, góp phần giáo dục truyền thống yêu nước và giữ nước của nhân dân ta cho thế hệ trẻ./.

PHẠM ĐÌNH THÁI

Lang thang chiều Kinh Bắc

Miền Kinh Bắc xưa kia rộng lắm
Tây Bắc chiều Phù Lỗ - Đông Anh
Phía Tây Nam cả vùng đất Gia Lâm
Gạch Bát Tràng cũng thuộc làng Quan họ.

Phía Đông Nam Tương Bần đầy ngô
Dáng Chùa Nôm tháp thoáng áo mớ ba
Vùng Đông Ngàn - Phù Đổng hào hoa
Cứ lúng liếng chiều quê miền Quan họ.

Giờ gói gọn vào Bắc Ninh miền nhớ
Khúc sông Cầu nên, nẩy vẫn nên thơ
Vớ chiều sâu nên văn hiến cổ xưa
Nay bờ ngõ lạc vùng Văn Miếu cổ.

Lặng lẽ Luy Lâu nghe thầy dạy chữ
Ai đọc kinh, niệm Phật đất Chùa Dâu?
Tranh Đông Hồ đậm đậm chất đất nâu
Nghe gà gáy chiều quê Lạc Thổ.

Em đội nón làng Môn Quảng đó
Mây lung chiều băng lãng Thiên Thai
Tiếng Thái Sư dạy học đất Nhị ngoài
Vẫn đau đau nỗi lòng bên Trại Vải.

Nghe Tam Tổ dạy kinh
chiều nghiêng sông Đuống gọi
Dáng Nỏ thần nổi kiếp sợ mây ngàn năm
Ai đang xuôi dòng sông Đuống ghé thăm
Cầu Bình Than rộng dài như dải lụa.

Giờ Bắc Ninh đã là thành phố mở
Nhà cao tầng, đường thoáng, hè thông
Ta đang cùng hội nhập bốn phương
Cứ mơ ước đường tương lai tươi sáng.

BÀI HỌC TỪ MỘT LẦN VIẾT BÁO CỦA ĐẠI TƯỚNG VÕ NGUYÊN GIÁP

TRẦN VỌNG

Nói đến Đại tướng Võ Nguyên Giáp - một nhà quân sự của Việt Nam thì chắc chắn không một ai là không biết, thế nhưng trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, ông còn là một nhà báo khá nổi tiếng. Cách đây 28 năm, nhân dịp kỷ niệm 70 năm ngày báo chí Cách mạng Việt Nam, Đại tướng đã kể cho một số nhà báo về những kỷ niệm vui, buồn trong cuộc đời làm báo của ông, đặc biệt là thời kỳ làm báo năm 1941 ở Chiến khu Việt Bắc, bên cạnh Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Sau nhiều năm bôn ba tìm đường cứu nước và giải phóng dân tộc ở nước ngoài, năm 1941 Bác Hồ đã trở về nước, mảnh đất đầu tiên được đón Bác chính là



Pắc Bó huyện Hà Quảng tỉnh Cao Bằng. Trong thời gian ở đây, Bác Hồ đã tích cực chuẩn bị mọi mặt để thành lập *Việt Nam độc lập đồng minh hội* gọi tắt là *Mặt trận Việt Minh*. Để tuyên truyền cách mạng, Người đã lập ra tờ báo **Việt Nam độc lập** và Bác Hồ trực tiếp làm Tổng biên tập.



Đại tướng Võ Nguyên Giáp là một trong những người được Bác Hồ giao nhiệm vụ tham gia viết bài cho báo. Do được sống, làm việc và học tập gần bên Bác nên ông đã được truyền dạy nhiều kinh nghiệm viết báo. Đại tướng rất nhớ việc Bác Hồ kể về thời kỳ làm báo và viết báo ở bên Pháp. Lúc đầu người ta bảo phải viết dài ra, khi biết viết rồi, người ta lại bảo viết ngắn lại. Bác Hồ đã nói: Viết dài đã khó, viết ngắn lại càng khó hơn. Chính điều này đã được Đại tướng chiêm nghiệm vào cuộc đời làm báo của mình, ông đã kể: Một lần được Bác Hồ giao cho viết bài về vấn đề phụ nữ; sau một thời gian suy nghĩ ông đã viết một bài dài đầy hai trang giấy. Đọc đi, đọc lại, sửa chữa, gọt tĩa từng câu chữ, khi đem bài nộp lên Bác để phê duyệt cứ tưởng rằng mình đã hoàn thành nhiệm vụ. Thế nhưng sau khi đọc xong, Bác Hồ mỉm cười và bảo: Chú viết dài quá, bài này chỉ để cho chú đọc thôi, còn bà con nông dân đọc thì có lẽ không ai hiểu được; bây giờ chú cầm về và viết ngắn lại chỉ 200 từ thôi là vừa, vì báo của ta ít trang, độc giả của ta trình độ còn thấp, có người đọc chưa thông, viết chưa thạo, thậm chí có người chỉ nghe người khác đọc chứ chưa tự đọc được báo. Khi viết chú cần nhớ: Viết cho ai đọc? Viết sao cho người đọc hiểu, hiểu rồi để mà làm theo.

Bài báo từ hơn 1000 chữ, bây giờ phải rút ngắn lại chỉ còn có 200 chữ quả là gian khổ, vất vả. Tuy nhiên cuối cùng cũng đã xong và Đại tướng đem lên nộp cho Bác Hồ, Người đã gọi Đại tướng ở

lại và chuyện lần này lại không diễn ra như lần trước. Hôm đó có rất nhiều người đang có mặt ở quanh Bác Hồ như đồng chí Dương Đại Lâm, đồng chí Nông Thị Trung, đồng chí “anh nuôi”... Bác Hồ đã bảo Đại tướng đọc to, thông thả, rành rọt từng chữ, từng câu cho mọi người cùng nghe. Đọc xong, Bác ân cần hỏi những người ngồi xung quanh:

- Thế nào, các cô, các chú nghe chú Văn đọc có hiểu không? (Văn là bí danh của Đại tướng Võ Nguyên Giáp).

Có người đáp:

- Thưa Bác hiểu ạ!

Bác lại hỏi:

- Thế có hay không?

Mọi người đồng thanh trả lời:

- Thưa Bác hay ạ!

Bác Hồ hỏi thêm mấy câu nữa xem “bạn đọc” có hiểu thật hay là không? Cuối cùng Bác Hồ cười và nói: “Bài báo của chú viết thế là được”. Đại tướng thở phào nhẹ nhõm. Sau này mỗi lần viết báo, Đại tướng vẫn ghi nhớ và cố gắng vận dụng lời dạy sâu sắc của Bác Hồ.

Nghe chuyện về một lần viết báo của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, một lần nữa mỗi người làm báo chuyên nghiệp nói chung, những người là cộng tác viên của mỗi tờ báo, nhất là những người làm báo trẻ nói riêng hãy tự rút ra bài học cho riêng mình. Chắc chắn câu chuyện làm báo của Đại tướng Võ Nguyên Giáp cách đây 82 năm vẫn còn nguyên giá trị cho mỗi chúng ta hôm nay và mãi mãi về sau./.

“TAY NGANG” DÀNH TRỌN MỘT TÌNH YÊU

THANH HUYỀN

Nghề báo với tôi là cả một hành trình đầy gian khó và thử thách. Làm báo không phải là một công việc dễ dàng. Với một người “ngoại đạo”, một kẻ “tay ngang” dấn thân vào nghề như tôi thì ngoài sự nhiệt huyết, đam mê, tận tụy tôi còn phải nỗ lực cố gắng rất nhiều để hoàn thành trọng trách của một người làm báo. Tôi luôn trân trọng cơ duyên mà nghề báo đã chọn tôi và quyết dấn thân với một nghề gian nan, vất vả nhưng vinh quang và đầy tự hào.

Xuất thân là một cử nhân kinh tế nhưng tôi đến với nghề báo như một nhân duyên đã định trước. Tháng 2 năm 1997, bước chân vào công tác tại Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Bắc Ninh với vai trò là kế toán của đơn vị, khi đó tôi chưa được học qua trường lớp đào tạo về chuyên ngành báo chí. Nhưng tôi may mắn được nhà văn Phan Thu - nguyên Chủ tịch Hội và nhà thơ Trần Anh Trang - nguyên Phó Chủ tịch Hội từ những năm đầu tái lập tỉnh, phân công thêm nhiệm vụ sửa morat tạp chí - sửa lỗi

chính tả hay còn gọi là “nghề nhật sạn”, một công việc hết sức thâm lặng trong quy trình làm báo. Những năm đầu mới tách tỉnh, công nghệ Internet chưa phát triển như bây giờ, do vậy mỗi lần sửa morat, mấy bác cháu phải sang trực tiếp nhà in Công Đoàn bên Hà Nội để đọc bông. Lần nào đi tôi cũng bị say xe, sang tới nhà in mặt mày tái mét, bác Phan Thu và Bác Trần Anh Trang có lần động viên, trêu đùa tôi: “Cố gắng lên, sau này biết đâu lại trở thành nhà báo”. Và thật bất ngờ, hơn 20 năm sau điều đó đã trở thành sự thực. Lúc tôi mới nhận công việc này, cảm giác áp lực, có phần chán nản. Không những áp lực vì công việc mới mà còn áp lực vì tôi chưa được đào tạo qua trường lớp báo chí. Nhưng rồi tôi nghĩ đơn giản, chỉ cần càn cù, đọc soát kỹ và dò lỗi, là được. Sau một thời gian trải nghiệm tôi mới thấy, công việc sửa morat cần sự tử mỉ, càn cù, chăm chỉ và kiên nhẫn thôi chưa đủ mà còn phải vững chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Với công việc sửa morat như vậy trong một



Trao đổi nghiệp vụ cùng Thư ký tòa soạn

thời gian, tôi đã biết cẩn trọng với từng dòng chữ trên bản bông, soát lỗi chính tả. Chính công việc tương như đơn điệu, tẻ nhạt đó đã giúp tôi tiếp nhận nhiều thông tin, tri thức qua từng bài báo, công việc giúp tôi trưởng thành và rèn luyện nhiều đức tính tốt. Cứ như thế, tôi tự nhủ rằng mình cần phải học, phải đọc, phải biết tư duy và điều quan trọng là càng phải chuyên cần trong công việc.

Trải qua một chặng đường dài công tác, trên nhiều vị trí công việc tại cơ quan với một quá trình học tập miệt mài để tiếp cận và học thêm nghiệp vụ báo chí, 21

năm sau tôi mới thực sự dần thân vào nghề báo. Đối với tôi, nghề báo rất thiêng liêng và cao quý, luôn mang trên mình trọng trách to lớn. Song hành với đó là những khó khăn, vất vả xen lẫn nhiều chuyện vui, buồn mà chỉ những người trong nghề mới hiểu và cảm nhận được. Vì là một nghề “tay ngang” nên tôi gặp không ít khó khăn trong công việc, việc nào cũng cố gắng nỗ lực để vượt qua từng bước. Thêm nữa mất nhiều tâm sức để vượt lên lại là rào cản dư luận và cả những sự đổ kỵ. Bước vào nghề với bao bỡ ngỡ, kinh nghiệm ít ỏi, tôi từng băn khoăn, trăn trở trước công

việc mới đảm nhận và chưa biết bắt đầu từ đâu, bắt đầu như thế nào để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Thời gian đầu tôi cảm thấy tự ti, mang tâm thế là “kẻ tay ngang”, và hơn hết là mặc cảm thua thiệt về sự đào tạo bài bản. Thế nhưng với sự quyết tâm học hỏi, ý thức lòng yêu nghề, kiên trì bền bỉ, sự nỗ lực cố gắng của bản thân cùng với sự động viên, khích lệ, hướng dẫn tận tình của đồng nghiệp tôi đã tự tin hơn với nghề và thầm cảm ơn vì điều đó. Tôi lại càng biết ơn các bậc tiền bối Phan Thu, Trần Anh Trang, Nguyễn Văn Triền đã quan tâm, chỉ bảo, dìu dắt tôi từng bước trưởng thành để tôi có được thành công như ngày hôm nay.

Làm báo là nghề đặc thù và có phần khắc nghiệt hơn nhiều nghề khác, vì phải chịu áp lực từ nhiều phía, thế nhưng xen lẫn trong đó là những câu chuyện vui có, buồn có. Vì lý do công việc, nhiều khi ăn uống qua loa rồi lại vùi đầu vào bản thảo, với trần trở suy tư... Sắp xếp bài vở hàng tháng sao cho phù hợp với chủ đề từng tháng, theo kịp dòng sự kiện; sao cho hợp lý để đạt sự cân đối, hài hòa giữa các tác giả, hội viên mà vẫn đảm bảo chất lượng của tạp chí và đúng định hướng, chỉ đạo của cơ quan cấp trên. Những ý kiến đóng góp của bạn đọc về sai sót trên tạp chí tôi luôn trân trọng, tiếp thu và rút ra nhiều kinh nghiệm, nhiều bài học quý trong nghề làm báo của mình.

Nghề báo không chỉ đòi hỏi sự hy sinh của người làm báo mà người thân của chúng tôi cũng phải chung hy sinh,

chia sẻ và cảm thông. Cơ cấu biên chế của tòa soạn quá ít ỏi, tôi và Thư ký tòa soạn Hoàng Yến phải kiêm nhiệm nhiều công việc trong chuỗi quy trình xuất bản tạp chí. Do vậy có những số tạp chí đặc biệt hai chị em tự động viên, khích lệ lẫn nhau, tranh thủ làm ngày, làm đêm, kể cả thứ Bảy, Chủ nhật - chúng tôi quá ít thời gian giành cho gia đình, con cái. Nếu không có sự chia sẻ, động viên của người thân, có lẽ chúng tôi khó hoàn thành được nhiệm vụ. Ngọn lửa yêu nghề luôn cháy trong tim và chúng tôi tin những hy sinh thầm lặng đó đều sẽ được đền bù bằng sự tin yêu của cả tác giả lẫn độc giả.

Vượt qua những cung bậc của thử thách, khó khăn, vất vả ấy là những niềm vui, hạnh phúc khi mỗi số tạp chí xuất bản được đông đảo hội viên, độc giả đón nhận, khen ngợi, sự cổ vũ của bạn bè, người thân. Đôi khi là những lời cảm ơn qua điện thoại, là lời chúc mừng nhân dịp 21/6... Và cả niềm vinh dự tự hào năm 2020 Tạp chí Người Kinh Bắc được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận danh hiệu tạp thể đơn vị tiên tiến xuất sắc; năm 2020 tạp chí được nhận giải Ba, năm 2023 được nhận giải Nhì giải thưởng quảng bá các tác phẩm VHNT, báo chí về chủ đề **“Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức phong cách Hồ Chí Minh”**. Đã nhiều hơn những tác giả, tác phẩm xuất hiện trên tạp chí giành được các giải thưởng cao như: Giải thưởng sáng tác quảng bá các tác phẩm VHNT, báo chí về chủ đề **“Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức phong cách Hồ**



Các tác giả có tác phẩm đăng trên Tạp chí Người Kinh Bắc nhận giải thưởng cuộc phát động sáng tác, quảng bá các tác phẩm VHNT, Báo chí về chủ đề "Học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh" (Đợt 1, giai đoạn 2021 - 2025)

Chí Minh"; Giải Báo chí Ngô Gia Tự... Những thành tích đó như mốc son ghi dấu ấn phát triển và trưởng thành của tạp chí Người Kinh Bắc. Đó là niềm tự hào của Tạp chí Người Kinh Bắc và cũng là niềm vinh dự của tôi trong chặng đường “tay ngang” của mình.

Chính thức dần thân với nghề chưa lâu, nhưng cũng không phải quá ngắn, tôi luôn trân trọng và tâm huyết với nghề. Dẫu biết rằng phía trước là một chặng đường dài gian khó nhưng tôi sẽ luôn cố gắng và nỗ lực sống hết mình bằng cái

tâm của nghề để tiếp tục hành trình và trải nghiệm nhiều điều mới mẻ, từ đó góp sức tạo ra những tác phẩm VHNT, báo chí chất lượng phục vụ Văn nghệ sỹ và bạn đọc. Cũng vì thế mà khiến tôi yêu nghề báo hơn, yêu những trang bản thảo và yêu những đứa con tinh thần được xuất bản mỗi kỳ. Bản thân tôi sẽ luôn luôn học hỏi, không ngừng trau dồi cả về chuyên môn và đạo đức nghề báo. Nghề “tay ngang” luôn cháy trong tim - lòng yêu nghề là niềm tin, là sự quyết tâm dành trọn tình yêu với nghề báo./.

"SĂN SÓNG"

Ở Trường Sa

XUÂN ME

Chặng đường hơn 10 năm làm nghề, có lẽ một trong những kỷ niệm sâu sắc, cũng đầy thú vị với tôi chính là chuyến hải trình hơn 20 ngày đêm đến với quần đảo Trường Sa (thuộc huyện đảo Trường Sa, tỉnh Khánh Hòa) thân yêu của Tổ quốc; tác nghiệp cùng đồng nghiệp khắp mọi miền đất nước, truyền tải thông tin, lan tỏa tình yêu, mang tấm lòng của đất liền đến với quân dân nơi biển đảo tiền tiêu...

Ngay khi được lãnh đạo giao nhiệm vụ công tác tại Trường Sa, tôi vừa háo hức xen lẫn hồi hộp vì đây là vinh dự lớn lao, song cũng là thử thách vì mọi thứ đều mới mẻ. Cùng với thực hiện nhiệm vụ của một phóng viên do Đảng ủy, Ban Biên tập Báo Bắc Ninh giao, với vai trò hội viên, tôi thông báo ngay với lãnh đạo Hội VHNT tỉnh, Ban Biên tập Tạp chí Người Kinh Bắc để chuẩn bị những số tạp chí mới nhất làm quà tặng cán bộ, chiến sĩ Hải quân và nhân dân tại những điểm đảo nơi đoàn đến; đồng thời tôi cũng chủ động lên đề cương, phác thảo các nội dung công

việc cần tác nghiệp trên đảo để kịp thời chuyển về Tạp chí kịp cho ra số đặc san Xuân Quý Mão - 2023.

Sẵn sàng mọi tình huống để làm sao đạt mục tiêu, kế hoạch đề ra, vì thời gian chuyến công tác diễn ra vào thời điểm cận Tết, mọi công việc đều như dồn dập, khẩn trương. Hơn thế nữa, trước chuyến đi, đoàn công tác chúng tôi được thông báo thời tiết không thuận lợi, biển động mạnh, gió lớn, sóng to. Hỏi chuyện kinh nghiệm vượt sóng đến Trường Sa, một số đồng nghiệp đi trước nói vui, giữa mênh mông biển khơi hầu như không có bất cứ sóng gì, ngoài... sóng biển. Nghĩa là mạng 3G, 4G, điện thoại thông minh (smart phone) hầu như không còn tác dụng, chỉ khi đến các điểm đảo mới có thể tranh thủ sóng 2G hoặc sóng điện thoại Viettel để chuyển tải tin, bài về đất liền, nhưng cũng phải rất nhanh chóng vì thời gian ở trên đảo thường rất ngắn. Hầu hết các điểm đảo đến vọn vẹn chỉ có khoảng 1 giờ đồng hồ. Do đó, để thu thập được nguồn tư liệu phong phú



nhất, đoàn phóng viên chúng tôi phân ra từng nhóm nhỏ và mỗi người phụ trách một nhiệm vụ như: Người ghi hình; người phỏng vấn; người chỉ chuyên chụp ảnh... Tranh thủ “từng phút, từng giây” để tác nghiệp.

Xong nhiệm vụ trên đảo, lên tàu ai nấy tìm mọi giải pháp, tận dụng tối đa thời gian để có thể xử lý và chuyển tin bài nhanh nhất về đơn vị. Nhưng đâu có dễ. Món “đặc sản say sóng” hầu như phóng viên nào khi đi tác nghiệp ngoài Trường Sa cũng được trải nghiệm. Đang say sóng “lử đử” trên tàu, nhưng chỉ cần xuống đến đảo là mọi người đều tỉnh như chưa hề có chuyện gì xảy ra và lao vào công việc.

Nhưng khi trở lại tàu, món đặc sản ấy lại “không mời mà đến”. Có người liền hai, ba ngày trên tàu chỉ nằm một chỗ và ngậm muối. Không tự hào nhưng tôi được đánh giá là... khỏe hơn nhiều đồng nghiệp vì đến bữa vẫn có thể xuống nhà ăn. Song, gió to, tàu chông chênh, có những lúc lắc lư như “rang lạc”, nên việc ngồi máy tính để xử lý tin, bài, ảnh cũng là cả một vấn đề. Trong khi thời gian ở đảo và ở đất liền đều không cho phép sự chậm trễ. “Săn sóng” trên mạn tàu, boong tàu, có buổi trực cả tiếng đồng hồ đến gần giữa đêm nhưng sóng cũng rất chập chờn, file ảnh đã nén xuống dưới 1MB, song có khi cũng



chỉ load được khoảng 20% là dừng. Đành chờ. Trong khi đó ở cơ quan, Ban Biên tập thông tin Tạp chí đã lên “khuôn” cơ bản, chỉ còn chờ nội dung ngoài đảo của tôi là hoàn thiện và chuyển in... Đến hôm tàu cập đảo Đá Đông, sẵn được “sóng” chuyển được tin bài, tôi cũng thở phào nhẹ nhõm vì đã hoàn thành nhiệm vụ.

Khi cuốn Tạp chí in xong, được các đồng chí trong Ban Biên tập, Tòa soạn, đồng nghiệp chia sẻ tôi mới hay, Tạp chí Người Kinh Bắc là một trong số ít những Tạp chí cập nhật kịp thời tin tức biển đảo từ chuyến công tác của hội viên để đăng vào 2 số đặc san Xuân Quý Mão 2023.

NGUYỄN NHƯ HẠO

Về làng xưa

("Anh ngắm lại chứ không sao lấy lại"- Nguyễn Duy)

Chiều nay
Về làng Xưa
Tìm lại chút xưa
Kìa hoa đã cây
Kìa quả đã vườn
Thuở lặn lội sông Vãn
Phía bờ Đìa, Nhội
Phút chành chao chạm Với đầm Đìa.

Buổi xuôi dạt làng Hương
Vấp phải Mài phải Gọng
Tháng Giêng à!
Ai nhớ ai không?

Phía cửa làng vẫn là hàng Xoan
Nở tím một mùa chờ đợi
Cái màu tím chết người
Không làm sao hiểu nổi.

Thì vẫn Thanh Hà, Thanh Lâm... gió thổi
Trước một vùng sông nước mênh mông
Thì vẫn Đất và Người trăm năm gắng gỏi
Trước tình quê Hương - Sắc
Nén lòng.

Em giấu mình
Trong dáng cây
Hằng mong
Tình yêu
Anh
Giấu vào lòng gió thổi.

Đến mây trắng bạc đầu còn nông nổi
Dây xoan già còn tím trước trăm năm./.

Chú thích: Chữ in nghiêng là tên làng vùng
làng bạc.

NHÀ BÁO LÀ NƠI ĐỂ MỖI NGƯỜI GỬI GẮM NIỀM TIN

VŨ ĐĂNG BÚT

Vùng Đông Bắc Cam-pu-chia vào những ngày cuối tháng 12-1987, trời rét tê tái. Thế mà đêm hôm đó, khi chúng tôi tới ngầm Ô-ra-đao, nơi mà sáng hôm sau sẽ tiến hành cuộc tiến đưa các chiến sĩ Quân tình nguyện Việt Nam trở về Tổ quốc, đã thấy đông nghịt người dân Cam-pu-chia. Tôi để ý thấy một bà già len lỏi giữa đám đông suốt mấy tiếng đồng hồ.

- Bà tìm ai ở đây ạ?

Bà nhìn tôi chăm chú, vẻ như dò xét. Sau một lúc, bà nói:

- À, tôi đi tìm người quen. Chú có biết chú Hùng ở Đại đội 4 công binh không?

- Tôi chưa kịp nói gì, bà đã nói tiếp:

- Chú Hùng tốt quá! Các chú bộ đội tình nguyện Việt Nam tốt quá! Các chú chẳng những đã giúp đất nước chúng tôi đánh đổ bọn diệt chủng, còn lo ổn định đời sống cho từng người dân. Công ơn này, chúng tôi không bao giờ quên được.

Qua hỏi chuyện, tôi được biết, bà tên là Bun-Xay, quê ở Bản Lung, thị xã Bung Lung, tỉnh Ra-ta-na-ki-ri. Bà kể: Ngày ấy, cách mạng Cam-pu-chia đã đưa đất nước thoát khỏi họa diệt chủng. Nhưng vì nghe lời đe dọa, xuyên tạc của địch, gia đình tôi cùng một số người kéo nhau vào rừng

sinh sống. Khí hậu khắc nghiệt, một số người bị chết do đói, rét và bệnh tật. Sau ít ngày, chúng tôi nhận ra mình đã bị lừa, nên kéo nhau trở về. Mọi người thật sung sướng khi thấy phum, sóc, nhà cửa, vườn tược an toàn, vẫn còn nguyên vẹn. Sau đấy một thời gian, bọn tàn quân Pôn-pôt lén lút vào phum phá hoại, cướp của. Anh Hùng đã cùng đồng đội chiến đấu quyết liệt, bảo vệ an toàn tính mạng và tài sản của dân. Lần ấy, anh Hùng bị thương, được đưa về trạm xá của Trung đoàn. Nghe tin, bà vội vàng tìm tới nơi, nhưng đơn vị anh Hùng đã chuyển đi nơi khác.

Kể từ đó, bà Bun-Xay hỏi thăm miết vẫn không thấy tin đơn vị anh Hùng ở đâu. Gặp các chiến

sĩ Quân tình nguyện Việt Nam, bà đều hỏi, nhưng họ đều trả lời: "Có dừng chân tại Bung Lung", "Có làm những việc như thế", "Việc chỉ có chút thể thôi, có chi mà bà phải bận tâm tìm kiếm?"...

Tôi đang ghi ghi chép chép thì có đồng chí cán bộ ở Văn phòng Tỉnh ủy nước bạn đến. Đồng chí giới thiệu cho bà Bun-Xay biết tôi là một ký giả Việt Nam và hy vọng bài báo của tôi sẽ tìm được chú Hùng. Lại một lần nữa bà Bun-Xay xúc động:

- Tôi xin biết ơn nhà báo! Nhà báo giúp tôi tìm chú Hùng nhé. Tôi tin nhà báo sẽ tìm được chú Hùng!

Hơn bao giờ hết, tôi cảm nhận thật sâu sắc niềm vinh dự, tự hào này, vì nhà báo cũng là nơi để mọi người gửi gắm niềm tin...

Cả nhà làm báo

Cả nhà em làm báo.
Giúp ích cho mọi người.
Truyền thông tin khắp nơi.
Đến tay bao bạn đọc.

Mặc khó khăn, mệt nhọc.
Bố thường công tác xa.
Viết phóng sự, điều tra.
Nêu gương bao người tốt.

Còn bạn bè trường lớp.

Em thường tả bằng thơ.
Tả đồng lúa, nương ngô.
Mùa nôi mùa, vui quá!

Anh trai em có cả.
Điểm chín mười môn văn.
Mọi người thầm khen anh.
Sau thành nhà báo giỏi.

Thế là người ta gọi.
Nhà làm báo, làm văn...



VĂN HÓA LÀM NÊN KỶ TÍCH

HOÀNG TIẾN

Từ năm 1948 đến 1951 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta, đã chuyển sang giai đoạn “Tích cực cầm cự”. Do chức trách, tôi được đọc nhiều văn bản, sách, báo, tiếp cận nhiều cán bộ các cấp. Sách, báo...lúc ấy quý lắm, báo “Cứu quốc” báo “Sự thật” tiền thân của báo “Nhân dân”, báo “Quân Việt Bắc”, “Thông tin Bắc Ninh” và một số sách, báo khác. Sách báo và các cán bộ đã bồi dưỡng trí tuệ và mở rộng cho tôi tầm nhìn, tầm nhận thức về Chính trị, về Văn hóa, về cuộc kháng chiến còn nhiều gian nan, thách thức...

Tôi hiểu Văn hóa trước hết là con người, là ngôn ngữ, cử chỉ, là đường ăn, ý ở, phong tục tập quán, là tiếng nói, chữ viết, là tôn giáo... nhiều màu vẻ, phong phú và đa dạng...

Con người ta sinh ra, lớn lên, dần dà phát triển, cả về hành động và trí tuệ. Rồi lao động, kiếm cái ăn, duy trì sự sống. Nhưng đất nước ta từ đầu thế kỷ XX ở vào hoàn cảnh vô cùng nghiệt ngã... Thực dân Pháp đã cướp nước ta hơn 80 năm, dân ta đã bị chúng cai trị vô cùng hà khắc. Năm 1940 lại thêm phát xít Nhật, câu kết với thực dân Pháp xâu xé nước ta. Dân ta bị hai

tầng áp bức, bóc lột vô cùng thâm tệ. Nào sưu cao, thuế nặng, nào đi phu, đi lính... Lúa ngô đang xanh tốt, bọn Nhật bắt phá đi để trồng đay, sản phẩm mang về chính quốc, mặc cho dân ta sống leo lét, mỗi mòn, cực khổ, đến nỗi chết đói thảm thê. Nhà thơ

Tố Hữu đã viết: *“Thuở nô lệ dân ta nước mát/ Cảnh cơ hàn trời đất tối tăm...”*.

Năm 1941 cụ Hồ về nước, Người chỉ đạo: “Đảng vạch con đường đánh Nhật - Tây...”. Năm 1943 Tổng Bí thư Trường Chinh soạn thảo “Đề cương về Văn hóa Việt Nam” và được Thường vụ Trung ương thông qua tháng hai - năm ấy, nhằm kịp thời định hướng nền Văn hóa của dân tộc, coi như Tuyên ngôn của Đảng cộng sản Đông Dương về Văn hóa Việt Nam và khẳng định “Nền Văn hóa Việt Nam phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Đông Dương”.

Thời kỳ ấy - Thế giới đang đại chiến lần thứ hai, cảnh núi xương sông máu hết sức tàn khốc, đến nỗi trong vòng hơn bốn năm trời, khoảng 50 triệu con người đã thiệt mạng, hàng chục “cường quốc” bị tàn phá nặng nề, kéo theo hàng chục nước khác lâm vào cảnh khó khăn, tụt hậu... Đất nước ta đang vô cùng rối ren về chính trị, kiệt quệ về kinh tế, nát tan về xã hội, cuộc sống nhân dân ngột ngạt bởi nô lệ,



Đề cương về văn hóa năm 1943:

Văn hóa SOI ĐƯỜNG
cho công cuộc xây dựng và
phát triển đất nước

lâm than, tăm tối, tương như... “không có đường ra...”. Đảng ta nhận rõ: Phải kịp thời sóc lại tinh thần và ý chí của dân tộc, xây dựng nền Văn hóa như một mặt trận làm nên sức sống của đất nước, con người, cùng với các mặt trận Chính trị, kinh tế để vận động, giác ngộ, cổ vũ, tắt tắt mọi giai tầng trong xã hội, tham gia cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.

Đề cương về Văn hóa Việt Nam đã như một luồng gió mới, mát lành, đáp ứng kịp thời đòi hỏi của Lịch sử, của xã hội Việt Nam. Đây là cương lĩnh đầu tiên về Văn hóa, vô cùng đúng đắn, là cái đích chống lại nền Văn hóa phản động, nô dịch và thuộc địa của giặc.

Thực dân Pháp âm mưu duy trì chủ nghĩa xâm lược, nhồi sọ, ngu dân, đầu hàng Đại Pháp.

Phát xít Nhật lừa phỉnh “Việt Nam là giống da vàng, vận động đi theo thuyết “Đại Đông Á” người Nhật là cứu tinh giống da vàng”.

Còn ta - nêu cao lòng tự hào dân

tộc, nhất định không chịu mắc mưu thâm độc của hai tên giặc, luôn hô vang các khẩu hiệu: "Đả đảo đế quốc Pháp", "Đả đảo phát xít Nhật", "Nước Việt Nam độc lập". Đồng thời còn chống cả xu hướng Văn hóa bảo thủ, bi quan, phản động của bọn tay sai bán nước, chống thái độ thờ ơ, duy tâm, buồn chán, mất phương hướng, né tránh, không dám hòa mình cùng nhân dân tranh đấu.

Giá trị tuyệt vời của Đề cương Văn hóa - 1943 - là Đảng ta không cần đợi khi giành được Chính quyền, lập Chính phủ, mới ban hành Đề cương... bởi Đảng ta hiểu rõ nhân dân mình, biết rõ lịch sử nước mình - bao đời có truyền thống yêu nước, thương nòi, ghét ngoại bang, xâm lược. Số đông các giới nho sĩ, trí thức, các nhà tư sản, tiểu tư sản, các văn nghệ sĩ... cũng đều căm ghét kẻ thù, nên cần sớm vạch ra con đường cứu nước và những nhiệm vụ cần kíp của văn hóa, vận động văn hóa đi theo định hướng cách mạng giải phóng dân tộc, phá tan xiềng xích nô lệ. Không giải phóng được dân tộc, dân ta sẽ chết dần, chết mòn vì ngu tối và bị bóc lột, phong trào cách mạng vẫn bị đàn áp, những người Cộng sản, những người dân yêu nước, vẫn bị khủng bố, tù đầy, bị giết hại. Chỉ khi có giác ngộ về văn hóa mới biết lăn mình vào đấu tranh tự quyết lấy vận mạng, cuộc sống của mình...

Phương châm - Trước tiên phải "xóa nạn mù chữ". Thời điểm ấy 95% dân ta chưa biết chữ, phải thành lập Hội truyền bá quốc ngữ, dạy cho dân ta có chữ viết riêng,

có tiếng nói riêng, biết đòi nô lệ nhục nhã "Một đời đau suốt trăm năm/ Chim treo trên lửa cá nằm dưới dao" (Tố Hữu) sống một đời chịu nô lệ, lầm than "suốt trăm năm" thì thà chết còn hơn. Cũng năm ấy Đảng ta cho thành lập Hội Văn hóa cứu quốc, nhằm thu hút rộng rãi lực lượng "cứu quốc". Vận động cho mặt trận văn hóa phát triển, hòa với các mặt trận chính trị, kinh tế... Làm cho mọi người - ít nhất - cũng đọc được truyền đơn, sách báo của Đảng, của cách mạng, bằng chữ quốc ngữ, biết đâu là kẻ thù. Đồng thời nhanh chóng cải cách chữ quốc ngữ, sao cho dễ học, dễ đọc, dễ thuộc, nhằm gấp rút mở mang tầm hiểu biết cho người dân, tiến tới có thể tiếp thu được tinh hoa văn hóa của nhân loại. Trước mắt phải cùng nhau đuổi được Nhật - Pháp, giành lại giang sơn đất nước...

Đề cương Văn hóa còn nêu nhiệm vụ: "Tổ chức các nhà văn" bởi văn chương là phương tiện nhận thức xã hội, các nhà văn mang thiên chức hướng dẫn con người biết nhận thức cuộc đời một cách sáng suốt, biết yêu, biết ghét một cách rõ ràng, kích thích con người biết đứng dậy, xua đi nỗi buồn, diệt trừ cái ác. Cũng như các nhà chính trị, cũng giáo dục con người biết đâu là thù, đâu là bạn, con người cần phải làm gì. Cũng với tư tưởng: "Tổ quốc trên hết" nhưng các nhà văn có cách giáo dục mềm, tâm lý, sâu lắng và thuyết phục, có sức lay động đưa con người đến bản ngã tự giác, lo cho mình, cứu lấy dân, nước mình. Các nhà cách mạng đã khéo léo giác ngộ - trước hết là nhóm Tự lực văn đoàn - sáng tác theo

định hướng “Nghệ thuật vì dân sinh” nhằm đánh đuổi thực dân - phát xít.

Bác Hồ nói: “Văn hóa soi đường cho quốc dân đi”. Đề cương đã đi đúng đường lối ấy. Rất nhiều các nhà hoạt động văn hóa, những học giả, trí thức lớn, cả các quan lại triều đình, cả thủ lĩnh các dân tộc... từ nhận chân, đến nhận đường, nhận biết được nên văn hóa, với các nguyên tắc căn bản “Dân tộc hóa... Đại chúng hóa... Khoa học hóa” thể hiện ý nghĩa đặc sắc, sâu sa, tinh túy của truyền thống Việt Nam...nên họ tự nguyện đi theo cách mạng, đi theo Cụ Hồ, đến cả vua Bảo Đại (không phải chỉ vì trong lúc thất thế) đã tự nguyện “xin làm dân một nước Độc lập, còn hơn làm vua một nước nô lệ”. Rồi cả những bác sĩ, kỹ sư tài ba, đang sống ở nước ngoài, lương tháng hàng chục cây vàng, cũng tự nguyện trút bỏ, theo Cụ Hồ về nước, tham gia kháng chiến, sống cuộc sống gian khổ nơi núi cao, rừng sâu, tận trung với nước, tận hiếu với dân. Được Chủ tịch Hồ Chí Minh - một nhà văn hóa lớn - trọng dụng, giao cho những trọng trách giúp dân, giúp nước...

Từ Đề cương Văn hóa Việt Nam - 1943 - đến suốt những năm dài kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nền văn hóa mang đậm sắc màu dân tộc được vận dụng, phù hợp với từng giai đoạn, từng hoàn cảnh hết sức linh hoạt, nên đã mang lại thành công rực rỡ, tát thấy các đế quốc xâm lược đều thua. Đặc biệt đế quốc Mỹ luôn cậy mình là nước giàu mạnh văn minh nhất thế giới,

nhưng lại xử sự và hành động độc ác, tàn bạo và hèn hạ, vô văn hóa vào bậc nhất thế giới. B52, bom Napan, bom bi... là những vũ khí giết người hàng loạt, không được sử dụng trong chiến tranh thông thường, cục bộ... Cùn nhất là Mỹ còn sử dụng chất độc hóa học gây hiểm họa khôn lường, đến nỗi chính lính Mỹ và chính những người dân nước Mỹ còn không chịu nổi, phải cực lực lên án nguyên rửa...Cuối cùng Mỹ đâu có thắng nổi Việt Nam, phải thừa nhận “... Là thất bại nặng nề nhất từ khi thành lập nước Mỹ...”. Viên Đại tướng Bộ trưởng Bộ quốc phòng Mácnamara phải than vãn: “Mỹ thua vì Mỹ không hiểu được nền văn hóa Việt Nam”.

Tuy nhiên trên chặng đường dài...có lúc cũng biểu hiện sự đi sai đường, lệch hướng như: Có đảng phái chính trị (mất gốc) đòi chia quyền chấp chính (1945 -1946). Có người vin có phê bình tác phẩm “Việt Bắc”, “Vượt Côn Đảo” công kích lãnh đạo (1955). Một số người thổi phồng sai lầm trong Cải cách ruộng đất (1956 - 1957). Một số người đòi “Trả văn nghệ cho văn nghệ”, một nhóm tự ý ra báo, xuất bản thơ (1957 - 1958), đòi hỏi quá đáng với Nhà nước, trong khi một nửa nước đang còn xương rơi máu chảy. Hoặc khi đã sạch bóng xâm lăng, lại xuất hiện bọn gian manh, độc ác, xuyên tạc, phá hoại chế độ xã hội chủ nghĩa, phá hoại công cuộc đổi mới. Rồi họ cũng uổng công, vô ích, chẳng thuyết phục được ai.

Ánh sáng của chân lý, ánh sáng của nền văn hóa truyền thống cách mạng đã rọi

soi, uốn nắn kịp thời, kêu gọi lương tri, bồi dưỡng nhận thức, lên án sai trái, nhắc nhở cảnh giác, nhạy cảm quá đà...trường hợp cố tình, tất phải xử nghiêm.

Trải qua 80 năm, một đất nước có nền văn hóa chói ngời bản sắc dân tộc, có hạt nhân lãnh đạo: “Làm tên quân cảm tử đi tiên phong” (Tố Hữu) làm cuộc chiến tranh nhân dân thần kỳ, trên thế giới này chưa nước nào thành công với chiến lược này, có lãnh tụ vô vàn kính yêu Hồ Chí Minh - Người tỏa sáng chân lý 9 chữ: “Không có gì quý hơn Độc lập - Tự do”; có Quân đội nhân dân anh hùng với bản lĩnh vô song: “Kẻ thù nào cũng đánh thắng”. Có nhân dân đoàn kết keo sơn, triệu người như một, có sự cố kết làng - nước, “Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh” lại đầy ấp lòng nhân từ “Lấy nhân nghĩa thắng hung tàn...”, tha cho hàng ngàn tù binh Mỹ (kể cả phi công), cải tạo hàng chục vạn quân nguy. Nền văn hóa cao sang ấy nhất định - sẽ đập băng mọi thế lực cản trở để làm nên những kỳ tích vinh quang. Và đến tận ngày nay bản Đề cương về Văn hóa 1943 vẫn vang vọng giá trị, vẫn phù hợp với công cuộc xây dựng đất nước hiện nay nhằm đưa dân tộc Việt Nam ta tiến lên ngang hàng cùng thế giới./.

ĐÀO BÁ THUẬT

Bắc Ninh thành phố đẹp giàu



Xanh xanh dải đất đẹp giàu
Bắc Ninh thành phố tươi màu hào hoa
Lừng danh bia báng ông cha
Mồ hôi đổ mặn Suối Hoa tải vàng.

Hôm nay tiếng máy âm vang
Áo xanh, áo trắng vũng vàng đi lên
Đất văn vật sáng niềm tin
Giàu sang, thanh lịch thơm miền đất quê.

Nắng hồng lấp lánh sao khuê
Sóng sông Cầu vọng lời thề nước non
Trải bao dâu bể mắt còn
Thái tử dựng nghiệp Âu vàng ngàn thu.

Nước sông Cầu vẫn lơ thơ
Quai thao, quán dốc xanh bờ trúc xinh
Khí thiêng tụ đất quê mình
Hào hoa lịch lãm Bắc Ninh đẹp giàu./.

VŨ HẰNG

Một

Một làn gió thoảng mà say
 Một lời tri kỷ đã đầy tâm tư

Một người dung - Một hạt mưa
 Một ô khéo lựa che vừa một đôi

Một em riêng một khoảng trời
 Một tôi chung một nụ cười... Một em./.

TRẦN THIẾT

Biển và rừng

Đằng sau dãy núi là rừng
 Trước rừng đồng lúa vui cùng nhà nông
 Nhìn về phía dưới dòng sông
 Màu xanh vô tận biển đông dạt dào.

Biển rừng năm nào năm nào
 Sơn thần thủy tặc đầu giao nhọc lòng
 Sá gì một khách má hồng
 Để rồi mang tiếng non bồng thủy tiên.

Hao binh tổn tướng thêm phiền
 Cũng may quá giận lại thiên vì đời
 Qua sông rừng nhả biển khơi
 Mang theo lâm sản biểu nơi biển vàng.

Ngược dòng biển vẫn còn mang
 Cá tôm hải sản gửi sang tặng rừng
 Xa xôi cách trở ngàn trùng
 Biển và rừng vẫn một vùng nước non.

NGUYỄN ANH THUẤN

Với đám bèo tây

trên sông Tam Bạc

Trôi đi bèo tây ơi!
 Trôi đi lục bình ơi!
 Không thể tá túc mãi nơi này
 Dẫu đôi bờ bao nhiêu là quyến rũ
 Dẫu Tam Bạc đã ít dần dầu mỡ
 Mặt không còn nhem nhem bụi than đen...

Bèo tây ơi!
 Sao lại bỏ hồ ao ấy mà đi?..
 Nơi ấy nước trong veo
 Con cá cò nhí nhảnh...
 Nơi quả ổi vàng rơi thơm mùa thu
 Nơi có thể tựa vào hoa sen hoa súng
 Để tưới xanh, nở hoa, tím biếc phận bèo...

Trôi đi bèo tây ơi!
 Trôi đi lục bình ơi!
 Đã chọn kiếp trôi thì trôi cho đã
 Dẫu tan tác cũng tan vào biển cả
 Còn hơn vật vờ bên thân tàu rỉ han
 Còn hơn lẫn vào đám rác rưởi vô vàn
 Hôi tanh và tằm tối!

Trôi đi... trôi đi...
 Hỡi đám bèo nông nổi!
 Đừng ngớ ngẩn nở hoa
 Nơi không phải của mình!!!

CHU VĂN KHOÁI

Nhớ thương yêu

Anh gửi về em chữ nhớ
 Đã thấy sông Cầu nước chảy lơ thơ
 Nước chảy lững lờ
 Cho đôi bờ lưu luyến vấn vương ...
 Anh gửi về em chữ thương
 Đã thấy sông Thương* lượn lờ uốn khúc
 Dòng trong dòng đục
 Cho đôi bờ giục giã bao nhiêu...
 Anh gửi về em chữ yêu
 Đã thấy năm Tiêu* những chiều chuyền gió
 Gió nhỏ gió to
 Cho lay động đất trời ...
 Nhớ - Thương - Yêu chẳng đủ lời
 Quê hương rạng rỡ ngàn đời vui sao!
 Quê hương đất rộng, trời cao
 Dưỡng nuôi ta lớn biết bao ân tình ...

* Sông Thương: Thương Giang

* Năm Tiêu: Năm làng Tiêu: Tiêu Thượng,
 Tiêu Long, Tiêu Sơn, Tiêu Rút, Tiêu Tè.



THÁI KHOÁT

Sen

Lá sen ngửa mặt trông trời
 Hứng mưa, nhận nắng để nuôi lá tròn
 Ngó sen lặn ngụp trong bùn
 Ngày đêm vất vả lọc từng hạt thom
 Búp sen từ đất vươn lên
 Ấp ôm cánh mỏng ủ men của trời
 Hoa sen thơm ngát một đời
 Còn thơm cho cả những lời ca dao
 Sen tàn để nhớ cho ao
 Đông qua, xuân lại khát khao mùa hè.

ĐÀO QUANG VINH

Nỗi niềm lửa nhen

Sắc quê bay thắm áo dài
 Cho câu Quan họ ngân hoài dáng em
 Đã vương vào khúc giao duyên
 Dễ gì tắt được nỗi niềm lửa nhen.

Ngồi buồn giờ ảnh ra xem
 Bỗng dung ký ức đánh ghen nụ cười
 Ảnh đây mà ảo chân trời
 Vẫn cầu bão tố tránh nơi em về./

ĐÔI ĐIỀU SUY NGHĨ VỀ TRÁCH NHIỆM NGƯỜI CA SĨ, NGHỆ SĨ BIỂU DIỄN VỚI VIỆC XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG VĂN HÓA LÀNH MẠNH

CHU PHƯƠNG ANH

Hội nghị Văn hóa toàn quốc vừa qua, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng một lần nữa nhấn mạnh: “Văn hóa còn, dân tộc còn”. Văn hóa đã trở thành sức mạnh nội sinh, vừa là động lực vừa là mục

tiêu trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, tạo dựng nên một diện mạo về một đất nước Việt Nam tươi đẹp trong lòng bạn bè quốc tế. Âm nhạc nói riêng và nghệ thuật nói chung là thành tố cơ sở, góp phần tạo





dựng nền văn hóa, văn hiến dân tộc, mang bản sắc riêng, góp phần không nhỏ trong việc gìn giữ nền độc lập chủ quyền nhất là trong thời đại ngày hôm nay.

Xu hướng thương mại hóa hoạt động truyền thông khiến báo chí không ngừng tìm kiếm những thông tin lạ, độc nhằm ăn theo hội chứng đám đông. Vì thế, những câu chuyện hậu trường, những chuyện riêng tư, những tai nạn trong biểu diễn... trở thành nguồn đề tài gây sốt mà báo chí săn đón. Các tờ báo đã tự “lá cải hóa” nội dung thông tin của mình, vô tình tiếp tay cho ý đồ muốn được đánh bóng thương hiệu của nghệ sĩ và không thiếu những ca sĩ đã lợi dụng truyền thông để thực hiện PR (Public relations) tên tuổi của bản thân. Việc tổ chức những chương trình âm nhạc hiện nay không chỉ thuộc về các đài truyền hình, các cơ quan Nhà nước, mà còn thuộc về các đơn vị tư nhân, các đơn vị tổ chức sự kiện, các quán cà-phê... Những đơn vị này cũng được cấp phép để tổ chức biểu diễn nên đây chính là không gian góp phần để những tác phẩm nhạc kém chất lượng và các hiện tượng tạo xì-căng-đan trong biểu diễn bùng nổ. Có những ca sĩ diễn viên hoặc cả ekip dàn dựng đã không ngại sử dụng những tác phẩm ăn sổi chạy theo xu hướng một bộ phận khán giả, cổ xúy tình yêu chớp nhoáng, không đảm bảo nội dung nghệ thuật cũng như học thuật.

Cùng với đó, một số đài hoặc trên các phương tiện truyền thông do cần thu hút khán giả nên ngày càng tạo nhiều hơn các sân chơi ca nhạc, biến âm nhạc thành trò chơi, vô hình trung hạ thấp tính giáo

dục, tính thẩm mỹ, nghiêng sang lĩnh vực giải trí đơn thuần, một số ca sĩ trẻ đang đi theo xu hướng thị trường, giải trí dẫn đến tình trạng buông lỏng chất lượng, nghiệp dư hóa - lệch chuẩn, chệch khỏi trật tự xã hội, không theo thuần phong mỹ tục... Đối với tỉnh Bắc Ninh, hiện tượng hát Quan họ trên nền nhạc sống hiện nay cần phải xem xét nghiêm túc, cần có sự điều chỉnh của các cơ quan có thẩm quyền, đồng thời phải nâng cao nhận thức người dân, người nghệ sĩ chân chính phải làm gương mà ngăn chặn những hành vi tiêu cực trên, góp phần làm thanh sạch môi trường văn hóa nghệ thuật.

Để nâng cao tính thẩm mỹ trong nghệ thuật biểu diễn âm nhạc, trước hết, cơ quan quản lý cần thống nhất một bộ phận có chuyên môn cao để thẩm định, đánh giá chất lượng những tác phẩm âm nhạc mới trước khi cho công bố, tránh tình trạng chông chéo quyền hạn trong việc cấp phép biểu diễn. Bên cạnh đó, cũng cần xây dựng một quy chuẩn về trang phục biểu diễn, đẩy mạnh khâu kiểm duyệt trước sự kiện để tránh những sự cố không như ý xảy ra trong quá trình biểu diễn. Việc xuất bản, in ấn, đăng tải các video, clip trên nền tảng internet như Youtube, facebook... cần được theo dõi của các bộ phận chuyên môn an ninh mạng, các nội dung phản cảm phải được gỡ bỏ hoặc không cấp phép lưu hành. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cũng cần có những chế tài đủ mạnh, có quy định rõ ràng cả về mặt kinh tế và tác nghiệp để xử lý chính xác, triệt để những vi phạm trong vấn đề bản quyền sáng tác và biểu diễn nghệ thuật, từ đó tạo hiệu ứng răn đe và

định hướng thẩm mỹ trong biểu diễn nghệ thuật của nghệ sĩ.

Công tác thanh tra và kiểm duyệt trước và sau sự kiện cũng cần được đẩy mạnh. Cùng với Bộ Văn hóa, Bộ Thông tin và Truyền thông, UBND tỉnh, thành phố cần chỉ đạo các cơ quan báo chí thông tin có chọn lọc, tập trung tuyên truyền cho những sự kiện, chương trình âm nhạc có chất lượng, có giá trị nghệ thuật và phù hợp thuần phong mỹ tục, văn hóa của dân tộc. Từ đó, góp phần định hướng cho công chúng trong việc thưởng thức âm nhạc. Bên cạnh khả năng thực thi mang tính dứt khoát, mạnh mẽ của luật, yếu tố chính quyết định giá trị thẩm mỹ của nghệ thuật biểu diễn vẫn phụ thuộc phần lớn vào sự trau dồi kiến thức, đạo đức nghề nghiệp của những người nghệ sĩ.

Trong suốt chiều dài lịch sử của dân tộc đến nay, thể hệ văn nghệ sĩ - chiến sĩ Bắc Ninh luôn khẳng định được vị trí đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương Kinh Bắc đó là xung kích trên trận tuyến chống thù, tích cực trên tuyến đầu chống dịch. Nhiều nhạc sĩ, nghệ sĩ chi hội âm nhạc luôn xác định sứ mệnh cao cả, đồng hành, cổ vũ, động viên nhân dân tỉnh nhà lao động, sáng tạo, hướng tới chân - thiện - mỹ, hướng tới mục tiêu cao cả nhất: Dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, hạnh phúc bằng những tác phẩm mới, bắt kịp với cuộc sống đương đại. Nếu như nhạc sĩ là người sáng tạo nên tác phẩm âm nhạc thì ca sĩ/ người biểu diễn nghệ thuật chính là người mang đến sức sống, là cầu nối để khán giả tiếp nhận tác phẩm âm nhạc.

Một sáng tác có được công chúng yêu mến hay không phụ thuộc không nhỏ vào tính thẩm mỹ trong nghệ thuật biểu diễn của ca sĩ, từ giọng hát đến phong cách, sự biểu cảm. Các nghệ sĩ/ ca sĩ trong Chi hội luôn mong muốn tiếp tục được đào tạo về chuyên môn, nâng cao bồi dưỡng kỹ thuật ca hát, nâng cao nhận thức, kỹ năng biểu diễn các loại hình nghệ thuật.

Trên tinh thần đổi mới chính sách về văn hóa nghệ thuật, chúng tôi mong các cấp lãnh đạo và Hội Văn học nghệ thuật tỉnh sẽ tiếp tục quan tâm sử dụng các tác phẩm, tổ chức các chương trình biểu diễn nghệ thuật, hỗ trợ in âm văn hóa phẩm, video giới thiệu tác giả, tác phẩm, nghệ sĩ biểu diễn âm nhạc... để động viên, khích lệ Chi hội âm nhạc nói riêng, trong toàn Hội Văn học nghệ thuật nói chung; Tiếp tục đầu tư các điều kiện cơ sở vật chất và có chế độ tôn vinh tài năng và cống hiến của ca sĩ, nghệ sĩ trong Chi hội trong sự phát triển văn hóa nghệ thuật tỉnh nhà.

Trong thời gian tới, với vai trò quy tụ đoàn kết, Chi hội âm nhạc Bắc Ninh tiếp tục là nơi tập hợp lực lượng đông đảo văn nghệ sĩ tỉnh nhà, tạo nên môi trường thẩm mỹ, văn hóa, giáo dục tốt để mỗi nghệ sĩ, ca sĩ, diễn viên chi hội ý thức được sứ mệnh và trách nhiệm lớn lao của mình. Trong “mái nhà chung”, tự mỗi người sẽ không ngừng học tập, rèn luyện, nâng cao bản lĩnh văn hóa, chính trị, vốn sống, vốn hiểu biết để sáng tạo, biểu diễn thành công những tác phẩm xứng với kỳ vọng của Đảng, Nhà nước và Nhân dân giao phó./.

Biển ngọt

TRƯỜNG THỊ THƯƠNG HUYỀN

- Chồng ơi! Ha ha ha... Chồng!... Hơ hơ hơ... Chồng ơi!

Chuỗi cười cùng những tiếng gọi thảng thốt lan dài trong biển chiều khiến người nghe rùng mình, sờn gai ốc. Không có tiếng trả lời. Những con sóng vẫn mãi miết đuổi nhau xô bờ. Tiếng gió quện sóng biển rì rầm, rền rĩ. Người đàn bà ấy vừa cười vừa gọi. Tiếng chị lẫn vào tiếng sóng. Bộ quần áo đen bạc màu, tả tơi. Chị đi dọc bờ biển, cát lên chuỗi cười man dại và những tiếng gọi còn cào, thảm thiết, miên man dọc bãi biển. Chỉ có tiếng gió ì ầm, tiếng sóng dạt dào như than như khóc, như trêu như ghẹo đáp lại lời chị. Người đàn bà cứ lang thang như thế suốt bờ biển, đến lúc không gọi, không cười được nữa, chị ta nằm sấp trên mặt cát, mặc cho sóng biển rập rờn, liếm nhẹ vào thân hình tiều tụy của mình. Những con dã tràng miết mài xe cát bên cạnh.

Đêm. Biển sẫm lại như cháo thuốc nhuộm không lò đang sôi bùng bực. Xóm chài nhỏ nhoi chìm dần, chìm dần trong

bóng tối mịt mùng của trời, của biển. Chỉ còn vài ánh đèn leo lét. Người xóm chài dường như đã quá quen với câu chuyện về người đàn bà ấy. Bà cụ Tảo chờ đến khi tiếng gọi, tiếng cười tắt lịm mới dò dẫm ra bãi biển. Cụ nhẹ nhàng vuốt ve mái tóc của người đàn bà, kê mái đầu bù xù, bết nước biển của chị lên đôi cẳng chân lòng không của mình. Cụ Tảo cất lời ru... Tiếng ru của bà cụ lẫn trong tiếng gió, tiếng sóng nghe nỉ non như tiếng vọng:

“Àu ơ... Ví dầu cầu ván đóng đanh
Cầu tre lắt lẻo... àu ơ... Cầu tre lắt lẻo
gập ghềnh khó ờ... ờ đi
Khó đi... ơ... Khó đi mẹ dắt con đi...
àu ơ...”

Tiếng ru của bà cụ Tảo nổi chìm cùng tiếng biển. Những người đàn bà lam lũ của xóm chài nghe tiếng bà cụ hát ru lại lẳng lặng kéo nhau ra bãi cát. Họ ngồi thành vòng quanh hai người đàn bà khôn khổ một trẻ một già. Và đến lúc cụ Tảo nấc lên:

“Àu ơ... Gió đưa cây cải... ơ... àu ơ...
Gió đưa cây cải về trời

Rau răm ở lại... ơ... ầu ơ... Rau răm ở lại chịu lời đắng ở ơ... cay...”.

Những người phụ nữ sẽ đứng dậy. Họ im lìm và cam chịu. Những cái bóng lằm lũi xúm lại đưa người đàn bà tội nghiệp kia về căn lều ọp ẹp của cụ Tảo ở cuối ghềnh.

Chị đẹp. Điều đó thật dễ nhận ra. Sống mũi cao thanh tú. Đôi lông mày không tia vắn gọn gàng như nét vẽ của người họa sĩ tài hoa. Nước da trắng như màu hoa bưởi cho dù đã bao ngày chị dầm dề cùng nắng gió. Nhất là mái tóc... Nó chảy tràn như dòng suối trên tấm thân thon thả của chị. Đôi mắt đen thăm thẳm. Chị đang ngồi đó, ngoài bậu cửa căn nhà cụ Tảo đón bình minh trên biển. Vẻ mặt tương chừng thanh thản và vô tư. Mắt chị dõi mông lung phía xa khơi. Nơi ấy, mặt trời như quả hồng khổng lồ đang từ từ đội biển nhô lên. Viên mây quanh nó đổi màu như da lưng con kỳ nhông bảy sắc, vừa thoát biếc xanh xà cừ đã lại phốt hồng lòng đào rồi thắm lại. Không ai nghĩ chị chính là người đàn bà đã lang thang trên bãi biển, cất những chuỗi cười rộn rã như tiếng kim loại va nhau và gọi những thanh âm thăm thiết chiều qua...

Mặt trời đã nhô hẳn lên trên mặt nước, hồng hào, tròn trịa và nguyên khôi như gương mặt người con gái đồng trinh. Những tia nắng đầu tiên của ngày hớn hử, tinh nghịch rọi luồng ánh sáng lấp lánh. Mặt biển mơ màng. Hơi sương dịu dàng lan nhẹ trên mặt nước màu ngọc bích.

- Bà ơi! Con ra bãi chợ đây bà ạ. - ánh mắt chị luyến tiếc rời bình minh mặt biển. Chị đứng dậy, gọi với vào trong rồi

tất tả cắp nón bước ra. Cụ Tảo nhìn hút theo bóng chị lằm lũi trên mặt cát, buông tiếng thở dài.

Chị không phải là con gái, cũng chẳng phải con dâu cụ Tảo. Chị chỉ là người hàng xóm. Nhìn chị người ta dễ dàng nhận thấy, chị không phải người gốc vùng này. Đàn bà vùng biển, nước da bánh mật, mặn mòi, ăn sóng nói gió. Còn chị... Chị cứ như đoá quỳnh giữa bộn bề những nhánh xương rồng xù xì, thô ráp. Cụ Tảo còn nhớ như in ngày đầu tiên chị xuất hiện ở xóm chài nghèo. Khi nghe tiếng cọt kẹt của tấm liếp che cửa bên nhà hàng xóm vọng sang, và tiếng “vâng” khô khốc đáp lại lời cụ hỏi, cụ đã thấy lạ lắm. Hàng rào xương rồng che khuất tầm nhìn khiến cụ không nhìn rõ nhưng tiếng bước chân thật rõ ràng. Hôm nay, nó không về một mình. Bước chân đi sau nhẹ nhàng, rón rén hơn.

- Ai về cùng mày đây Mạnh?

Người tên Mạnh bên kia chưa kịp trả lời, một giọng con gái nhỏ nhẹ cất lên:

- Cháu chào cụ ạ. - Tiếng chào nhẹ và trong.

- Vào đi. Nhà đây - Tiếng người tên Mạnh gắt gỏng phía bên kia và tiếng bước chân nhẹ nhàng của người phụ nữ ấy vào nhà. “VẬY là cô ta về cùng thằng Mạnh” - Cụ Tảo ngẫm nghĩ - “Hình như chúng đã gắn bó lắm thì phải. Cái cách nói chuyện ấy không phải của những người lần đầu mới gặp. Thôi thì cũng là số phận. Có thể thằng Mạnh mới mong có bạn. ở cái xóm chài nghèo khó này, người ta làm bạn với nhau để lấy chỗ dựa, để lấy người cùng lèo lái chày bát trong những chuyến đi khơi,

thằng Mạnh một thân một mình mãi cũng tội. Nó mồ côi, bố mẹ không còn, anh em cũng hết. Đã vậy, tính lại cục cằn, càm cẩu, khiến chẳng đứa con gái nào muốn gần gũi. Cụ Tảo thương và lo cho thằng Mạnh nhiều lắm. Nhưng cô ta là người ở đâu mà theo thằng Mạnh về đây nhỉ”? Cụ Tảo thắc mắc. Rồi cụ lẩm nhẩm một mình.

Có đến cả tuần sau, cụ Tảo không thấy Mạnh ra biển. Không biết anh làm sao mà nằm bẹp mãi trong nhà. Cô gái vẫn lằm lũi vào ra, dọn dẹp, nấu nướng. Nóng ruột, cụ Tảo lần sang. Căn nhà che liếp kín, tối mờ mờ. Cụ Tảo thấy Mạnh nằm trên giường, khuôn mặt sưng húp, tím bầm. Đôi môi bầm giập, rách tươm. Hoảng hốt, cụ Tảo lọng khọng lần đến. Nghe tiếng động, Mạnh mở mắt. Nhìn thấy cụ Tảo, anh gắng gượng nở nụ cười. Nhưng đến lưng chừng, chắc đau quá, nụ cười của anh vụt tắt trên gương mặt thảm hại. Nhìn đôi mắt lo lắng như dò hỏi của cụ Tảo, Mạnh lại gắng gượng lần nữa. Anh thều thào:

- Con không sao đâu bà. Mấy hôm nay con ốm không đi biển được.

- Sao đến nông nổi này hả Mạnh?

- Sơ sơ thôi. Con đánh nhau với tụi trên thị trấn. Chúng mạnh tay hơn con tưởng.

- Đang yên lành lại đánh nhau với chúng nó làm gì?

Mạnh nhắm mắt. Anh làm như không nghe thấy câu hỏi của cụ Tảo. Thấy Mạnh không trả lời, cụ Tảo thở dài, lắc đầu, lò dò bước ra ngoài hiên. Vừa lúc cô gái đi chợ về. Nhìn thấy mái tóc bạc phơ của cụ Tảo lắc nhẹ, cô ta cúi đầu như người mắc lỗi. Cụ Tảo gật đầu đáp lại câu chào lí nhí của

cô gái rồi bước ra ngõ, lòng chắt chứa băn khoăn.

Trời chiều, ánh nắng chiếu xuống mặt biển lấp lánh màu mận đỏ. Mạnh ngồi bó gối trước thềm, mắt đắm vào mặt biển mênh mông. Gần bốn mươi, Mạnh vẫn một mình. Không thấy con thuyền nhỏ Mạnh vẫn đi câu mực đập dềnh ngoài bãi trước. Bà cụ Tảo thấy Mạnh trầm ngâm cũng chẳng hỏi. Người đàn bà theo Mạnh về hôm trước vẫn lui cui trong căn bếp nhỏ. Chạng vạng tối, Mạnh bung bát canh sang. Cũng như anh, cụ Tảo sống một mình. Người đàn bà già nua, cô độc ấy sống bằng lòng hảo tâm của bà con xóm chài và những gì cụ nhặt nhạnh được trên bãi biển. Cụ Tảo, Mạnh và bao con người khốn khó trong xóm chài từ lâu đã coi nhau như ruột thịt. Chuyện đỡ đần sớm tối không phải chuyện của riêng ai.

Mạnh bước vào mảnh sân con. Những ngôi nhà của làng chài cất ngay trên bãi biển. Thềm hè thường cao không quá một bước chân người. Nhiều nhà còn chẳng thềm làm thềm, người ta chỉ cần rữ chân cho bớt cát rồi bước thẳng vào trong. Cụ Tảo ngồi trên bậu cửa. Thấy Mạnh bước vào, cụ nhẹ nhàng:

- Hôm nay thế nào rồi?

- Con ổn rồi bà ạ. Có bát canh, con mang sang...

- Cứ để đó. Ra bà hỏi một tí...

- Con biết bà định hỏi gì rồi. Hôm nay con cũng định sang thưa chuyện với bà. Cả làng chài nghèo này, bà thân thiết nhất...

- Chuyện mày với cô gái kia thế nào? Hôm rồi mày đánh nhau có phải vì...

- Hôm ấy, trúng mẻ mực lớn... - Mạnh ri rả bắt đầu câu chuyện - Thằng Thiên gọi con lên thị trấn xả hơi. Đang ngồi uống bia trong quán nhỏ, con thấy cô ta bị một lũ đuổi đánh. Chúng lao vào đâm đá, xâu xé khiến quần áo cô ta rách toạt. Không biết chạy đường nào, cô ta xô vào quán bia con và thằng Thiên đang ngồi rồi chúi đầu xuống dưới chân con. Lúc ấy con chỉ nghĩ, chắc người ta cũng cùng đường rồi mới đến nước này, có gì từ từ hỏi. Nếu không ngăn lại chắc chúng đánh cô ta chết mất. Bọn người kia lao đến, con ngăn lại. Nhưng bọn kia lao vào túm lấy con, đâm đá túi bụi. Con không chịu nổi, đánh lại chúng. Còn cô gái một mực van xin con cứu giúp. Thế rồi, cô ta theo con về đây.

- Biết người ta thế nào mà...

- Cô ấy kể hết rồi bà ạ. Cũng cảnh áo ngắn khô đen với nhau cả thôi. Cũng côi cút, bị lừa gạt... Con quyết rồi. Đòi người thôi thì ai cũng một lần. Đàng nào cũng vậy, con cũng chẳng có điều kiện để cưới xin đàng hoàng. Côi cút như con, trời thương đến đâu biết đến đấy. Từ từ rồi cô ấy sang thưa chuyện với bà. Cái thuyền nhỏ của con, con đã bán để chuộc cô ấy rồi. Ngày mai con theo thuyền thằng Thiên đi biển, ở nhà có gì bà bảo ban thêm cho cô ấy. Lạ nước, lạ cái, chẳng quen biết ai ở nơi này.

- Được rồi, may đã nói thế thì cứ đi đi.

Chuyến ấy, Mạnh đi biển có về đến hơn hai tháng. Cô gái được bà cụ Tảo bảo ban thêm quen dần với công việc ở xóm chài. Hàng ngày, cô cùng những người đàn bà khác chạy chợ buôn cá. Bộ quần

áo bà ba đen, chiếc nón sùm sụp trên đầu, ngoại trừ nước da trắng mịn, còn lại cô đã ra dáng là vợ một ngư dân. Vừa chạy chợ kiếm sống, vừa chăm chút công việc của hai nhà, cả xóm chài nghèo nhìn cô thân thiện dần. Có người đã khen bà cụ Tảo cuối đời thế mà may mắn. Không đâu, ông trời tự nhiên đem đến cho cô con gái hiếu thảo, nhẹ nhàng. Cụ Tảo cười. Cái miệng trống cả hai hàm răng móm mém.

Sau những chuyến đi biển dài, những người đàn ông trong làng chài lại quây quần uống với nhau một bữa rượu trên bãi biển. Trước đây, lần nào uống Mạnh cũng say. Mỗi lần say, Mạnh thường hay đập phá. Vì vậy trong nhà anh chẳng có vật dụng gì đáng giá, có chăng cũng chỉ là những thứ không thể bị vỡ hoặc chẳng bao giờ có thể bẹp hơn. Rượu vào, chén choáng, anh chỉ cần đập chúng đổ chông chơ ra đất để đến lúc tỉnh rượu lại hì hụi nhặt nhanh xếp lên. Nhưng từ khi có vợ, người xóm chài ít thấy Mạnh say hơn. Anh chỉ thú làm ăn, căn nhà nhỏ rộn ràng, ấm áp những tiếng cười.

Bữa rượu đêm ấy có thêm người cháu của Thiên trên thị trấn về chơi. Gần tàn cuộc, khi thấy vợ Mạnh mang thêm mỗi nhăm cho chồng, người đàn ông ấy đã ngật ngưỡng lại gần, nắm cổ tay người đàn bà cười sáng sặc:

- Chào cô em, dạo này lại phục vụ mãi tận bãi biển này cơ đấy. Lâu lắm mới gặp lại.

Trong bóng tối nhờ nhờ, khuôn mặt người đàn bà tái đi. Chị không ngờ quãng đời ô nhục mà chị cố vui chôn lại bị xới

lên đúng lúc này. Chai rượu trên tay chị thẳng thốt rơi xuống, vỡ tan tành. Chị lập bập bở chạy. Mạnh lao đến. Nhưng thằng cháu khốn kiếp của Thiên vẫn không chịu dừng lại. Hấn chỉ tay vào mặt Mạnh lè nè:

- Con bé đó là gái ôm ở quán bia, đâu có phải vợ mày mà mày phát khùng lên thế?

Mạnh đã táng cả cái vỏ chai bia vào đầu hấn rồi lao đảo về nhà. Vợ anh không có trong nhà... Hơi men nồng nặc bữa vậy. Máu nóng bốc lên trong đầu. Những câu nói của thằng cha trong bữa rượu khiến Mạnh càng thêm điên ruột. Anh vớ chai rượu, dốc ngược. Rượu đắng xít, ông ộc tuôn vào miệng Mạnh, nhưng lạ quá. Hôm nay Mạnh uống mãi mà không say. Gái ôm! Gái ôm! Mấy tiếng ấy cứ lớn vồn trong đầu Mạnh. Anh thấy chân tay mình ngứa ngáy, bứt rứt... Bóng dáng thằng cha khốn kiếp lớn vồn trước mặt anh... Những tiếng đồ vỡ loảng xoảng vang lên. Hình như có ai đó ôm chặt lấy anh. Mẹ kiếp! Nó đã xô xiên lại dám giữ anh lại à? Đã thế thì... Mạnh thấy bộ mặt của thằng cha kia chao đảo. Anh vung tay. Đồ đạc không bay nữa nhưng hình như có một người vừa ngã dúi dụi bên bậu cửa. Mạnh hả hê... Mạnh thấy tay mình nện vào một vật gì đó rất mềm. Anh không dừng lại được. Anh phải đâm vào đó cho hả giận.

Mạnh tỉnh giấc. Mặt trời chiếu những tia nắng gắt gông vào tận chỗ Mạnh nằm. Cốc nước lạnh để sẵn trên bàn, bên bát cháo còn âm ẩm. Chắc vợ anh đã chuẩn bị sẵn. Tội qua... Thế nào nhỉ? Anh không còn nhớ gì cả. Hình như anh đã uống rất say và

đã đánh nhau thì phải. Nhưng anh không nhớ mình đã đánh ai. Uống cốc nước, ăn xong bát cháo, Mạnh thấy tỉnh hơn nhưng đầu anh vẫn như có hàng nghìn hàng vạn con ong đang thi nhau xây tổ. Tiếng chúng đập cánh u u, i i bên tai anh. Mạnh loạng choạng bước sang nhà cụ Tảo. Không thấy cụ vồn vã hỏi chuyện như những lần trước. Cụ nhìn anh. Cái nhìn như trách móc. Mạnh hỏi thế nào, cụ cũng một mực lặng im. Ngồi chán, anh lê bước về nhà. Mùi khói bếp bốc lên khiến Mạnh tỉnh thêm chút nữa. Bên cửa bếp, dáng người thon thả vào ra. Vợ anh đã đi chợ về.

Mạnh không tin vào mắt mình. Gương mặt xinh đẹp của vợ anh giờ sung húp híp. Những vết bầm tím xen những vết xước dài. Mạnh xô đến. Vợ anh nghiêng mặt tránh cái nhìn của anh. Hỏi thế nào, vợ anh cũng chỉ trả lời nhẹ nhàng: “Em đi chợ... bị ngã”. Mạnh cần nhần mấy câu, dặn lần sau đi cho cẩn thận rồi ngồi xuống mâm cơm dọn sẵn. Anh vô tâm không thấy vợ mình quay mặt lén lau nước mắt. Suốt bữa ăn, nhìn gương mặt bầm tím của vợ, Mạnh thấy miếng cơm nghẹn lại nơi cổ họng. Từ ngày về ở với nhau, Mạnh chưa khi nào to tiếng. Vợ anh ngoan, hiền, lại chăm chút việc nhà, có cố gì đâu để mà nổi nóng. Nhưng Mạnh vẫn không tin chuyện vợ mình bị ngã. Anh lại lần thân sang nhà cụ Tảo.

Mọi chuyện rồi cũng qua đi như những con sóng nổi nhau lao vào bãi cát rồi lại mãi miết lùi mãi ra khơi. Nghỉ ở nhà vài hôm để chuẩn bị và khi những vết bầm tím trên mặt vợ còn chưa tan hết, Mạnh lại

lên đường theo một chuyến đi biển mới. Lần này, anh sang dặn cụ Tảo kỹ càng hơn. Giọng anh dè dặt, trầm ngâm như kim nén điều gì đó. Cụ Tảo nhìn anh, cái nhìn thật lạ nhưng rồi cụ cũng gật đầu.

Lại một chuyến đi biển trúng mùa. Lần này, đám đàn ông cùng đi trên tàu với Mạnh lại kéo nhau lên thị trấn. Họ vừa đi tìm mối đá mới chuẩn bị cho chuyến đi sau sẵn đà lai rai một thế. Mạnh đã ngập ngừng. Anh không muốn đi nhưng không đành ở nhà trước lời chèo kéo của những người cùng hội cùng thuyền.

Bà cụ Tảo tỉnh giấc. Qua khuôn cửa sổ nhỏ, biển đã thâm lại như lọ mực không lờ. Tiếng sóng dội vào đất liền nghe vừa quỵn rữ vừa xa xót... Cụ Tảo không sao ngủ tiếp được. Nghe tiếng sóng vỗ róc rách vào mép bãi, cụ biết đã nửa đêm. Chợt cụ nghe như có tiếng ai thút thít ngoài thềm. Tiếng thỏn thức ngày một rõ. Cụ Tảo đẩy cửa... Vợ Mạnh nhào vào. Khuôn mặt lại bầm giập róm máu trong ánh đèn tù mù. Cụ Tảo thở dài:

- Nó lại say rồi phải không? - Người phụ nữ gật đầu, gương mặt nhoè nhoẹt nước.

- Sáng mai tao phải bảo nó mới được... Lần này thì không có ngã ngay gì đâu nhá. Không thể để nó mãi thế được. Con người có đâu cục đất.

- Thôi bà ạ. Anh ấy vất vả. Anh ấy uất ức. Chắc lại có kẻ nào đó xúc xiêm. Mà cũng tại con chẳng ra gì. Ai bảo trước đây con lại đi làm nghề ấy.

- Thì mày cũng có muốn thế đâu. Tại bị lừa gạt nên mới thế... Cụ Tảo an ủi.

- Nhưng dù sao đây cũng là nỗi đau của anh ấy. Anh ấy đã cứu con ra khỏi chôn như nhóp, giờ anh ấy muốn đánh chửi con thế nào con cũng cam lòng.

- Không được. Vợ chồng còn có cái nghĩa. Chấp nhận lấy nhau rồi, chia xẻ, gánh đỡ cho nhau còn chưa ăn ai, hưởng hồ còn vật vã với quá khứ để hành hạ nhau làm gì. Thằng này chỉ mượn rượu...

- Không phải anh ấy mượn rượu đâu. Anh ấy cũng buồn khổ lắm. Thôi con về đây. Mai bà đừng nói gì bà nhé, kéo anh ấy lại nghĩ...

Nhưng nhìn gương mặt bầm tím của người đàn bà tội nghiệp, cụ Tảo không thể im lặng mãi. Sáng hôm sau, khi Mạnh loạng choạng bước sang, cụ đã nói hết. Ngồi nghe cụ Tảo nói, Mạnh ôm mặt khóc. Anh không nghĩ mình khôn nạn đến thế. Đúng là anh buồn. Đúng là anh cay cú khi nghe người ta nhắc lại quá khứ của vợ mình. Anh đâu có định đánh chị. Anh chỉ buồn, chỉ giận những kẻ lăm lờ đưa chuyện... Nhưng người ta chẳng thể kiểm soát được những việc mình đã làm trong lúc say và anh đâm vào mặt chúng nó đấy chứ. Mạnh hứa sẽ không uống rượu nhưng Mạnh không thực hiện được. Sau những chuyến đi biển, trong những cuộc rượu tàn canh, Mạnh lại say khướt và ngày hôm sau, khuôn mặt vợ Mạnh lại bầm giập, tím tái. Và người đàn bà ấy vẫn không một lời phàn nàn. Những người phụ nữ trong xóm chài nghèo phần nộ thay cho chị. Bà cụ Tảo giận Mạnh ra mặt. Sau mỗi lần say, Mạnh lại vác bộ mặt hối lỗi sang nhà cụ Tảo và sau mỗi lần đi biển, Mạnh lại là

người đàn ông trụ cột của cả hai nếp nhà nghèo khó ấy.

Con bão biển ập đến chẳng hề báo trước. Trước đó hai ngày, những con tàu nhẹ tênh của xóm chài nghèo nối đuôi nhau rẽ sóng xa khơi. Khi ấy, bước lên boong, Mạnh còn ngoái đầu dặn vợ:

- Ở nhà nhớ trông nom cụ Tào cẩn thận. Mấy hôm nay, cụ khó ở đây. Tôi đi chuyến này cùng lắm chỉ nửa tháng là về thôi.

Sóng gió âm ào át đi tiếng nói của anh. Chỉ thấy vợ anh đứng ngóng mãi nơi chân sóng. Cái dáng cao gầy của chị lẻ loi, mảnh khảnh trước những con gió từ biển thổi vào ào ạt. Mấy người phụ nữ đứng cùng vợ anh lầm bầm: “Lâu về, vợ càng đỡ bị đòn”.

Con bão đi qua. Cả xóm chài xơ xác. Cả xóm chài ngơ ngác. Không ngày nào không có người ra bãi biển ngóng người thân. Những chiếc tàu mang theo niềm vui của các gia đình lần lượt vào bờ. Tám tàu đi, bảy tàu đã cập bến, chỉ duy nhất có tàu của Thiên và Mạnh là chưa thấy trở về. Nửa tháng, rồi một tháng trôi qua. Ngày nào vợ Mạnh cũng ra bãi biển ngóng chồng. Biển vẫn xanh ngắt. Sóng vẫn vô tâm vỗ ào ào và gió vẫn thì thào ve vuốt. Nhìn dáng vẻ cô độc của chị trên bãi biển mỗi lúc hoàng hôn, những người đàn bà xóm chài không đành lòng. Họ đã khuyên nhủ chị nhiều. Nhưng dường như tất cả niềm vui, hạnh phúc, nỗi đau chị đã gửi cả vào Mạnh. Anh không về, mái nhà với chị chỉ còn là cái xác khô. Thật vô lý nhưng chị mong chờ quay quắt những trận đòn đến bầm dập mặt mày của chồng. Chị

khao khát được thấy lại những cái tát nảy lửa. Còn những điều đó, cho dù đón đầu cũng có nghĩa là anh còn có mặt. Nhưng biển xanh vẫn vắng. Không một bóng tàu nào tiến vào bờ từ ngoài khơi.

Trên trời, bóng con hải âu lạc đàn lượn vòng kêu chói chói.

Mạnh không về. Ngôi nhà chỉ có mình chị chông chênh trên bãi biển. Nhà vắng đàn ông. Mụ chủ cũ đã có lần chập chờn báo tin đến chị. Người đàn bà như con thỏ đã một lần mắc bẫy. Chị hoảng sợ. Không còn người che chở. Chị rối trí thật sự. Bà cụ Tào đã già. Những người khác trong làng cũng không thể chần chè cho chị mãi. Người xóm chài thấy chị lang thang dọc bãi biển nhiều hơn. Thân hình thon thả trước kia của chị giờ gầy rộc như cái xác ve vừa lột. Mái tóc dài bết lại, đỏ quạch, khô như chết chị cũng chẳng thèm chăm chút. Chị cứ đi như thế. Mặt trời bắt đầu chệnh chéch bên rặng núi phía biển xa là lúc chị đi dọc bờ cát, dõi ánh nhìn ra phía xa xăm. ánh nhìn thất vọng, vô hồn. Rồi chị cất tiếng gọi. Chị không gọi tên anh, chị cứ “chồng ơi” mà gọi. Chẳng có tiếng trả lời. Chỉ có tiếng sóng gió nhại lời chị vọng lại thêm khắc khoải. Ngày nào chị cũng đi, cũng gọi như thế. Chị gọi đến lúc không thể cất tiếng được nữa, khi biển sẫm lại thành cái chảo mực khổng lồ, và những đèn câu ngoài xa nhấp nháy vằn đỏ như mắt người say thì chị buông mình nằm úp mặt xuống đất thì thào với cát. Chị hy vọng sóng biển đẩy mình tìm đến được chỗ anh... Không ai hiểu được chị. Những người đàn bà trong xóm chài làm sao có

thể hiểu được nỗi đau của chị khi mất anh. Họ chỉ thấy anh là con người cục cằn thô lỗ và vũ phu đến tàn bạo. Họ đâu có hiểu anh chính là người đã cứu vớt cuộc đời chị ra khỏi vũng bùn đen. Và họ cũng không thể hiểu được tình yêu chị dành cho anh không đơn thuần chỉ là tình yêu của người đàn bà dành cho người đàn ông mà còn là của một tín đồ với một đạo chủ. Dẫu có trăm nghìn vạn lần bầm giập thì với chị, anh vẫn là người đàn ông tuyệt vời nhất. Chỉ có bà cụ Tảo... Bà thương và xót xa cho số phận chị. Chỉ có bà cụ mới dỗi dành được chị về nhà. Tình thương của người mẹ già nua khiến chị nguôi ngoai phần nào. Mỗi đêm, khi bầu trời tưởng chừng đã liền với mặt biển thành một khối thì những khúc hát ru của cụ lại khiến chị miên man chìm dần vào ký ức tuổi thơ. Chị thấy mình đang bay... Thanh thản và nhẹ nhõm. Anh đang ở phía trước mặt. Chị thiếp đi... Và sáng hôm sau chị lại tất tả ra chợ, nhập vào đám phụ nữ tảo tần buôn bán để lúc chiều về, khi mặt trời chiếu những tia nắng quái xuống mặt biển, chị lại đi dọc bãi cát, cất lên những tiếng gọi chồng tha thiết nào nùng.

- Chồng ơi! Ha ha ha... Chồng!... Hơ hơ... Chồng ơi!

Những tiếng gọi thăm thiết cùng chuỗi cười sắc lạnh lại lan dài dọc bãi biển. Xóm chài nhỏ bé thập thồm bên bờ đã quá quen với những âm thanh này. Bọn trẻ con không còn khóc thét lên khi bất ngờ nghe thấy tiếng gọi ấy trong đêm nữa. Chỉ những người phụ nữ của xóm chài là còn chú ý. Họ chờ đợi tiếng ru... Họ chờ đợi để san sẻ.

Biển đêm nay lạ lắm. Những con sóng chồm lên lấp lánh chớp lân tinh. Tiếng sóng gầm gào cứ như muốn than thở, thông báo điều gì. Và cả tiếng gọi, tiếng cười của người đàn bà ấy nữa. Không dứt... Không thôi. Lẫn trong tiếng gió, tiếng sóng... Đua cùng tiếng biển tiếng trời... Vọng vào âm âm, da diết.

Bỗng có tiếng hú dài nổi lên. Tiếng hú lúc đầu còn u u như tiếng thổi vào vỏ ốc, rồi vang xa, rõ dần và nổi hẳn trên mặt sóng. Giọng hú của một người đàn ông. Tiếng hú như đáp lại tiếng gọi, tiếng cười của người đàn bà tội nghiệp. Tiếng hú hoà quyện trong tiếng gió, tiếng sóng, hoà vào tiếng gọi, tiếng cười. Cả xóm chài lao ra bãi biển. Ánh đuốc bốc cao phản phật soi sáng những gương mặt người rạng rỡ. Tiếng khóc chen tiếng cười... Mạnh và Thiên đã trở về. Anh đã thoát chết trong cơn bão ấy. Một chiếc tàu nước ngoài đã may mắn cứu được hai anh khi họ đang lênh đênh trên một miếng ván vỡ ra từ vỏ tàu. Ai cũng xuýt xoa khen họ có phúc. Nhưng cụ Tảo và những người đàn bà xóm chài một mực quả quyết: Mạnh thoát chết chính nhờ vào tiếng gọi của người đàn bà anh đã cứu ra từ quán bia trong bữa rượu chiều ấy.

Chồng chị đã trở về. Biển đã hào phóng trả anh về với chị. Nước mắt chị hoà nước biển. Người đàn bà bỗng dang tay sắp mình xuống mặt nước. Chị uống lấy uống để những ngụm nước biển vào lòng - thứ nước mặn chát chẳng bao giờ con người muốn uống. Lạ chưa, nước biển đêm nay ngọt như thuở hồng hoang./.

VỀ THĂM KHU DI TÍCH K9 ĐÁ CHÔNG KHẮC GHI LỜI BÁC DẠY

LƯƠNG THÌN

Một ngày cuối tháng Tư, đoàn cán bộ giáo viên và học sinh trường THPT Yên Phong số 1 chúng tôi từ Bắc Ninh hành hương về thăm khu di tích lịch sử K9 Đá Chông. Những chiếc xe nối nhau đưa đoàn hòa dần vào mảng xanh ngăn ngắt của cây cỏ dưới chân núi Ba Vì. Tháp thoảng hai bên đường những vạt ngô khoai xanh mướt, vẫn còn vương chút se sắt của heo may gửi vào hạt mưa lác rác.

Chặng hành trình đã đến điểm dừng chân trong bao háo hức mong chờ. Rừng K9 hiện ra với bạt ngàn cây và không khí trang nghiêm. Những hạt mưa cũng dừng chân bên ngoài khu di tích dành lại nguyên vẹn một vòm trời trong mát và cảm xúc thân thương cho những ai đặt chân đến chốn này khi nhìn thấy hình ảnh anh bộ đội Cụ Hồ đứng chào nghiêm trang ngoài cửa vọng gác. Về thăm khu di tích K9 Đá Chông, nơi đây gọi cho tôi một cảm giác thiêng liêng khi đứng giữa một vùng non xanh nước biếc, huyền tích và lịch sử đan hòa vào nhau. Xa xưa nơi đây là khu đồi yên tĩnh thông mọc xen kẽ với các loài cây gỗ lớn, tán lá rậm rạp che phủ tạo thành khu rừng nguyên sinh kì thú. Truyền thuyết kể lại rằng đây là bãi chông chà, nơi diễn ra nhiều trận chiến dữ dội giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh thời tiền sử, dấu tích để lại trên



đồi là những phiến đá to đứng lô nhô, sắc nhọn như những mũi chông nên người dân trong vùng đặt tên là Đá Chông.

Đoàn chúng tôi đi thành hàng ngay ngắn vào thăm nơi Bác Hồ đã từng sống và làm việc. Ấn tượng với cả đoàn là con đường nhỏ uốn lượn dưới tán cây cỏ thụ sum suê. Đi dưới bóng râm mát rượi và lời ca về Bác vang vọng, ai cũng thấy lòng lâng lâng đầy tự hào. Những cây chò chỉ thân thẳng tắp, vươn cao đón ánh nắng mặt trời thỉnh thoảng một quả chò khô xoay đôi cánh mỏng như cánh bướm trong gió rồi nhẹ nhàng đậu xuống thảm cỏ xanh mướt. Chốc chốc lại gặp mùi hương thơm nhẹ của một cây long não thoảng đưa khắp không gian. Những cây dầu rái đứng xếp hàng như

đón chào du khách. Đoàn chúng tôi kính cẩn dâng hương và báo công lên Bác tại khu nhà tưởng niệm Người. Mùi hương trầm thơm thoảng quyện lẫn với hương hoa đại tạo nên một cảm giác thiêng liêng mà thân thương quá đỗi.

Tôi thơ thẩn đi trên con đường trải sỏi băng khuâng nhớ bước chân khoan thai của Bác, hình dung ra bóng dáng Người thấp thoáng đâu đây bảy mươi năm về trước đi giữa hàng râm bụt đỏ của quê hương xứ Nghệ, tự tay Người trồng và chăm sóc cây vú sữa gửi ra từ miền Nam thân yêu, tự tay Người trồng các loại cây ăn quả nhãn, quế, vải, bưởi. Hương ngọc lan tỏa ra thơm ngát khắp không gian. Tôi cứ ngắm mãi một cây thông đặc biệt nằm bên ngoài ngôi nhà dành cho Bộ Chính trị họp và Chủ tịch Hồ Chí Minh làm việc trong những năm chiến tranh chống Mỹ ác liệt. Trước đây, khu vực này là đồn điền trồng thông, khai thác quặng của người Pháp, khi xây dựng ngôi nhà Bác đã chỉ đạo anh em phải giữ lại cây thông này vừa để bảo vệ môi trường cũng là để nguy trang. Mỗi lần cây thông to ra lại được đơn vị nói rộng lỗ trồng cho cây phát triển chứ không chặt cây.

Về K9 đi giữa những bóng cây xanh mát, tôi càng thêm khắc ghi lời Bác dạy:

“Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người”; “Cần trồng nhiều cây ăn quả, cây lấy gỗ, cây ngăn gió. Trồng cây sẽ đưa lại cho nhân dân một nguồn lợi to, lại làm cho xứ sở ta thêm tươi đẹp”. Tấm lòng yêu từng ngọn cỏ - mỗi nhánh hoa của Người còn để lại đã trở thành màu xanh rợp trời một vùng đất Việt. Cũng như chúng tôi là người giáo viên nhân dân càng phải có trách nhiệm bồi dưỡng chăm chút cho các thế hệ học sinh trở thành những công dân biết yêu thiên nhiên, yêu quê hương đất nước mình. Tôi nhìn màu

áo đồng phục các em học sinh đang đứng chăm chú nghe chị cán bộ khu di tích thuyết minh thấy mình và các đồng nghiệp cần phải kể cho các em nghe nhiều thêm nữa tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh sáng ngời.

Đoàn chúng tôi kính cẩn thấp hương ở ban thờ nhỏ ngay dưới chân ba mỗm đá nhọn như hình mũi chông, ngọn mác xếp liền kề. Những thân dây leo đan vào nhau quấn quýt thành một mái vòm râm mát, ánh nắng rọi qua lỗ đổ trên từng phiến đá vuông vức lấp lánh. Tôi ngắm nhìn xung quanh nhớ bóng dáng giản dị của người ngồi ăn cơm trưa trên đồi. Từ đây, Bác đứng nhìn ra dòng sông Đà uốn khúc thấy nơi này sơn thủy hữu tình thiên nhiên tươi đẹp vị trí thuận lợi đường thủy, bộ và cả đường không. Bác đã bàn với các đồng chí trong Quân ủy Trung ương quyết định chọn Đá Chông làm Khu căn cứ địa để chuẩn bị cho công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước dài lâu của dân tộc ta... Đến khu di tích K9 càng thấy cảm phục tầm nhìn của Bác - Nhà chiến lược thiên tài. Chúng tôi tự nhủ mình, trong sự nghiệp giáo dục cũng cần phải có tầm nhìn chiến lược để đưa giáo dục tinh nhà và giáo dục cả nước phát triển lên một tầm cao mới.

Tuy Bác đã đi xa chúng ta mấy chục năm, nhưng di sản của Người để lại mảnh đất này chính là đạo đức là phong cách sống cao đẹp giản dị cùng với không gian xanh mà thế hệ sau vâng lời dạy của Bác đã gắng công chăm sóc và gìn giữ. Chúng tôi vẫn thấy đâu đây hình ảnh Bác đang vun gốc cho cây bưởi trái sai, cho ngọc lan nở thơm ngát hương đồi. Về thăm khu di tích K9 Đá Chông, trông cây lại nhớ đến Người, mỗi chúng tôi khắc ghi sâu thêm lời dạy của Bác Hồ với một niềm tin bất diệt./.

VỀ NHỮNG BỨC TRANH "TỔ NỮ" CỦA CỔ NGHỆ NHÂN TRANH ĐÔNG HỒ NGUYỄN HỮU SAM

THANH HẢI

Bộ tranh **"Tổ nữ"** trong dòng tranh dân gian Đông Hồ được sáng tác theo lối tranh "tứ bình" của dòng tranh dân gian Hàng Trống, gồm 4 bức tranh miêu tả về thiếu nữ xưa. Vẻ đẹp của các cô tổ nữ được cổ Nghệ nhân ưu tú Nguyễn Hữu Sam (1930 - 2016) đã đưa vào tranh Đông Hồ những đường nét uyển chuyển, màu sắc tươi sáng và ý tưởng thú vị thông qua các nét vẽ và các bài thơ Nôm đề tranh. "Tổ nữ" ở đây có nghĩa là chỉ "người con gái đẹp" không chỉ đẹp về tâm hồn mà còn đẹp về tài năng.

Vẻ đẹp của các thiếu nữ trong bộ tứ bình đầu tiên về **"Tổ nữ đứng"** của cổ Nghệ nhân ưu tú Nguyễn Hữu Sam miêu tả thiếu nữ vấn tóc đuôi gà, mặc áo ngũ thân đứng biểu diễn các loại nhạc cụ truyền thống như sáo, sênh tiền, quạt và đàn nguyệt, bên cạnh là các bình hoa mẫu đơn, sen, cúc... đại diện cho bốn mùa xuân, hạ, thu, đông (nên còn gọi là bộ "tứ quý"); được thể hiện ở hai loại tranh màu và tranh đen trắng; mỗi bức tranh được đề đôi câu thơ chữ Nôm:

*Thanh xuân còn mấy nghìn năm nhớ,
Cốt cách như in ngọn bút hoa.*

*Sắt đá bền gan cùng tuế nguyệt,
Phấn son đỏ mặt với sơn hà.*

*Dưới cỗi trần ai mấy tổ nga,
Chiều thanh vẽ lịch để đôi ba.*

*Kém gì điều hán mẫu trang điểm,
Những tưởng cung tần thi lệ sa.*

Ở bộ tranh **"Tổ nữ ngồi"**, vẻ đẹp được nhân lên không chỉ bởi tài năng mà là cả những cảm xúc khó nắm bắt, mỗi thiếu nữ ngồi trên một chiếc đôn đang thả hồn theo điệu nẩy nót của các nhạc cụ dân tộc: tỳ bà, sáo, hồ cầm, nhị. Thông qua hình vẽ và bốn tứ thơ nêu chủ đề từng bức tranh, thơ ca và nhạc họa hòa quyện với nhau như một thể hữu cơ; thơ là tranh bằng lời, tranh là thơ bằng đường nét. Đó là sự bổ sung hoàn hảo tạo nên một tác phẩm mang tính nghệ thuật cao:

*Ngó ngón cho nhau rõ biết tay
Cống hồ và cũng tiếng xưa nay
Liu lô bảy bậc vàng oanh hót
Inh ỏi năm cung hạc tiếng bay*

(Tổ nữ thổi sáo)

Bồng trâm xoay vặn mặt trong tay
Nhỏ to còn đang lựa bốn dây

Rõ mặt tri âm đông đám cả
Lên cung nhường cũng lọt tầng mây.

(Tổ nữ cầm đàn tứ)

Cống xé gọi là đưa bậc gầy
Cử cò lặn nữa mấy đường dây
Dân gian mấy độ coi chừng đó
Nay hẳn cung tiên nghịch khúc này.

(Tổ nữ cầm đàn nhị)

Riu rít giọng oanh pha giọng yến
Liu lô cung Bắc lẫn cung Nam
Dã lòng quân tử đã mang đó
Đem tâm tình chung gửi khúc đàn.

(Tổ nữ gảy đàn tỳ bà)

Qua những sáng tác “*Tổ nữ đứng*” và “*Tổ nữ ngồi*”, ta có thể cảm nhận sâu sắc về hình ảnh phụ nữ xưa với khắc họa trong thơ “*Đề tranh Tổ nữ*” của nữ sĩ Hồ Xuân Hương:

Hỏi bao nhiêu tuổi hời cô mình
Chị cũng xinh mà em cũng xinh
Đôi lứa như in tờ giấy trắng
Ngàn năm còn mãi cái xuân xanh

Giống như lời ca của người quan họ về người tổ nữ trong tranh, các liền chị đẹp người, đẹp nét khiến cho liền anh ao ước, trộm nhớ thâm thương:

Kỳ đà len lỏi giếng khơi
Sơn lâm rầu rĩ, giọt đồng hồ sang canh



*Chị hai như Tố nữ trong tranh
Tôi như thuyền tam bản, lên ghềnh được sao
Tôi nói đây, sợ mang tiếng dỗi dành...*
(Kỳ đà len lõi giếng khơi)

Trong những sáng tác về đề tài Tố nữ, bộ tranh “**Tố nữ tân thời**” ở dòng tranh Đông Hồ với nét đẹp của người phụ nữ hiện đại tóc cắt ngắn uốn sóng, khuôn mặt đầy đặn, dáng vẻ nhàn nhã với trang phục tân thời; song cảm nhận được hình như người tạo tranh vẫn còn day dứt đâu đây bởi những thay đổi đột ngột từ truyền thống sang hiện đại, từ bỏ các giá trị truyền thống nên các bình hoa và thơ đề không xuất hiện ở dạng tranh này, màu in chỉ đơn giản là hai màu đen trắng, bức tranh này vì vậy mà hiện nay ít sản xuất, kể cả khi dòng tranh phát triển cực thịnh ở giai đoạn đầu năm 1940 thì loại tranh này cũng thưa vắng người tìm mua.

Bộ tranh “**Tố nữ Quan họ**” là sáng tác của cố Nghệ nhân ưu tú Nguyễn Hữu Sam năm 1990, chủ đề theo tranh tứ bình tố nữ song nghiêng về miêu tả vẻ duyên dáng của các liền chị quan họ với nét vẽ đậm đà, màu sắc bùng sáng trên nền giấy phủ điệp, đây là loại tranh mới được khách hàng rất ưa chuộng. Sau gần 30 năm, thế hệ các con của nghệ nhân lại nối tiếp dòng sáng tác này và phát triển thêm những gam màu sáng hơn, đậm nét truyền thống văn hóa Kinh Bắc trong từng đường viền, từng màu sắc trên chiếc nón quai thao, dải yếm đào, tà áo tứ thân...; mỗi bức tranh được họa hai tứ thơ gửi gắm tâm tình của người Kinh Bắc:

*Đẹp duyên câu chuyện mở đầu
Tình chàng nghĩa thiếp coi trầu hôm nao*
(Tố nữ bung coi trầu)

*Thướt tha nón thúng quai thao
Quê hương Quan họ biết bao tâm tình*
(Tố nữ cầm nón quai thao)
*Cầm trống khi bổng khi thanh
Hội xuân tiếng hát trong làng quê hương*
(Tố nữ cầm đàn nguyệt)
*Quạt này trăm nhớ ngàn thương
Mát mình mát cả người đương hẹn hò*
(Tố nữ cầm quạt)

Nói về sự độc đáo của bộ tranh này, người con dâu trưởng của cố Nghệ nhân ưu tú Nguyễn Hữu Sam là Nghệ nhân ưu tú Nguyễn Thị Oanh cho biết: sáng tác của cha tôi là sự kết hợp khéo léo giữa chủ đề hiện đại và truyền thống, đặc biệt là nét đẹp duyên dáng của người con gái Kinh Bắc tài hoa và xinh đẹp trong trang phục của liền chị Quan họ. Với bộ tứ bình này, do khổ lớn nên việc in đường nét to đậm sẽ được làm trước, sau đó sẽ tô màu và đường nét nhỏ nhất, rồi hoàn thiện trong vòng hai ngày tròn. Giấy dó được quét thêm điệp cho lấp lánh, cùng bố cục hợp lý, tự nhiên trang nhã kết hợp với bộ khung bằng tre hun của làng nghề Xuân Lai đã tạo cho bức tranh đậm hơn phong cách dân gian, góp phần tôn vinh vẻ đẹp và tài năng của các cô gái Quan họ xứ Kinh Bắc.

Vẻ đẹp của các cô gái trên quê hương Quan họ trong tranh toát lên sự thanh cao mà đầm thắm, tài hoa mà dịu dàng, vừa duyên dáng vừa nét na... đại diện cho người con gái Việt Nam nói chung và người con gái xứ bắc nói riêng. Từ đó cho chúng ta cảm nhận được những nét tinh túy, bản sắc văn hóa Việt, ý tưởng và sự tài hoa của người nghệ nhân vẽ tranh dân gian

Đông Hồ. Nét đẹp của người phụ nữ xưa và nay vẫn được trường tồn qua hình bóng Tô nữ trong tranh Đông Hồ, như những vần thơ được Chế Lan Viên từng nhắc đến:

“... Ta nghe bình tĩnh dậy,
 Câu Quan họ, xẩm xoan
 xưa vút ngã ba đường,

Điều lục bát và màu nâu
 nơi ruộng rẫy,

Bức tranh làng Hồ và cô tô
 nữ dáng quê hương”

Hiện nay, nhiều bức tranh Tứ bình về “**Tô nữ**” và các bộ Tứ bình khác trong dòng tranh dân gian Đông Hồ, kết hợp với các bức tranh về đề tài Quan họ như “**Tô nữ Quan họ**”, “**Đến hẹn lại lên**”, “**Hội làng**”, “**Chị Hai quan họ**”, “**Múa quạt Quan họ**”... được các nghệ nhân của làng tranh Đông Hồ tiếp tục phát triển, làm phong phú thêm kho tàng tranh dân gian Việt Nam, góp phần quảng bá hình ảnh và con người Bắc Ninh với bạn bè trong nước và khách quốc tế khi tìm hiểu về văn hóa, con người Bắc Ninh xưa nay./.

NGUYỄN ĐÌNH CHẾ

Về thành phố trẻ

Trên đỉnh Bà Nà ta vui cùng gió núi
 Phía dưới kia thành phố trẻ chuyển mình
 Đón sóng biển Đông lồng lộng gió
 Hàn giang xanh in bóng phố dáng hình.

Nơi cửa bể, cũng là nơi cửa ngõ
 Sóng có yên hay sóng vẫn xô bờ
 Những khoảnh khắc, ta biết mình vẫn thế
 Sơn Trà xanh những khám phá đam mê.

Lung tựa núi nhìn bao la biển rộng
 Tầm vươn xa vượt sóng đại dương
 Những cây cầu nối hai bờ mây nhíp
 Cho hôm nay mở rộng những cung đường.

Đà Nẵng chuyển mình trong nắng mới
 Ánh bình minh vẫn đến sớm từng ngày
 Cho thành phố mỗi khi hội ngộ
 Thêm hẹn hò những khám phá mê say./.

Vài nét về Quốc Tử Giám cổ đô Huế:

Tháng 8 năm 1803, một trường học mang tính quốc gia được thành lập với tên gọi Đốc học đường (Quốc học đường) thuộc thôn An Định, huyện Hương Trà. Đến năm 1808 Vua Gia Long cho xây dựng Văn Miếu bên cạnh Đốc học đường để thờ Khổng Tử - “Vạn thế sư biểu”. Năm 1820 trường chính thức mang tên Quốc Tử Giám. Các hạng mục công trình dần dần

NĂM NHÀ KHOA BẢNG BẮC NINH LÀM QUAN TẾ TỬU VÀ TƯ NGHIỆP QUỐC TỬ GIÁM CỔ ĐÔ HUẾ

LÊ VIỆT ANGA



được xây dựng - Hệ thống phòng học, dãy nhà cư xá... và hoàn thiện nhất vào thời Vua Tự Đức - 1848. Năm 1822 khoa thi Hội đầu tiên được tổ chức, những người đỗ Tiến sỹ được khắc bia tại đây. Năm 1904 do bão lớn làm cho kiến trúc công trình bị hư hại nặng nề. Năm 1908, thời Vua Duy Tân, Quốc

Tử Giám Huế được dời vào kinh thành, bên ngoài phía Đông Nam Hoàng thành.

Đến nay trải qua hơn 200 năm tồn tại - thăng trầm, Văn Miếu Quốc Tử Giám cổ đô Huế chỉ còn lại hai dãy nhà bia, những công trình khác chỉ còn lại là vết tích nằm trong Bảo tàng lịch sử Thừa Thiên Huế.

+ Năm vị Tế tửu và Tư nghiệp Quốc Tử Giám Huế quê Bắc Ninh:

Sử chép Bắc Ninh thời kỳ này (theo địa danh - địa giới hiện nay) có 5 nhà khoa bảng làm quan Tế tửu và Tư nghiệp ở Quốc Tử Giám cố đô Huế; cụ thể (theo thứ tự năm thi đỗ) là các vị sau:

- Nguyễn Đăng Sở, bia đá ở Văn Miếu Bắc Ninh ghi ngắn gọn - quê ông ở huyện Gia Định, xã Hương Triện, Tư nghiệp; là đại tôn sư. Sách **“Các nhà khoa bảng Việt Nam”**, NXB Văn học - 1993 không ghi Nguyễn Đăng Sở là Tế tửu hay Tư nghiệp. Tư liệu ghi khá đầy đủ về Hoàng giáp Nguyễn Đăng Sở là bia đá “Hương Triện lưu thạch bi”, nội dung như sau:

“Nguyễn Đăng Sở, sinh ngày 16 tháng 9 năm Giáp Tuất (1754), người xã Hương Triện, huyện Gia Định (nay là thôn Hương Triện, xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh). Năm 24 tuổi đỗ kỳ thi Hương. Năm 34 tuổi, ông thi đỗ Đệ nhị giáp Tiến sỹ xuất thân (tên đứng thứ 2), khoa Đinh Mùi đời Vua Lê Chiêu Thống - 1787 (Khoa này mở vào tháng 10 âm lịch. Đây là khoa thi cuối cùng của nhà Lê, lấy đỗ 14 người, trong đó có 3 Tiến sỹ xuất thân và 11 đồng Tiến sỹ xuất thân). Sách LHK, IV, 119 b ghi ông đỗ năm 43 tuổi, làm quan đời Lê Chiêu Thống đến chức Hàn lâm viện Hiệu lý, tước Hương Lĩnh bá. Sau làm quan với triều Tây Sơn đến chức Tả Thị lang bộ Lại, tước Gia Định hầu”.

Vì nhà Lê mất, ông về nhà dạy học. Đến năm Canh Thìn, niên hiệu Minh Mệnh nguyên niên (1820), ông được bổ chức Quốc Tử Giám Tư nghiệp. Năm Minh Mệnh thứ 8 (1827) ông về chí sỹ và mở trường dạy học. Học trò bốn phương kéo về học lũ lượt. Giờ Tuất ngày 15 tháng 5 năm Canh Tý, niên hiệu Minh Mệnh thứ 21 (1840) ông tạ thế,

thọ 87 tuổi. Ông là cháu nội Tiền sỹ Nguyễn Đăng Giai đỗ năm 1721”.

Nguyễn Đăng Sở đỗ Hoàng giáp rồi làm quan cuối thời Lê, sau lại làm quan thời Nguyễn; trong bia đá Quốc Tử Giám Huế không ghi khắc về Tế tửu Nguyễn Đăng Sở, nên tư liệu này góp phần tìm hiểu sâu sắc hơn về ông.

- Ngô Trọng Tân, thi đỗ Cử nhân, khoa Quý Dậu - năm Gia Long thứ 12 (1813) tại trường thi Thăng Long; lấy đỗ 16 vị sỹ tử, quê ở Kinh Bắc, Sơn Tây, Hoài Đức, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Hưng hóa, Cao Bằng - thi chung. Hữu Tham tri bộ Hình lãnh Hiệp trấn Thanh Hoa - Nguyễn Hoài Quỳnh làm Đề điệu, Hiệp trấn Lạng Sơn Lê Duy Đản (tg - người cùng xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh với Ngô Trọng Tân) làm Giám thí; Đốc học Thanh Hoa - Phan Bảo Định, Đốc học Nghệ An Nguyễn Khắc Tráng làm giám khảo. Ngô Trọng Tân - người xã Vọng Nguyệt, huyện Yên Phong, làm quan tới chức Chủ sự (Theo Quốc triều hương khoa lục của Cao Xuân Dục, nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh - 1993, tr.104). Ngô Trọng Tân sau làm quan Tư Nghiệp; là người chỉ đỗ Cử nhân làm tới chức này là hy hữu. Trong bia đá ở Quốc Tử Giám Huế không ghi khắc về Ngô Trọng Tân, nên tư liệu này góp phần nghiên cứu sâu sắc hơn về Tư nghiệp Quốc Tử Giám Huế họ Ngô này.

- Phạm Bá Thiệu - người của gia tộc có 7 vị đỗ đại khoa, quê nay là xã Kim Chân, thành phố Bắc Ninh. Ông sinh năm 1793 mất năm 1858, thụy là Ôn Tĩnh, hiệu Thuật Trai tiên sinh. Năm 40 tuổi ông thi đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sỹ xuất thân (tên đứng thứ 3) khoa Nhâm Thìn niên hiệu Minh Mệnh 13 (1832) - (khoa này lấy đỗ 8 Tiến sỹ, 3 Phó bảng,

trong đó có 2 Đề nhị giáp Tiến sỹ xuất thân, 6 Đề tam giáp đồng Tiến sỹ xuất thân. Ông làm quan đến chức Đốc học tỉnh Sơn Tây, sau thăng Quốc Tử Giám Tế tửu; Án sát sứ Ninh Bình, sau thăng Thái bộc tự khanh, sung Sử Quán toàn tu. Ông nổi tiếng trong kẻ sỹ, khi về hưu mở trường dạy học và có nhiều học trò hiển đạt như Bảng nhãn Vũ Duy Thanh, Thám hoa Mai Anh Tuấn. (Trích sách **“Các vị đại khoa tỉnh Bắc Ninh”**, Lê Viết Nga - Giám đốc Bảo tàng tỉnh Bắc Ninh làm chủ biên).

Ở Quốc Tử Giám Huế, Văn bia đề danh Tiến sỹ khoa thi Hội năm Nhâm Thìn niên hiệu Minh Mệnh thứ 13 (1832) chỉ ghi như sau: “Ban đồ Đề tam giáp đồng Tiến sỹ xuất thân - 6 người. Phạm Bá Thiệu: Cử nhân, người xã Kim Đồi, tổng Đạo Du, huyện Võ Giàng, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, sinh năm Quý Sửu, thi đỗ năm 40 tuổi”.

Cho nên phần trên ghi theo sách **“Các vị Đại khoa tỉnh Bắc Ninh”** góp phần tìm hiểu sâu sắc hơn về Quốc Tử Giám Tế tửu Phạm Bá Thiệu.

- Phan Đình Dương: Văn bia đề danh Tiến sỹ khoa thi Hội năm Nhâm Dần niên hiệu Thiệu Trị thứ 2 (1842) ghi - Ban đồ Đề tam giáp đồng Tiến sỹ xuất thân 12 người - Phan Đình Dương - Cử nhân, xã Trang Liệt, tổng Phù Lưu, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh; sinh năm Tân Sửu, thi đỗ năm 38 tuổi.

Sách **“Các nhà khoa bảng Việt Nam”** ghi: “Phạm Đình Dương sinh năm Ất Sửu (1805), người xã Trang Liệt, huyện Đông Ngàn (nay là thôn Trang Liệt, xã Đồng Quang, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh).

Ông đỗ Cử nhân khoa Canh Tý (1840). Năm 38 tuổi, ông thi đỗ Đề tam giáp đồng Tiến sỹ xuất thân khoa Nhâm Dần niên hiệu Thiệu Trị thứ 2 - 1842 (Khoa này lấy đỗ 13 Tiến sỹ, 6 Phó bảng, ông đỗ thứ nhất). Ông

làm quan trải các chức: Hàn lâm viện Biên tu, Tri phủ Triệu Phong, Tri phủ Thường Tín. Năm Tự Đức thứ nhất (1848), ông được bổ làm Đốc học Hải Dương, sau đó làm Đốc học Hà Nội. Năm Tự Đức thứ 6 (1853) về kinh, ông được thăng lên Tư nghiệp Quốc Tử Giám, hàm Thị giảng học sỹ. Năm Tự Đức thứ 9 (1856) đổi làm Đốc học Bắc Ninh. Sau bị ốm, ông xi về quê dưỡng bệnh, rồi mất năm Ất Sửu (1865) thọ 61 tuổi; tác phẩm có” Hành ngâm ca trừ thi tấu.

- Vũ Huy Dục: Văn bia đề danh cát sỹ khoa Bác học Hoàn tài năm Tân Hợi niên hiệu Tự Đức năm thứ 4 (1851). Ban đồ Đề nhất giáp cát sỹ cập đệ đệ tam danh - một người - Vũ Huy Dục, sinh năm Mậu Ngọ, thi đỗ 54 tuổi, người xã Quảng Lãm, tổng Quảng Lãm, huyện Quế Dương phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Bia Văn miếu Bắc Ninh ghi ông đỗ Chế khoa Bác học hoàn tài, đệ nhất giáp Tiến sỹ cập đệ, đệ tam danh khoa Tân Hợi, niên hiệu Tự Đức 4 (1851).

Theo **“Các nhà khoa bảng Việt Nam”** - Vũ Huy Dục trước khi đi thi, làm quan Huấn đạo Thanh Ba. Năm 54 tuổi, ông đỗ Phó bảng khoa Tân Hợi (1851). Cùng năm, ông đỗ Bác học Hoàn tài, đệ nhất giáp Tiến sỹ cập đệ đệ tam danh (Thám hoa), chế khoa cát sỹ. Ông làm quan tới chức Tế tửu Quốc Tử Giám, sung Sử quán Biên tu, chí sỹ. Ông mất tại quê nhà năm Nhâm Thân (1872), thọ 75 tuổi.

- *Tư liệu, sách trích trong bài viết:*

- *Đại Việt lịch triều đăng khoa thực lục; Quốc triều hương khoa lục; Các nhà khoa bảng Việt Nam; Các vị đại khoa tỉnh Bắc Ninh; Bia Văn miếu Bắc Ninh; Hương Triện lưu thạch bi; Bia Quốc Tử Giám Huế....*

Truyện ký về

HAI VỊ ĐẠI KHOA THÔN THỌ TRIỀN, XÃ HƯƠNG MẠC

NGUYỄN DUY NHẤT



1. **Vũ Dự** - người thôn Thọ Triền, đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân, được phong Đặc tiến Kim tử Vinh Lộc đại phu, làm quan đến chức Tán trị đạo Sơn Nam, Thừa Chính sứ ti, Tham Chính sứ. Ông có tên thụy là Mạc Phong tiên sinh.

Ông sinh năm Mậu Tuất (1538), tướng mạo cao lớn, sức khỏe dồi dào cường tráng. Ông đỗ Tiến sĩ trong khoa thi Nhâm Tuất niên hiệu Thuận Phúc thứ nhất (1562), (Thuần Phúc là niên hiệu của Mạc Mậu Hợp, Mậu Hợp là cháu của Mạc Phúc Nguyên, là chắt của Mạc Phúc Hải, và là chít của Mạc Đăng Doanh) tên đứng thứ 13, từ hàng Nho sinh thi một lần là đỗ, năm đó ông 25 tuổi.

Truyền kể: Khoa thi tam trường năm ấy đã ra bài phú Thái cực sinh lưỡng nghi. Trước đó vài hôm, ông có xem những bài phú cũ, những bài phú đó do thân phụ ông - An Bang nghĩ ra. Ý ông lúc đầu cho rằng sẽ không ra đề thi ở trong cuốn sách này, nên ông mới đặt cuốn sách xuống bàn, nhưng cuốn sách ấy cứ rơi đi rơi lại xuống dưới đến ba lần, sau đó ông mới bèn nhặt nó lên mà đọc, quả nhiên đề thi ra đúng vào trong sách ấy. Những sách mà ông đọc thuộc, lúc đầu là đọc tới Nguyên Lưu tiên tập, rồi Mạnh Tử tập chú. Đến ngày thi Văn sách, phần nhiều các câu hỏi đều hỏi về những sách ấy, vì thế nên ông đã đỗ.

Thi Đình năm ấy, có ông Phạm Duy Quyết người xã Hùng Khê huyện Chí Linh đỗ Trạng Nguyên, ông Trương Lỗ người xã Bối Trì huyện Thanh Oai đỗ Bảng nhãn, ông Nguyễn Khiêm người xã Đường Hào huyện Đường Hào đỗ Thám hoa.

Truyền kể: Khi ông chưa đỗ đạt có hỏi cưới con gái ông Đàm Đoan Thận, nhưng ông Đoan Thận không đồng ý gả cho, vì thế ông lấy vợ người huyện Vũ Ninh (nay là huyện



Vũ Giàng). Đến ngày ông đỗ Đại khoa thì ông Đoan Thận lại đồng ý gả con gái cho, thế là ông lấy con gái họ Đàm làm vợ cả, rồi lạnh nhạt với cô gái họ Nguyễn kia (cô gái họ Nguyễn kia buồn mà chết). Ông đặt mộ bà ở trong giữa chùa của thôn. Đến năm Mậu Dần trong một lần hồi kinh, khi chưa đến đất Hoa Thiều thì trước mắt ông thấy tựa như một dải lụa hồng, ông liền rút kiếm ra chém, lúc về thì mang bệnh mắt, thọ 41 tuổi.

2. Nguyễn Quốc Tĩnh - người thôn Thọ Triền, sau ông lại đổi tên là Nguyễn Quốc Ninh.

Nguyễn Quốc Tĩnh đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân khoa Canh Dần (1710), từng giữ các chức: Phụng sai Đốc đồng đạo Thanh Hoa, Cảnh sự lang, Đề hình giám sát ngự sử, sau khi mất được truy tặng Triều liệt đại phu, Tán trị đạo Lạng Sơn, Thừa chính sứ ti tham chính. Ông có tên thụy là Đoan Hoà tiên sinh.

Ông sinh năm Đinh Tị (1677), là người khô ngô, thông minh đỉnh ngộ hơn người, học không biết chán, ông thường lấy một trăm hạt "Vô hoan tử" bỏ vào trong túi, rồi mỗi ngày đọc sách lấy hạn định là một trăm lần, mỗi lần một hạt bỏ ra ngoài cứ thế cho đến hết mới thôi.

Sau này khi lớn theo thầy họ Ngô người huyện

Thanh Oai phủ Ứng Thiên đi du học Nghệ An, ba năm mới trở về. Lúc này tài văn chương của ông nổi tiếng khắp châu quận, hai lần ứng thí thì các quan ở trường thi đều xếp ông vào loại xuất sắc, những người đến theo học ông có tới hơn mấy trăm.

Khoa thi Hương năm Mậu Tý ông có làm bài phú Vạn dân hân duyệt, lúc ấy người đạt điểm ưu chỉ được vài người, ông là người đứng đầu. Ông đỗ Tiến sĩ khoa Canh Dần niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 6 (1710) đời vua Lê Dụ Tông (Dụ Tông là con của Hy Tông), tên đứng thứ 6, ông thuộc loại từ hàng sinh đồ thi một lần đã đỗ, năm đỗ ông 34 tuổi.

Khoa thi Đình năm ấy có ông Phạm Khiêm Ích người xã Kim Sơn huyện Gia Lâm đỗ Đình nguyên Thám hoa, ông Nguyễn Công Khuê người Lê Xá huyện Chương Đức đỗ Hoàng giáp.

Truyện kể: Trong thời gian làm quan Nguyễn Quốc Tĩnh luôn giữ đúng pháp luật, và luôn tự khép mình với bản chất thanh liêm. Phạm những người kiện tụng, khi trình diện đều mang theo lễ vật kính biểu, nhưng ông đều từ chối không chịu nhận. Khi mới nhận chức Giám sát, nhân lúc còn nhàn rỗi ông có trở về quê quán, ông đích thân đốc xuất người dân trong làng đắp đê (bờ đất đắp ngăn nước) ngăn giữ nước, trừ nạn úng lụt. Từ đó mới cấy trồng được nhiều giống lúa, bởi thế nhiều người mang ơn ấy của ông lắm. Khi Ngô tiên sinh ở Thanh Oai mất, ông đã mua vài sào ruộng, giao cho con cháu họ Ngô tiên sinh cấy trồng, và lấy cái đó để mà thờ cúng tiên sinh trong những ngày giỗ chạp.

Đến lúc Nguyễn Quốc Tĩnh nhậm chức Hiến sứ ở Nghệ An, Vua cho mở khoa thi Hương, và cử ông phụng khảo chọn kẻ sĩ, ông tự thân đến ngôi đền Chiêu Trưng, cùng nha lại đốt hương thề ước. Năm Thái Hoà thứ tư ông Nam chinh đi đánh Chiêm Thành, về tới cửa biển bị bệnh mà chết, nhân dân ở đó lập miếu thờ cúng. Miếu đó nằm ở xã Triều Khẩu huyện Hưng Nguyên, sau này được phong là Chiêu Trưng đại vương. Khi làm quan ông không bao giờ nhận hối lộ.

Năm Ất Mùi Nguyễn Quốc Tĩnh phụng mệnh vua sai làm Đốc đồng đạo Thanh Hoa, cùng quan Lưu thủ dẫn quân đến huyện Cẩm Thủy phủ Thiệu Thiên vây bắt bọn tù trưởng của thổ dân chống lại mệnh lệnh của triều đình (bọn phản nghịch), nhưng lệnh mới về đến chân doanh, chưa được bao lâu thì ông mất, thọ 39 tuổi. Triều đình bàn xét thấy ông có công lớn, nên đặc biệt truy tặng thêm nhiều chức.tước.

Truyện kí nêu trên lưu trong tập **“Cổ Mặc danh công truyện ký”**, do Nguyễn Tử Trinh hiệu Độn Phu (quê Cổ Mặc) biên soạn từ năm Chính Hòa thứ 2 (1681), sao chép năm Vĩnh Hựu thứ nhất (1735), nay do ông Đàm Thận Côn ở xã Hương Mạc lưu giữ. Đây là tài liệu cổ sử lại do chính tác giả người địa phương ghi chép, nên độ chính xác khoa học cao, góp phần bổ sung khi nghiên cứu về các nhà khoa bảng Bắc Ninh./.

MỘT CUỘC GẶP GỠ "KHÔNG HẸN CŨNG LÊN"

NGUYỄN TỰ LẬP

Từ ngày 26 đến 31/3/2023, Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật (VHNT) Việt Nam đã tổ chức Trại viết Lý luận phê bình (LLPB) Văn học nghệ thuật khoá VI ở thành phố Hà Nội cho 49 học viên thuộc 27 tỉnh thành khu vực phía Bắc và cán bộ cơ quan Liên hiệp. PGS.TS - Nhà lý luận Phê bình Văn học Nguyễn Ngọc Thiện vừa là giảng viên kiêm Chủ nhiệm Lớp. Đặc điểm Trại viết lần này là học viên được triệu tập đông hơn và mở rộng về đối tượng, thành phần. Ngoài gần chục người là cán bộ làm công tác quản lý ở Hội VHNT thuộc các tỉnh (thành), những cây bút viết LLPB VHNT đã thành danh có từ một đến vài ba tác phẩm theo chuyên ngành, Trại viết lần này còn đón tiếp những học viên lần đầu được làm quen với công việc viết LLPB VHNT. Họ là những nhà văn, nhà thơ chuyên sâu sáng tác; các nhà báo, nhà giáo ở các trường Đại học... với nhiều lứa tuổi khác nhau. Song tựu trung là tinh thần phấn chấn, cầu thị...

Mong mỗi được trao đổi, học hỏi, trang bị thêm kiến thức phục vụ cho công việc và cống hiến. Chẳng vậy mà theo lịch trình trong suốt một tuần, từ thứ 2 đến thứ 6

liên tục các ngày đều tiếp thu lý luận tại lớp cả sáng và chiều (trừ chiều thứ 5 đi thực tế), nhưng số học viên tham gia học tập mỗi buổi, hằng ngày đều đảm bảo đông đủ, đúng giờ. Ai nấy tập trung nghe giảng với ý thức, tinh thần trách nhiệm cao nhất. Không có trường hợp bỏ giờ, bỏ buổi giữa chừng.

Đúng theo lịch trình, Trại viết được 13 giảng viên là các GS, PGS.TS đầu ngành, các chuyên viên giàu kinh nghiệm, chuyên sâu thuộc các lĩnh vực: Lý luận phê bình, Văn học, Âm nhạc, Điện ảnh, Nhiếp ảnh, Sân khấu, Mỹ thuật, Nghiên cứu Văn nghệ dân gian, Kiến trúc và Báo chí... Đặc biệt, trong buổi khai giảng, Trại viết vinh dự được PGS.TS Nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân, Chủ tịch Liên hiệp các Hội VHNTVN đến dự và phát biểu động viên; PGS. TS Nhà văn - Nhà báo Nguyễn Thế Kỷ, Chủ tịch Hội đồng Lý luận, phê bình VHNT Trung ương cũng đến dự và trực tiếp lên lớp buổi đầu về Lý luận phê bình với những luận cứ khoa học hết sức chặt chẽ, logic, hấp dẫn, mang tính thuyết phục cao... khiến mỗi chúng tôi ai cũng toàn tâm toàn ý lắng nghe, ghi chép, đối chiếu, liên hệ với thực tiễn về thực trạng viết LLPB VHNT chung



PGS.TS, Nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân - Chủ tịch Liên hiệp các Hội VHNT VN và PGS. TS Nhà văn, Nhà báo Nguyễn Thế Kỷ - Chủ tịch Hội đồng Lý luận, phê bình VHNT Trung ương (người ngồi ở thứ 5 và thứ 7 hàng thứ nhất từ phải sang trái) cùng Ban chỉ đạo Trại viết chụp ảnh lưu niệm với học viên trong Lễ khai giảng.

hiện nay, ở mỗi địa phương, cũng như từng cá nhân. Qua đó thăm nghĩ dù thời gian không dài, lượng thông tin đòi hỏi tiếp nhận khá lớn, trình độ và khả năng tiếp thu không đồng đều... nhưng tất cả gắng sức để đáp ứng với mong mỏi, kỳ vọng của Ban chỉ đạo và Ban quản lý Trại viết.

Trong quá trình trao đổi, toạ đàm, mỗi thầy cô đều có phương pháp tiếp cận, cách thức truyền đạt riêng. Song tất cả đều mang tính gợi mở, không gò bó, áp đặt. Luôn tạo nên không khí của một bài giảng sôi động, phong phú, sáng khoái, đầy ắp tiếng cười. Không trùng lặp, nhàm chán! Điểm nhấn và yêu cầu cao nhất của Trại viết cũng như với mỗi học viên khoá này

cần đạt được là: Phải nhận thức và hiểu cho đúng vị trí, vai trò của LLPB VHNT trong đời sống văn hoá hiện nay; Phê bình VHNT phải là người đồng hành với sáng tác, luôn có sự hoà quyện giữa sáng tác và phê bình; cả hai thường xuyên tương tác, hỗ trợ lẫn nhau. LLPB phải khách quan, vô tư; đánh giá thực chất giá trị của tác phẩm là đúng hay sai, hay hoặc dở... Tránh tư tưởng xuôi chiều, chủ yếu là khen, “tâng bốc”, sợ mất lòng khi chỉ ra những vấn đề yếu kém, hạn chế ở mỗi tác phẩm. Phải luôn bám sát đời sống để nhìn nhận, đánh giá với phương châm: “Tinh táo - khách quan - trực diện”. Điều mà các Thầy Cô trong quá trình giảng giải đều nhấn mạnh

là: Cần hết sức coi trọng và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong sáng tác và phê bình. Phải quán triệt tính Đảng, tính giai cấp sâu sắc trong viết LLPB VHNT ở bất luận thời điểm, giai đoạn, thời kỳ nào...

Ngoài học tập, tiếp thu kiến thức trên lớp, Trại viết được Ban chỉ đạo, Ban quản lý lớp tổ chức đi thực tế tham quan trải nghiệm tại Trung tâm tinh hoa làng nghề Việt, mà nhiều người quen gọi là “Bảo tàng gốm Bát Tràng”, được xây dựng trên một khuôn viên 3.700 m², với kiến trúc như một “kiệt tác” độc nhất vô nhị, bao gồm 7 xoáy ốc khổng lồ, lấy ý tưởng từ những bàn tay vuốt gốm, với bao mặt cong đa diện uốn lượn mềm mại, tự do và quán quýt lấy nhau... nằm trong quần thể Làng gốm lâu đời Bát Tràng - Gia Lâm - Hà Nội. Bên trong Bảo tàng là các gian trưng bày, giới thiệu các sản phẩm gốm sứ Bát Tràng tinh xảo được tạo nên bởi những nghệ nhân khéo léo, tài hoa qua các thế hệ, những công đoạn sản xuất, những công nhân miệt mài lao động ngày đêm... để có được những sản phẩm gốm sứ tuyệt vời làm ngỡ ngàng bao du khách gần xa trong và ngoài nước. Đến với Bát Tràng lần này, Đoàn còn được nhân viên thuyết trình kiêm hướng dẫn viên Huy Nhận dẫn trai và hoạt bát giới thiệu về Lịch sử Đình cổ Bát Tràng, khám phá làng cổ Bát Tràng có tuổi đời hơn 700 năm. Tại đây, chúng tôi được trải nghiệm qua những con đường nhỏ xinh xinh với bề rộng chỉ 1 đến 2 người đi vừa mà thật thư thái, yên bình; thăm những ngôi nhà cổ, những bức tường cổ với kiến trúc đẹp. Tiêu biểu là ngôi nhà cổ Vạn Vân có tuổi đời hơn 200 năm.

Nhưng, chúng tôi thực sự có ấn tượng sâu sắc với ngôi nhà bằng gỗ của họa sĩ Nguyễn Mạnh Đức (con trai nhà văn Kim Lân) được thiết kế mô phỏng theo dinh thự vua Mèo ở Hà Giang. Ngôi nhà có giếng trời lớn, xung quanh là những gian trưng bày các tác phẩm gốm của Bát Tràng và tinh hoa gốm của nhiều địa phương. Trong nhà bài trí một sân khấu nhỏ để biểu diễn ca trù vào buổi tối nhìn thật giản đơn mà lôi cuốn. Cũng trong làng cổ còn có ngôi nhà với không gian lạ mắt, gần như không có cửa. Ngôi nhà được xây dựng vào những năm 80 của thế kỷ trước, từng là xưởng làm gốm của nhiều hộ gia đình nên có các tầng kiến trúc khác nhau. Hiện ngôi nhà này là nơi làm việc của các họa sĩ sinh sống tại Bát Tràng. Đặc biệt, Đoàn được ghé thăm Lò bầu cổ duy nhất còn sót lại của Bát Tràng. Lò gồm 5 bầu, có tuổi đời gần 100 năm. Trước đây, lò này được nung gốm theo cách thức thủ công. Tuy nhiên ngày nay người Bát Tràng đã sử dụng kỹ thuật nung hiện đại để tránh ô nhiễm môi trường. Do vậy Lò bầu cổ vẫn được giữ lại để khách tham quan. Ngoài ra, Đoàn còn được ghé qua Văn chỉ Làng gốm cổ truyền Bát Tràng với bia đề trắng không khắc chữ? Cụm cây “Sung túc trọn đời” và Quán rượu “Cố tình quên”... chỉ nghe thôi cũng đủ hấp dẫn, khơi gợi trí tò mò của bao du khách!

Tuy chỉ gói gọn trong một buổi chiều, nhưng các học viên như được đắm mình trong không gian văn hoá - nghệ thuật truyền thống của dân tộc. Tiếp đón Đoàn ngay từ đầu đến lúc chia tay là Giám

đốc Hà Thị Vinh, một nữ doanh nhân nhiệt huyết, năng động và tài hoa. Chị sinh ra và lớn lên trong một gia đình có truyền thống 16 đời gắn bó với nghiệp làm gốm sứ ở đây. Bằng tấm lòng mến khách, nhiệt huyết, chân tình và cởi mở, Giám đốc Hà Thị Vinh không khỏi xúc động khi giới thiệu với Đoàn (trong đó có PGS. TS, Nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân, Chủ tịch Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam cùng đi) về quá trình hình thành và phát triển của Làng gốm sứ quê mình, trong đó chị nhắc đi nhắc lại đặc thù mà Bát Tràng khác với tất cả những làng quê trong cả nước là: Nơi đây nghề có trước làng! Và gọi là làng nhưng lại không có ruộng, không có ruộng nhưng lại có rất nhiều người giàu có trở thành địa chủ, tư sản trước đây! Trong bữa tiệc chia tay với Bảo tàng, Chủ tịch Đỗ Hồng Quân thay mặt Đoàn chân thành cảm ơn sự ưu ái, đón tiếp chu đáo, nồng hậu của Giám đốc Hà Thị Vinh và cán bộ, nhân viên, công chức Bảo tàng cùng chính quyền địa phương đối với Đoàn, và mong muốn có ngày tái ngộ. Chia tay Làng cổ gốm sứ Bát Tràng, mỗi chúng tôi ai ai cũng cảm thấy lâng lâng sau một bữa tiệc thịnh soạn cả tinh thần và vật



chất mà thiên nhiên và con người nơi đây đã ưu ái ban tặng. Song trong bữa liên hoan ẩm thực, thú vị nhất là canh măng mực - món ăn truyền thống nức tiếng ở nơi đây, thường được dùng làm món chính trong các ngày lễ truyền thống, lễ cưới xin, giỗ tết của người dân làng gốm sứ Bát Tràng văn hiến và truyền thống.

Khép lại một tuần của cuộc gặp gỡ “không hẹn mà lên” giữa những người đồng nghiệp. Trong giờ phút chia tay với bao cảm xúc dâng trào. Ngoài niềm vui chung là cả 49 học viên đều hoàn thành và thực hiện tốt nội quy, mục đích, yêu cầu, nội dung của khoá học, đồng thời ai cũng được cấp chứng chỉ. Song thiết nghĩ, cái

được lớn nhất là chúng tôi đã có quãng thời gian ngắn ngủi, hiếm quý để cùng giao lưu, học hỏi, suy ngẫm, trưởng thành... để rồi tự tin tiếp tục vững bước trên con đường đã chọn./.



Đưa trẻ

PHƯƠNG ĐĂNG

Trua hè nắng nóng. Chiếc xe chở chúng tôi chọt khựng lại, dưới bóng râm quán nước. Những ly trà sữa, nước mía níu kéo. Cháu nhỏ quán nước như con thoi trước mặt chúng tôi. Gió hây hây phả nhẹ hơi nước mát từ mặt hồ lên, dễ chịu làm sao. Ngờ ngợ, tôi hỏi cháu. Gương mặt xạm đen, ngược lên: "Cháu quê ở thành phố này ạ...". Giây lát tôi chợt nhớ ra, thốt lên: "Trời ơi! San! San!..." Nó choàng ôm lấy tôi: "Bác Thoa! Bác Thoa...". Bác cháu vui mừng nhận ra nhau sau bao năm xa cách nhớ thương.

Là bạn thân với bố cháu từ thời cùng sống "Thị xã đèn dầu" cùng học cấp ba Hàn Thuyên. Chung đam mê bóng chuyền, đọc sách... Nhà lại gần nhau, chủ nhật thường rủ nhau đi chơi chợ Nhớn. Khi chiều muộn, cùng đạp xe ra ngồi hóng mát bên bờ sông Cầu, mê mãi ngắm nhìn thuyền bè ngược xuôi. Sau này đều đã học lên, có gia đình vợ con. Mỗi lần sang chơi nhà, cậu ấm San lại lon ton chạy đến ôm lấy chân. Bé bồng, tôi hôn hít vào đôi má phính của nó. Nay còn đâu đôi má phính ngày nào. Chợt San ôm chầm lấy tôi, gạt nước mắt, cháu dẫn người bác cùng lội ngược dòng thời gian. Trở về những năm tháng, với bao niềm vui nỗi buồn của nó.

Người lái xe kéo đưa trẻ lên, nó ngồi lọt thỏm trong ca bin. Khi ánh chiều cũng vừa lặn khuất sau rặng núi xanh mờ. Một hành trình của người lái xe sắp bắt đầu. Nó cũng theo hành trình ấy của bác tài. Như cánh chim phiêu dạt. Rồi một đêm xe đã tới đất Huế, được bác tài nhắc bồng, thả xuống lề đường. Còn buông lời động viên "chúc thiên thần mạnh giỏi". Bắt đầu cuộc sống vật lộn, bươn trải của nó. Chiếc xe tải cũ bèm, bụi bạc lại hăm hờ lao đi. Dưới ánh sáng điện choáng ngợp phố phường. Không xa dòng sông Hương thơ mộng, lặng lẽ trôi uồn lượn như dải lụa bạc, đầy ắp huyền thoại.

Bàn chân lạ lẫm, San đã bước tới đường phố có nhiều cây phượng già. Có cây nghiêng nghiêng như bị mưa bão quất lay, bầm dập lâu rồi. Tiếng ve ran ran đốt cháy trưa hè. Những chòm phượng thấp lửa. Cùng tán lá lưa thưa, nhẹ rung trước gió. Ôi, sao mà giống cây phượng hai thân ở cổng trường cũ mình vậy. Độ này chắc thầy trò đã nghỉ hè. Sân trường vắng hoe vắng hoắt. San cúi lượm những bông phượng nhàu nhàu, tàn rơi trên vỉa hè mân mê trong lòng bàn tay, mà lòng tê tái. Đôi mắt quàng thâm lại lặn ra những giọt nước trong suốt. Mỗi khi bắt gặp màu đỏ

ấy, kỷ niệm tuổi thơ học đường ấy, lại như có cây kim xuyên vào tim. Nỗi buồn da diết cứ dưng dậy ký ức. San đành phải tạm biệt nơi đây. Những ngày tiếp theo con người bé bỏng, vất vưởng ấy đi đâu, về đâu.

Bàn chân nhỏ bé đã đưa San tới chợ Bàn Cờ nơi thành phố Hồ Chí Minh. Một trong hàng ngàn ngôi chợ của thành phố này, hời người bán cháo lươn, xin việc làm. Tay bà như đang múa, miệng tươi như hoa chào đón khách. Lướt ánh mắt, bà chỉ tay: "Ừa, thiếu chi người đang ngồi chơi hoài kia. Mà thằng nhỏ này lại nhằm vào cái thùng cháo mà hỏi, ghen...". Nhìn cái khăn rằn dẫm mồ hôi nơi cổ, chẳng chấp trách bà ta làm chi. Chắc vì vợ kiếm đôi đồng nuôi con nhỏ. Biết đâu bà còn chất chịu nuôi cả gia đình, mà người chồng đang rượi chè, nghiện hút quật quã hàng ngày.

Rồi đi tiếp, chợt có tiếng gọi: "Báo"! Một bàn tay vẫy vẫy qua khung cửa sổ hút San vào nhà. Ông chủ nhìn những tập báo mới trên tay San, cười: "Ta mua tất tần tật. Nào mi tánh tiền...". San tưởng ông đùa, mà là thật. Một xấp nhiều loại báo còn thơm mùi giấy mực, nhảy vọt khỏi bàn tay, nằm nẹp na trên mặt bàn. Rồi ông hỏi tên, tuổi, quê quán. Ông bảo xa vậy mà vào tận đây kiếm sống. Chắc gia đình có vấn đề. Bố mẹ đâu, mới tý tuổi mà đã phải bươn chải, khổ. Ngắm tướng mạo mi hiền lành, phúc hậu, dễ thương quá ha. Lời ông đã làm San càng cảm kích, biết ơn ông.

Ông thuê San quét dọn nhà cửa, tưới cây kiểng. Bữa ăn, ông gấp đồ ăn bảo cứ ăn uống tự nhiên như ở nhà. Một sáng, ông dúm vào tay xấp tiền, bảo: "Cầm lấy". Dăm

phút sau, có người xe ôm đến đón ông đi. Vắng cha, ba ngày sau người con trai lòi ra cái mặt sói. Bắt làm tăng giờ. Đến bữa quăng cho cái bánh mì khô, chai nước khoáng. Nửa tháng sau, San xin đi làm nơi khác. Hấn vác cái mặt sói sừng tím. Tiền không trả, còn đầy cái bụng lép xẹp ngã xoài ra đường. Bà con dân phố giàu lòng thảo, người cho cái bánh bao, người quả chuối, trái cam... Đôi chân run rẩy phố này sang phố nọ. Đêm ập xuống. Via hè, gốc cây sẵn làm giường ngủ. Muỗi ào ào như tung nắm trấu xay, quần đảo suốt đêm.

Nơi cửa ngôi nhà. Người mẹ trẻ bồng con nhỏ trên tay vẫy vẫy, rồi ấn vào tay San cái đui gà chiêm vàng, cùng nắm xôi nếp: "Cháu ăn đi cho đỡ đói". Người chồng từ phía trong bước ra bặm môi, lườm vợ lườm San trông mắt trắng bọt. San lại đi, lòng vừa vui vừa buồn. Một gia đình được bố hồng con, gia đình kia hồng chồng được vợ.

Đang lang thang, lòng mông lung nghĩ, chợt có bàn tay lạ vỗ vào vai San. Một khuôn mặt da sành lạ lẫm, đón San về lò đậu khuôn làm thuê cho ông. Bước vào nhà. Mấy đứa như từ trên trời rơi xuống. Chẳng biết đã có mặt ở chón này từ bao lâu rồi. Đều nhem nhuối, đen trũi như cái lò than cũ kỹ, sứt lở kia. Thấy người lạ, chẳng ai bảo ai cùng nhoèn miệng cười, đồng cảm. Một "thôi than" vờ lướt qua mặt San, nói nhỏ: "Khô! Không biết đây là... cái giỏ tre... hom lại bằng sắt à. Mà còn dấn cái thân xác này vào...". Nghe mà nào có hiểu. Vài ngày sau mới vỡ lẽ thì đã muộn.

Đứa nào đứa ấy phải làm tằm tấp như cái máy, chẳng dám kêu ca. Khi cái xoong to sữa đậu nành sôi. Nhanh chóng múc đổ vào những cái xô đang há miệng chờ. Than đá phải xếp vào lò từ trời chưa tối. Xong than củi rồi, còn biết bao việc không tên khác. Quần quật đến mười, mười một giờ khuya. Những tấm thân rã rời đổ xuống cái giường chẳng ra giường, ngủ. Để rồi ba giờ sáng tụt xuống đất nổi lửa. Quạt tay khi than lò đỏ lừ. Cái nóng hừng hực đắng ngắt, muốn ói lan sang cả hàng xóm. Đã nặng nhọc vất vả, lại còn bị đòn roi đau đớn. Khóc. Mà nào có còn nước mắt. Lửa lò đã hút hết từ lâu rồi.

- Bác hãy coi lưng cháu. Áo được vén lên. Với bộ mặt da sành nổi gân. Que sắt thông lò ông phang cháu tới tấp. Mỗi khi việc làm không vừa ý ông chủ.

Nhìn tấm lưng vẫn còn những "con lươn" rộp phồng, xám đen. Người bác rung mình. Con tim nhói đau.

Bác xoa xoa lưng đứa cháu, an ủi nỗi đau. Ngày bác đang làm việc trong Tây Nguyên. Một người bạn của bác cho biết mẹ cháu đã ly hôn với người chồng của mình đang là Giám đốc một công ty lớn có tiếng. Cháu đã bỏ học, trốn gia đình đi biệt, chẳng còn biết ở đâu. Vài ngày sau, người bố nhận ra lỗi lầm, ân hận đã lao đi tìm con. Nghe người bạn kể mà lòng bác như muối xát, buồn thương. San cướp lời. Tới nay cháu cũng chẳng hiểu sao. Bố cháu lại tìm được vào đúng lò đậu khuôn của ông chủ, mà cháu đang làm thuê cho ông. Cũng may mà không phát hiện ra, bởi cháu đang làm ở một góc khuất. Mà cháu đã đổi tên khác rồi, từ khi cháu bước vào đây. Cháu

nghe rõ lời bố. Giọng buồn buồn của người cha đã đánh mất đứa con ngoan.

Cháu vẫn còn nhớ. Một sáng chớm hè. Cây phượng hai thân công trường cháu bắt đầu lấm chấm những hoa, nụ thấp lửa trên cành. Bác sang nhà chào bố mẹ cháu, trước khi bác vào công tác Tây Nguyên. Bác thơm cháu nhiều cái thơm trên má. Không lâu sau, người ta phát hiện ra bố cháu mắc vào cái bẫy của cô kế toán trưởng trẻ đẹp. Cô bàn bạc cùng bố cháu rút tiền của công ty không cho vào sổ sách, tẩy xóa hóa đơn chứng từ. "Cháu dùng từ" cái bẫy" hóm thật. San bảo. Mấy ông cán bộ hưu khu phố ngồi quán nước vỉa hè, bàn tán với nhau nói vậy mà. Và họ còn bảo đại đại, sừng quá hóa rồ. Đến khi bà vợ Hiệu trưởng cấp ba bỏ ông Giám đốc sớm muộn cũng vào ngôi nhà đá, mới sáng mắt ra. Cấm ghét tội tham nhũng và bỏ bịch của chồng, mẹ cháu đã nộp đơn xin ly hôn bố. Tòa chấp nhận đơn xin ly hôn của mẹ cháu. Tòa tuyên hôm trước. Chiều hôm sau bỏ học, cháu trốn gia đình đi biệt vào Nam. Cho tới cuối tháng trước cháu mới trở về. May hôm nay cháu được gặp lại bác, nơi quán nước giải khát, cháu làm thuê cho chị chủ này đây, bên bờ hồ sinh thái thành phố của người Quan họ Kinh Bắc này.

Ra Bắc Ninh dự Hội nghị văn hóa văn nghệ ngắn ngày, nay người bác cùng đoàn vợi trở lại Tây Nguyên làm việc. Bác cháu lại tạm biệt. Xa nhau trong một chiều thương nhớ.

* *

*

Thời gian thấm thoát trôi.

Sông Cầu - Dòng nước như nhớ ai mà vơi đây theo năm tháng. Nay có một

người lại trở về cùng những kỷ niệm. Tìm một người đã từng lang thang, bươn trải nơi đất trời phương Nam năm nào.

Người khách đang ngó nghiêng ngoài cửa. Lòng bồi hồi, ngỡ ngàng trước sự đổi thay của ngôi nhà, khu phố trong thời đổi mới. Từ phía trong, đôi trai gái tay dắt tay nhau đang đi ra. Cô gái chột nở nụ cười đôn hậu, lễ phép:

- Xin lỗi. Bác tìm ai ạ?

- Tôi... tôi tìm... một người... đã có những năm tháng bươn trải nơi đất trời phương Nam...

Giây lát, cô gái tiếp lời:

- Dạ, có phải anh này không ạ? Cô võ vai người thanh niên dong dỏng cao, vẻ thư sinh, đang đứng bên.

Linh cảm chột lóe trong đầu, mách bảo. Còn ai nữa San San... lạ quá. Giá gặp ngoài đường có mà trời nhận ra. Người khách nghĩ, rồi kêu lên:

- "Cậu âm", "cậu âm"... của tôi. Hai tay lắc mạnh đôi vai chắc lắn của San

- Bác Thoa!... Bác Thoa... lạ quá. Cháu chẳng còn nhận ra. Tóc bác đã điểm sương. Nhưng bác còn phong độ lắm. Giọng San nghe là lạ như có âm sắc pha giọng Huế với giọng Nam Bộ của người Kinh Bắc.

Hai người choàng ôm lấy nhau, xúc động nghẹn lời. Vừa lúc ông Hà, bà Na bố mẹ San từ chợ Nhớn trở về. Tay ôm tay xách những đồ nhựa gia dụng. Còn có cả thực phẩm, rau quả... Khách chủ bất ngờ gặp lại nhau.

- Xin chào hạnh phúc đôi bạn Hà - Na... Ông Thoa reo lên. Họ nắm chặt tay nhau như chẳng muốn rời xa.

Giây phút hội ngộ này. Mọi người vây quanh bàn trà, những chén trà sen hương lan tỏa ấm cúng. Gió Đông Nam lồng lộng, mang theo hơi nước từ sông Cầu ẩm mát ùa vào nhà. Với bao câu chuyện buồn vui cùng năm tháng, của những mảnh đời ùa về. Trong không khí đầm ấm vui tươi.

Sau buổi chiều năm ấy. Người bạn chào tạm biệt vợ chồng đôi bạn đi công tác Tây Nguyên, bỏ lại mùa hè, bỏ lại "thị xã đèn dầu" nhỏ bé. Thấm thoát, nay đã ngót nghét hai chục năm trời rồi còn gì. Vật đổi sao dời. Cuộc sống với bao đổi thay. Nhanh quá.

Ông Hà nắm chặt tay ông bạn, cười: Cháu Ngọc Linh đây là con dâu mới. Còn thằng San, anh chẳng còn lạ gì nó. Vợ chồng cháu cùng học Đại học Mỹ thuật Hà Nội. Ra trường, vợ chồng cháu hùn vốn mở xưởng vẽ đã ba năm nay.

Bà Na thất đấy lưng ong, tươi tắn đứng bên chồng:

- Học vậy, vẽ giỏi vậy mà đã cho ra đời đứa cháu nội nào đâu. Để ông bà bé bỏng, chăm chút cháu ..

Ông Thoa vỗ vai ông Hà, đùa:

- Đó là chuyện của những cử nhân. Còn "hai quan" của "cậu âm" ngày xưa, đã cưới lại bao lâu rồi mà bí mật vậy. Tội tôi không được dự tiệc, trách nhiều đấy...

Những gương mặt bừng nở. Những ánh mắt nhòe lệ trong niềm vui, niềm hạnh phúc dâng trào, của những người con Kinh Bắc nơi thành phố trẻ tương lai rạng rỡ này...

ĐẤT VÀ NGƯỜI QUAN HỌ

TRONG TRANH SƠN MÀI TRỊNH LỄ

HOÀNG NGỌC BÌNH

Trong nhịp sống hối hả và sôi động của thời kỳ đổi mới, vẫn có một người đêm ngày lặng lẽ, dành tâm huyết và tình cảm của mình để vẽ hàng trăm bức tranh sơn mài truyền thống, khắc họa nên hình ảnh, cốt cách và vẻ đẹp của những con người cùng quê hương Bắc Ninh - Kinh Bắc... Chị là họa sỹ Trịnh Lễ, hội viên Hội Mỹ thuật Việt Nam, hội viên Hội VHNT tỉnh Bắc Ninh, Ủy viên Ban chấp hành Phân hội VHNT thành phố Từ Sơn.

Họa sỹ Trịnh Lễ quê ở xã Hòa Long, nay là phường Hòa Long, thành phố Bắc Ninh. Quê chị có núi Quả Cảm từ bao đời đã đi vào cổ tích, có con sông Cầu mềm như dải lụa, những cánh đồng màu mỡ tốt tươi, những vườn cây bốn mùa hoa thơm trái ngọt. Cảnh vật nên thơ, đẹp như những bức tranh rực rỡ sắc màu ấy đã gieo vào lòng cô bé Lễ ngay từ những ngày cắp sách tới trường, và khi được chiêm ngưỡng những bức tranh sơn mài truyền thống được làm nên bởi những nghệ sỹ tài hoa, Trịnh Lễ đã đặt ra cho mình một hướng đi, đó là quyết tâm học vẽ tranh sơn mài để vẽ về quê hương mình, bày tỏ tình yêu thương đối với mảnh đất đã sinh ra và nuôi mình khôn lớn.



Từ đó, cô học sinh 14 tuổi Trịnh Lễ sáng thì cắp sách đến trường, chiều đến lại đạp xe hơn 20 cây số về Từ Sơn học vẽ. Nhờ kiến thức hội họa đã học được từ những nghệ nhân sơn mài ở Từ Sơn, năm 1986 Trịnh Lễ thi đỗ vào Khoa Mỹ thuật, Trường Văn hóa nghệ thuật Hà Bắc. Và cũng nhờ kiến thức về tranh sơn mài, khi ra trường, chị được phân công về công tác tại

Công ty Xuất nhập khẩu Mỹ nghệ Hà Bắc, là người đánh giá, kiểm tra chất lượng sản phẩm, mà hầu hết là các mặt hàng sơn mài trước khi xuất khẩu sang nước bạn. Năm 2007, Trịnh Lễ trúng tuyển vào Khoa Mỹ thuật, Trường Đại học Sư phạm I. Sau 5 năm miệt mài đèn sách, chị đã trang bị cho mình vốn kiến thức hội họa vững vàng, làm hành trang trên con đường lập nghiệp. Năm 1993, họa sỹ Trịnh Lễ chuyển về dạy mỹ thuật tại một số trường tiểu học và trung học cơ sở tại quê chồng ở Từ Sơn. Vừa trực tiếp giảng dạy, vừa làm Bí thư chi đoàn, Tổng phụ trách, Chủ tịch công đoàn nhà trường... nhưng chị luôn dành thời gian và tâm huyết của mình cho hội họa.

Từ đó đến nay, trải qua gần 50 năm gắn bó với thể loại tranh sơn mài truyền thống, họa sỹ Trịnh Lễ đã sáng tác được hàng trăm tác phẩm, tổ chức hàng chục triển lãm chung và riêng, tham gia rất nhiều cuộc triển lãm do Hội Mỹ thuật Việt Nam, Hội VHNT tỉnh Bắc Ninh tổ chức và giành nhiều giải thưởng. Năm 2004, họa sỹ Trịnh Lễ được kết nạp vào Hội VHNT tỉnh Bắc Ninh, năm 2017, trở thành hội viên Hội Mỹ thuật Việt Nam. ...

Ngay từ những ngày đầu học vẽ, cô họa sỹ trẻ Trịnh Lễ đã mê lắm những bức tranh “Phố” của họa sỹ Bùi Xuân Phái, với những căn nhà mái ngói liêu xiêu, những chùm hoa phượng vĩ đỏ rực chùm lên những con đường, những căn nhà cổ kính... Cũng từ những bức tranh “Phố” của Bùi Xuân Phái, chị đã ấp ủ một quyết tâm, đó là đưa hình ảnh phố của quê hương Bắc Ninh vào những bức tranh sơn mài của mình. Để rồi, sau nhiều ngày, nhiều tháng,

nhiều năm, hàng loạt tác phẩm về phố và các làng quê Quan họ của họa sỹ Trịnh Lễ đã lần lượt ra đời. Bằng lối vẽ vừa tả thực vừa mang tính ước lệ, những bức tranh sơn mài của Trịnh Lễ có thể mạnh riêng, mang sắc thái và phong cách rất riêng, nên được các họa sỹ và giới chuyên môn tranh sơn mài đánh giá cao, nhiều tổ chức, cá nhân còn về tận gia đình đặt hàng, có bức tranh khổ rộng lên tới vài chục mét vuông...

Sinh ra và lớn lên trên quê hương Quan họ, họa sỹ Trịnh Lễ không chỉ giỏi vẽ tranh mà còn hát Quan họ rất hay, đã có thời điểm chị định gác lại việc vẽ tranh để trở thành diễn viên Quan họ... Không thể đi theo nghiệp hát, nhưng hình ảnh những chiếc nón thúng quai thao, những tà áo mớ ba, mớ bảy, những cặp mắt lúng liếng của các liền chị Quan họ trong những ngày trẩy hội xuân... đã làm cho nữ họa sỹ rất yêu Quan họ này phải đêm ngày “ra ngân vào ngo”, để rồi Quan họ đã trở thành những đề tài không bao giờ cạn trong tranh sơn mài Trịnh Lễ. Những tác phẩm như *“Quan họ ngày xuân”*; *“Mùa xuân Quan họ”*; *“Liên chị”*; *“Nắng mới”*; *“Thiếu nữ Quan họ và sen”*; *“Vũ điệu sen”*... cùng nhiều tác phẩm khác luôn được họa sỹ thể hiện rất mềm mại thướt tha, vừa ý nghĩa vừa lãng mạn và cũng rất đậm chất thơ.... Dẫu chỉ là hình ảnh, nhưng người xem tranh Quan họ của Trịnh Lễ luôn được sống trong những cung bậc cảm xúc ngọt ngào, tưởng như mình đang được đắm mình trong những canh hát ngày xuân, được nghe những làn điệu Quan họ khi thì khoan thai dịu dặt, lúc lại da diết nhớ thương...

Hôm nay, nữ họa sỹ tuổi Nhâm Dần



1962 Trịnh Lễ đã được nghỉ hưu, chị càng có nhiều thời gian dành cho hội họa. Chỉ mấy năm gần đây, họa sỹ Trịnh Lễ đã sáng tác được hàng chục tác phẩm, được các họa sỹ đàn anh và người xem trầm trồ thán phục. Năm 2022, họa sỹ Trịnh Lễ lại giành giải B (không có giải A) tại Triển lãm mỹ thuật Bắc Giang mở rộng, gồm 4 tỉnh: Bắc Giang, Bắc Ninh, Hải Dương và Lạng Sơn.... Hầu hết những tác phẩm của chị sáng tác gần đây đều đã được nhiều người hỏi mua nhưng chị không bán, với ý định sẽ tổ chức một cuộc triển lãm cùng với tranh của chồng là họa sỹ Phan Xuân Hùng để tưởng nhớ ngày anh mất. Họa sỹ Phan Xuân Hùng là hội viên Hội mỹ thuật Việt Nam, người đã gặt hái được rất nhiều thành công trong hội họa, đặc biệt là thể loại tranh sơn mài. Anh đột ngột qua đời khi vừa bước sang tuổi 58, lúc nghiệp vẽ đang vào độ chín.

Họa sỹ Trịnh Lễ tâm sự: “Tôi có may mắn được làm dâu trong một gia đình có chồng và bố chồng đều là họa sỹ vẽ tranh sơn mài, lại được sống trên mảnh đất Từ

Son, nơi có bề dày về nghệ thuật vẽ tranh sơn mài truyền thống nên đã học hỏi được nhiều điều, từ đó đã có nhiều thuận lợi trong quá trình lao động nghệ thuật. Tôi yêu quê hương mình, yêu những con người và mảnh đất mà tôi đang sống, và vẻ đẹp của những liền anh, liền chị Quan họ, cùng phong cảnh nên thơ,

hữu tình của những vùng quê Bắc Ninh Kinh Bắc sẽ mãi là đề tài không bao giờ cạn để tôi gắn bó, nuôi dưỡng niềm đam mê sáng tạo của mình”.

Đất nước ta đang trên đường phát triển và hội nhập, trong lĩnh vực nghệ thuật, hội họa cũng đã và đang được các họa sỹ tìm tòi, khám phá để ngày càng đổi mới, hòa nhập cùng bạn bè Quốc tế. Nhưng cho dù thể hiện theo phong cách nào, xu hướng nào thì tranh sơn mài cũng sẽ không bao giờ bị phôi phai, lạc lõng giữa cuộc sống đương đại, ngày càng phát huy giá trị, truyền thống quý báu mà ông cha để lại, toát lên vẻ đẹp, giá trị thẩm mỹ, sự giao thoa giữa nghệ thuật truyền thống và hiện đại. Và chắc chắn, bằng tình cảm, niềm đam mê, tâm huyết và sự thăng hoa trong lao động sáng tạo của mình, mảnh đất và con người Quan họ sẽ còn được khắc họa nhiều hơn, sinh động hơn trong tranh sơn mài Trịnh Lễ!

"HƯƠNG SẮC MIỀN QUÊ" VÀ KHÁT VỌNG TỪ LÀNG

nhân đọc tản văn "Chuyện làng tôi" của Cao Văn Hà

NGHIÊM ĐÌNH THƯỜNG

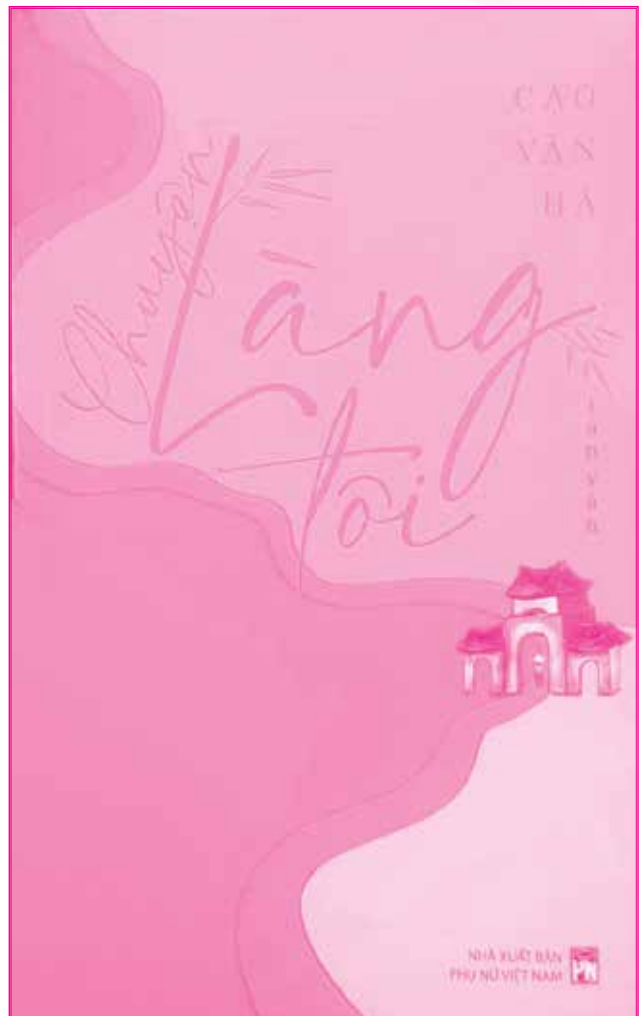
Cuốn sách **Chuyện làng tôi** được viết ra với mục đích rất khiêm tốn "Không đơn thuần là tác phẩm văn chương mà còn là một tư liệu để lưu giữ truyền tụng cho thế hệ mai sau và trên hết đó là sự đón nhận tấm lòng một người con của làng" (Vì sao tôi viết cuốn sách này).

Tập tản văn **Chuyện làng tôi** của Cao Văn Hà với 26 mẫu truyện phản ánh quá trình nghiên cứu đầy trách nhiệm của tác giả về tất cả các việc: Từ lịch sử, lệ làng đến lối làm, lối ăn, sinh hoạt văn hóa, học hành, đan xen vào đây các mối quan hệ gia đình, họ mạc, làng xóm, bạn bè... với những cảm xúc chân thành của người con quê hương có tác dụng truyền cảm hứng không chỉ cho người làng Đông Thái, xã Đông Tiến quê hương ông mà còn đến với người đọc nói chung, các cung bậc cảm xúc về "**Hương sắc một miền quê và Khát vọng từ làng**".

* *

*

Làng Đông Thái cũng giống như



bao làng quê khác ở đồng bằng Bắc Bộ, với lịch sử hơn 200 năm, từ làng Nội Rôi huyện Lý Nhân (Hà Nam) lên lập nghiệp rồi định cư. Lúc đầu đến ở phố hàng Nong, thôn Phương La Đông, xã Tam Giang. Từ năm 1802 lý sở của Yên Phong chuyển từ Phương La Đông về làng Đông Yên (xã Đông Phong) thì người ở phố hàng Nong cũng lại xuôi sông Cầu về định cư ở xóm Bến thôn Đông Xuyên (xã Đông Tiến) để dễ bề buôn bán và làm ăn sinh sống.

Sông Cầu như dải lụa mềm uốn lượn giữa đôi bờ rau tươi, lúa tốt, cùng với bao thuần phong mỹ tục, những câu hò, câu hát lay động lòng người. Dòng sông cũng là “Chớp treo thanh kiếm ngang trời” tiêu diệt các đạo quân xâm lược, bảo vệ chủ quyền độc lập của Quốc gia, của quê hương. Sông Cầu chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, về đến Yên Phong gặp sông Cà Lò ở Ngã Ba Xà lịch sử. Dòng sông chảy qua xã Tam Giang đến thôn Đông Xuyên (xã Đông Tiến) thì chảy theo hướng Đông - Bắc, uốn cong như cánh cung, tạo thế “tụ thủy” mà ở đó cư dân làng Nội Rôi (Lý Nhân - Hà Nam) chọn chỗ đứng chân lập làng Đông Thái, gắn bó với nghề sông nước, gắn bó với nghề thủ công mà các sản phẩm làm từ cây tre. Sông là nơi nuôi dưỡng chở che, sông cũng là bạn tâm giao với người đi lập nghiệp, dựng làng. Tác giả dành nhiều trang với cảm hứng dâng trào để mô tả dòng sông quê hương với những kỷ niệm máu thịt của cả đời người với tấm lòng biết ơn thao thiết: “Sông với làng tôi như một cặp không thể tách rời. Sông là lý do để tổ làng dựng nghiệp, lập làng ở đó.

Sông giúp con trai quanh năm sông nước ngược xuôi, giúp con gái làng dẻo dai, gánh gồng, đan lát...

... Sông luôn là tiếng gọi thiết tha để ai đi xa cũng mong mỏi tìm về” (Sông tắm).

Làm ăn thuận lợi người Nội Rôi lại theo nhau lên buôn bán sinh sống thành thử người cứ đông dần lên. Là người ngụ cư nên phải đoàn kết trong nội bộ, khôn khéo trong đối nhân xử thế với người sở tại để được yên ổn làm ăn. Bởi vậy trong Chuyện làng tôi tác giả nhắc nhiều đến làng Đông Xuyên với tấm lòng thành kính, biết ơn.

Từ người dân ngụ cư tiến tới có làng rồi có tên làng là cả hành trình gian khổ. Thế mới biết khi có tên làng Đông Thái do thầy giáo già Trần Bình Niệm đồng thời lại là nhân sĩ yêu nước (được đưa vào danh sách đề bầu cử Quốc hội khóa I của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa năm 1946) đặt tên cho. Đông Thái nghĩa là đông đúc, thái bình, thịnh vượng mới thấy tên làng đẹp để biết bao. Có tên làng lại phải có văn hóa vật chất của làng, ấy là ngôi đình, ngôi chùa. Ở những ngôi làng cổ thì ngôi đình, ngôi chùa đem đến cho người dân trong làng niềm tự hào làng quê cổ kính, nền nếp, yên bình, khá giả... Còn làng Đông Thái tuy có làng rồi nhưng vẫn mơ ước “Tiếng trống đình khát vọng trăm năm”.

Ở bên này con sông Cầu mỗi khi nghe tiếng trống từ đình làng Mai Hạ bên kia sông vọng tới, nỗi khao khát ngôi đình làng ngày càng cháy bỏng và rồi phải đến năm 1998 - 1999 mái đình làng mới trở thành hiện thực.

Tác giả viết những câu văn như có

lửa “*Làng ta có Đình, Đình của làng ta đây rồi*”. Già trẻ, gái trai reo lên ở trong lòng cùng với tiếng trống đình cứ ngân vang thoi thốc. Từ đây mái đình là biểu tượng danh xưng của làng, dân làng gửi trọn cả tình yêu vào trong đó. Tuy mới nhưng mái đình như găm vào nắng mưa của cả trăm năm, mái đình cong như ôm trọn bao nhiêu mảnh đời, bao nhiêu số phận, ôm trọn sự buồn vui của làng. Đao đình vút cong lên nền trời như để thăng hoa những ước mơ khát vọng về cuộc sống hạnh phúc”.

Phải là người hiểu được khát vọng trăm năm của người làng Đông Thái tác giả viết những câu văn gan ruột, xúc động lòng người đến vậy.

Tập tản văn **Chuyện làng tôi** đem đến cho người đọc nhiều điều thú vị nhất là nếp làm ăn, nếp giao đãi, phân công việc làm của các thành viên trong gia đình, cho đến các món ăn ngon của làng... Xưa kia không có đất cắm dùi, Đông Thái chuyên làm nghề mà sản phẩm gắn liền với cây tre. Muốn có tre lại lên mạn ngược mua tre đóng bè xuôi về sông Cầu tập kết ở các bãi sông ven làng. Đi bè biết bao vất vả tôi luyện người đàn ông Đông Thái can trường, khôn khéo, giỏi giao tiếp và nấu ăn cũng giỏi, đồng thời lại quảng giao, hiếu khách. Có được tre và lại phân loại cây nào vào việc ấy, gốc vào việc của gốc, ngọn có việc của ngọn. Sản phẩm của Đông Thái là đồ gia dụng, nong để phơi thuốc lào, để nuôi tằm, rồi cốt để quay thóc, để lót sàn đồ trần, rồi còn đòn gánh tre các loại... Các sản phẩm ấy được các mẹ, các chị gồng gánh trên vai đem đến các chợ phiên quanh

vùng. Việc làm ấy làm cho con gái Đông Thái đảm đang, ý tứ nhẹ nhàng, nói năng dễ nghe, kết thân với bạn chợ ở nhiều nơi.

Bài **“Gánh hàng của mẹ”** là bức tranh sinh động về sự đảm đang, tháo vát của người phụ nữ Đông Thái. Tôi thật sự xúc động đến ứa nước mắt khi đọc những câu văn “... *tôi cứ ám ảnh mãi về đôi vai thành chai của u, tôi đã nhìn thấy, sờ thấy bao lần từ thuở nhỏ. Đôi vai nhô lên mà chai cứng to bằng cái bánh dày. Đôi vai mảnh mai, gầy guộc mà dẻo dai, cứng hơn cả sắt thép. Đôi vai gánh bao nhiêu hàng, gánh cả cơ nghiệp, gánh cả cuộc đời tôi. Nếu có kiếp sau tôi chỉ ước ao được cả đời gánh Mẹ*”.

Sống bằng nghề buôn bán tre và làm ra những đồ gia dụng bằng tre, tác giả phát hiện nhiều điều thú vị gắn với tiềm thức của mình ấy là **“Mùi tre”**.

“... *Mùi hương thơm thơm, hăng hăng, nồng nồng, cứ ứa về. Mùi của tre làng ta đây rồi. Cái tinh túy của tre đã thuộc về tâm hồn tôi vĩnh viễn*”. Không chỉ có mùi tre đâu, đó còn là **“Mùi trâu”**. Tục ăn trâu nhuộm răng, cách thức ăn trâu và giao đãi bằng miếng trâu thông qua hình ảnh bà nội và mẹ, là nét đẹp văn hóa của làng quê xưa. Đọc bài **“Mùi trâu”** tôi khâm phục tác giả có những quan sát kỹ càng, miêu tả văn hóa trâu cau rất sâu sắc thấm đẫm tình yêu gia đình, yêu bà, yêu mẹ... Mỗi năm khi vào năm học mới có quyển sách mới, mở sách ra áp sách vào mặt để hít hà **“Mùi sách”** mới thấy được khát khao thèm có sách để học, để đọc của lớp học trò cũ. Rồi mùa hạ đến ta lại thấy **“Hương mùa hạ”**,

đây chính là nét độc đáo làm nên hương sắc tập tản văn này.

Là người gắn bó với hoạt động khuyến học xã Đông Tiến, ông Cao Văn Hà luôn khát vọng làm mọi việc để thực hiện triết lý “Học để thay đổi” và sự học trước hết là học ở sách. Ông đã cùng gia đình bà Đào Thị Khanh, vợ cố PGS.TS Nguyễn Đức Lữ ở thôn Đông Xuyên, từ tủ sách gia đình xây dựng thành thư viện cộng đồng “Thư viện làng cò Đông Xuyên”. Ngày 13/12/2020 thư viện được khai trương với 7000 đầu sách đặt trong khuôn viên 700m², thiết kế hiện đại đủ các hạng mục của một thư viện. Thư viện phục vụ miễn phí người dân trong thôn, trong xã. “Xin chữ đầu xuân” không phải là xin chữ cù đồ nho xưa mà đến thư viện để đọc thêm cuốn sách, đọc để thay đổi nhận thức, để từ đó góp phần thay đổi cuộc đời. Bằng nghị lực và tài năng của mình ông Cao Văn Hà đã truyền cảm hứng đến những người làm khuyến học Đông Tiến, đến với nhân dân Đông Tiến nói riêng và những người làm khuyến học Yên Phong nói chung.

* *
*

Tập tản văn **Chuyện làng tôi** đang đây kỷ niệm của tác giả về một thời gian khổ nhưng đầy tình người. Mỗi người chúng ta ai chẳng có kỷ niệm tương tự như vậy. Vì thế khi đọc tập sách này trong mỗi chúng ta trào dâng kỷ niệm về một thời xa ngái, để từ đó càng đồng cảm với tác giả hơn. Bút lực của tác giả dồi dào lắm, nên đọc không chán, nhiều bài phải đọc chậm rãi nhâm nhi từng con chữ, từng ý để ngấm

vào trong ta khiến chúng ta cảm thông và đồng cảm với tác giả. Nhiều chi tiết được nêu bài này rồi lại nêu ở bài khác vẫn không thừa. Được biết tác giả viết **Chuyện làng tôi** trong thời kỳ cả nước phòng, chống dịch Covid-19 năm 2021 và đầu năm 2022, thế mới biết sự say mê lao động nghệ thuật biết nhường nào.

Hiện tại làng Đông Thái của tác giả đang chuyển mình đổi mới đi lên. Đông Thái cũng như các làng quê khác ở tỉnh Bắc Ninh “Làng trong phố, phố trong làng” rồi thì “Hòn quê, dáng phố” không nhận ra đâu là phố đâu là làng. Nhưng hòn quê, hòn làng, đất và người với bao ngành nghề, bao thăng trầm, bao ước vọng được ghi trong tập tản văn này phải đổi bằng mồ hôi nước mắt của bao thế hệ người dân Đông Thái. Bởi vậy những câu, chữ trong tập sách nhỏ này, không chỉ là chữ nghĩa đơn thuần, là mồ hôi là máu thịt của người viết.

Tập tản văn **Chuyện làng tôi** được Nhà xuất bản Phụ nữ Việt Nam ký hợp đồng mua bản quyền tác giả, chỉ riêng việc ấy thôi cũng nói lên giá trị của cuốn sách này.

Tôi muốn tiếp tục được đọc văn của ông, thơ của ông, nghe bài hát phổ thơ của ông để thêm yêu mảnh đất quê hương, biết trân trọng quá khứ, để cảnh cũ, người xưa sống lại, luôn tươi mới và hướng tới cuộc sống tốt lành và “**Khát vọng từ làng**” của ông trở thành hiện thực./.

TRẦN ANH TRANG

Trên cát

Anh lặng ngắm những dấu chân trên cát
 Những dấu chân làm chiều bớt cô đơn
 Những dấu chân như là nốt nhạc
 Rung khê khàng như những cánh chim.

Bước trầm tư lún sâu trong cát
 Bước chân con riu rít tuổi thơ
 Bước quăn quýt đan nhau trên cát
 Như tình yêu đi mãi không bờ./.

MAI HOÀNG HANH

Nhện chơi diều

Con nhện thích chơi thả diều
 Sớm hôm cần mẫn nối nhiều đoạn dây
 Diều của nhện, chiếc lá cây
 Gió lên cao tít... diều bay... xuống thêm./.



HUY PHÁCH

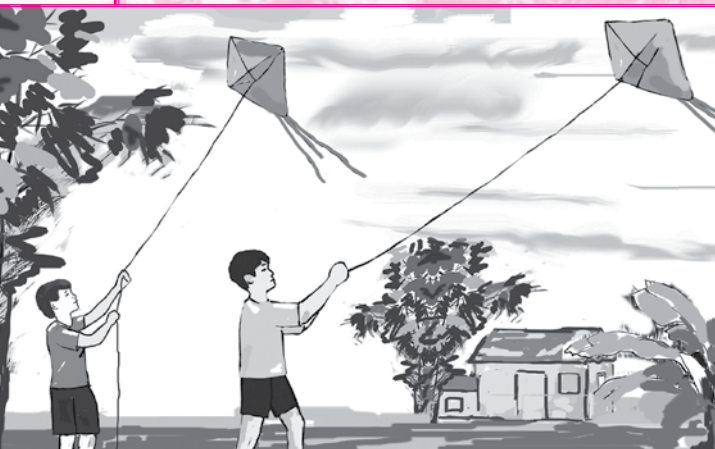
Phố Mới

Hàng cây chưa tròn bóng lá
 Nhà còn mùi vữa, mùi vôi
 Ánh đèn ngõ trắng mùa hạ
 Nhuộm vàng mơ khúc ru nôi...

Cả một trời sang đang phơi
 Thiếp dưới tán cây lặng lẽ
 Tiếng hót con chim chìa vôi
 Lú rú từ đôi bạn trẻ.

Dùng dằng trắng tà bóng xế
 Thời gian thấm thoát thoi đưa
 Phố Mới mãi là phố trẻ
 Giật mình ta giờ đã xưa.

Bây giờ thuận nắng, thuận mưa
 Phố mới - bài ca khát vọng
 Hát với sông Đuống, sông Cầu
 Theo phía Lục Đầu dài rộng./.



TRẦN CÔNG SẢN

Lên chùa

“Lên chùa thấy tiểu mười ba
Thấy sư mười bốn, vĩ già mười lăm”
Lên chùa đâu chỉ hôm rằm
Tôi hay mơ mộng nên chăm đi chùa.

Gánh buồn đem bán ai mua
Nén nhang thấp để gió lùa xiêu xiêu
Mỡ vang gõ lệch trời chiều
Chuông ngân khua động cánh diều vượn mây.

Trăm gian cổ tự còn đây
Kiếp trầm luân đã chất đầy trăm gian
Người mong tới cõi Niết Bàn
Bụi trần rũ sạch tâm vàng sáng trong

Cửa thiền sắc sắc, không không
Vẫn tươi màu áo nâu sòng ni cô
Mắt ai sáng sánh mặt hồ
Giật mình quên tiếng Nam Mô Di Đà./

ĐỖ DUY KHÁNH

Đàn bầu

Âm thanh trong vắt lại ngân xa
Xao xuyên, bản thân tâm trí ta
Cuồn cuộn sóng trào khi tức giận
Êm đềm gió thoảng lúc ôn hòa./

XUÂN HÙNG

Mừng thị xã mới

Đêm liên hoan ra mắt thị xã Thuận Thành,
thực mà như mơ
Đèn cao áp sáng bùng trên đường phố
Cờ đỏ sao vàng đèn hoa rực rỡ
Ánh mắt nụ cười già trẻ hân hoan.

Tôi ghi nhớ suốt đời tờ lịch tháng năm
Có hương sen thơm
Và đường hoa phượng đỏ.

Cả thị xã Thuận Thành hướng về sinh nhật Bác
Ngày 19/5 - Ngày của toàn dân.

Với một niềm vui!
Với một niềm tin!
Với một niềm mong ước!
“Ý Đảng lòng dân” - Hợp ý Người
Cho Bắc Ninh quê mình mãi mãi xanh tươi...



Hello
June
Tháng Sáu

TRỜI

MƯA

QUANG THUẬN

Mưa giông âm ào suốt tới ba mươi tháng Tư âm thứ nhất. Ngày mùng một tháng Tư âm thứ hai (tháng nhuận) trời vẫn mưa gần hết buổi sáng. Hai tháng Tư âm dầm nước, chùng lên, vít cong võng đường thời gian của tháng Năm dương, khiến nó như dài ra. Và tháng Sáu của năm cũng như chậm đến... Ý nghĩ lảm cẩm ấy chợt đến khi tôi lang thang trên mạng, gặp phải khúc nhạc **“Tháng Sáu trời mưa”**. Và cái đường thời gian tháng Năm võng cong ấy theo câu hát trời mưa lôi tuột tôi về miền nhớ xa lắc nơi làng Bên - chôn quê tôi sinh ra, lớn lên.

“Tháng Sáu trời mưa, trời mưa không dớt/ Trời không mưa, anh cố lạy trời mưa...”. Khúc nhạc này được sáng tác bởi nhạc sĩ Hoàng Thanh Tâm, phổ gần như nguyên bản lời thơ của nhà thơ Nguyễn Sa. Đó là hai tác giả nhạc và thơ nổi danh của vùng đất phương Nam - thửa đất nước chia đôi bởi hai chế độ. Đó là bài thơ tình đặc sệt kiểu bày tỏ, tán tỉnh “chàng - nàng” sang cách, điệu vợi những năm 60 - 70 của thế

kỷ trước. Đó là thứ “sản phẩm văn hóa tiêu tư sản, rẻ tiền” - cách người ta vẫn dùng để nói về nó - mà thua nhỏ tôi vẫn được thầy cô giáo, cán bộ ở quê nhồi vào đầu như vậy. Nhưng chả hiểu sao khúc nhạc về cơn mưa tháng Sáu - cái thứ “sản phẩm văn hóa tiêu tư sản, rẻ tiền” ấy - lại ám ảnh tôi ngay từ khi được nghe lần đầu - cho đến nay tính ra đã hơn 40 năm rồi. Nó giống như cái mùi son phấn đào kép văn công xộc vào khứu giác khi tôi bị chen đến ngã vập đầu, chảy máu, ngất xỉu, được ai đó vác để lên cánh gà sân khấu đêm xem văn công ở làng gần 50 mươi năm về trước. Tôi nhớ khi ấy cô đào văn công sắm vai Hà Mi trong vở kịch **“Hà Mi của tôi”** (Đoàn Kịch nói Hà Nội) đã ghé sát bên cậu bé là tôi, lấy chiếc khăn mù - soa loang phấn son bịt vết máu trên trán. Khi tôi lơ mơ nhìn cảnh vật đầu tiên, thì đó là đôi bầu ngực căng đầy dưới làn voan áo trắng của cô đào sắm vai Hà Mi và mùi son phấn hoang mang dội vào như lạc giới. Tiếng cô đào tỏ rõ vui mừng: Tỉnh rồi. May quá. Nào, mọi người đưa giúp

cậu bé ra bên cánh để còn diễm nhé. Tôi cứ muốn nằm mãi đó, hít hà mãi mùi hương lạ lùng - cái mùi mà cả cái làng Bến bùn đất đồng chiêm, thòng đong cân cần, liếp đậu, cải ngồng... ngày ấy của tôi - chẳng ai có. Và cứ muốn nằm đó để tưởng tượng về đôi bầu ngực căng đầy, sáng như trăng đêm ngày hạ rung rinh in trên mặt sóng sông sau nhà. Suốt buổi diễm ấy, cậu bé là tôi ngồi bên cánh sân khấu, tha hồ ngắm thật gần các diễn viên vào ra theo lớp cảnh, và xem họ diễm qua góc nhìn nghiêng. Nhưng hầu như tôi chỉ chăm chăm vào mỗi nhân vật chính - cái cô Hà Mi đây cá tính, không bàng bạc như bao người đồng màu áo xanh trong cái thời thợ xường ở Hà Nội những năm giặc Mỹ bắn phá miền Bắc. Cô Hà Mi trong vở kịch không hề dịu dàng như mẹ, như chị của tôi, nhưng thật hấp dẫn trong mắt tôi với trang phục, tính cách khác với mọi người. Ai cũng lên án cái vẻ ngoài phá cách ấy, bởi thời đó mọi người chỉ dám tự tin khi hòa là một thể đồng phục bày đoàn; nói và hành động theo lối rập khuôn, hô hào, khẩu hiệu. Câu chuyện sân khấu chỉ được cởi toang trong lần máy bay Mỹ bắn phá xuống nhà máy. Bao kẻ hàng ngày vẫn cao ngạo giáo điều về đạo đức, tinh thần xông pha chiến đấu... mới chỉ nghe tiếng còi báo động đã nháo nhào chạy xuống hầm trú ẩn. Nhưng giữa lúc máy bay địch gầm rú, cất bom rầm rầm thì cô Hà Mi của tôi chộp cây súng trường của người tự vệ vừa dính thương, xông lên tầng thượng nhà máy, ngắm bắn máy bay Mỹ bỏ nhào. Mảnh bom nào đó đã găm trên ngực cô, khiến tấm áo trắng, vớ voan trắng phủ trên đôi bầu ngực thiếu nữ căng đầy loang màu

đỏ thắm cuộn lòng cậu bé là tôi. Hà Mi chết, để lại trong tôi một ý nghĩa mơ hồ về cuộc sống, về giá trị đích thực để làm nên phẩm cách, giá trị con người...

Chả biết có phải đầu óc trẻ thơ trắng thom như giấy trắng, dễ in vẽ hình hài mọi thứ và đọng mãi; và những ám ảnh đầu đời đôi khi quy chiếu cả nội tâm, diễm tiến cảm xúc, suy nghĩ trong suốt đường đời của mỗi con người?. Chỉ biết tôi mãi chẳng thể thoát khỏi cái hình ảnh, mùi hương xa lác ấy. Dù sau này lớn lên, đi học và làm việc nơi thị thành, không gian phố phường, công sở, chợ búa, tàu xe.. luôn đầy ắp cái loại mùi, các hình ảnh nhục thể đàn bà còn phô bày hơn thế; nhưng nó chẳng đem lại mấy chút lưu ảnh, dư hương nào trong tôi.

Tôi đã lan man không đầu không cuối dòng hồi tưởng ấy trong buổi sáng mưa tháng Tư âm nhuận, khi tháng Năm dương vẫn dùng dằng chưa qua, và tháng Sáu trời mưa như câu hát ca sĩ Thụy Vũ rải qua loa laptop chưa tới. Mưa dất đôi con chim sẻ bay vào khoảng ban công nhà tôi tránh nước. Khoảng ban công ấy tôi để thoáng rộng, làm giàn treo mấy chục giò lan các loại. Độ này đang mùa hoa. Mấy cây Trầm tím, Phi điệp vùng miền, Cáo Chòn, Hồ điệp, Vũ nữ... cùng đua nhau khoe sắc khoe hương. Đôi chim như đắc ý khi gặp chốn thanh yên, lịch tích đùa chơi bên hoa lá, cà mổ vào nhau đầy âu yếm. Chúng như đôi tình nhân dặt nhau đi chơi gặp ngày mưa, vội tìm trú bên hiên nhà ai đó. Những hạt nước bay ngang bay ngược bởi gió đẩy hất vào là cái có kiềm chân người, xui họ xích gần nhau, tạo cơ hội để ai đó được gờ tay xoa vuốt đi hạt nước

động trên má ai; và cũng khiến những ánh mắt, âu yếm tình tứ của đôi tình nhân thêm dạn bạo hơn bởi được màn nước mơ huyền bao bọc. Màn nước mưa theo gió mang hơi mát trải khắp căn phòng khách nhà tôi, đem theo cả hương hoa ngọt dịu và khúc khích tiếng chim, khiến tôi ngồi bên máy tính lắng tiếng câu hát mưa tháng Sáu mà rồi mặc lòng trôi từ khi nào về với bao điều đã xa...

Làng Bền của tôi thừa những năm 60, 70 của thế kỷ trước chỉ loen hoen vài mươi nóc hộ gia đình, nằm bên con đường đất đỏ quạch và một dòng sông (nhiều người gọi là suối vì họ cho rằng sông nó phải mọc ở ngoài đồng bằng, rộng mênh mông và nối ra biển). Dòng sông quê tôi bắt rễ từ khe lạch trong rừng chảy ra. Ngoại trừ những khi mưa nguồn, nước đổ về sùng sục đỏ đen bùn đất; còn hầu như con sông bao giờ cũng trong xanh như mắt mèo mà nhiều người gọi đó là cái màu đói kém như đời sống con người làng Bền. Giờ nghĩ lại, tôi chẳng hiểu sao mà ngày ấy cuộc sống con người lại khó khăn đến thế. Rõ ràng quê tôi có ruộng, đồi, rừng, suối; đường xá cũng chẳng đến nỗi cách trở chón kẻ chợ (thị trấn huyện lỵ) là bao. Con người cũng chịu khó làm lụng mà cái đói nghèo cứ đeo bám chẳng chịu buông tha. Bản thân tôi, từ khi 8,9 tuổi đã theo các đàn anh trong làng leo đồi rừng kiếm củi, xuống suối riu tôm đánh dậm, ra đồng be bờ tát cá, xuống ruộng cuốc đất trồng đỗ, vun khoai. Tóc tôi đỏ màu nắng từ tháng Tư tháng Năm đến tận tiết cuối đông mới mơ hồ đen lại. Tôi nhớ tới ngôi trường vỡ lòng mình học. Đó là 3 gian cấp 4, tường trình đất, không cánh

cửa, mái rạ thâm đen bởi mưa nắng thời gian. Cửa sổ là những lỗ hồng hai bên tường - nơi mà bọn trẻ vỡ lòng vẫn trèo qua lại, lâu ngày khiến nó ngày càng rộng, mòn nhẵn và đen bóng. Cô giáo tên Châm, người lớn gọi là “Châm tèo”. Lũ trẻ như tôi chẳng biết xuất xứ tên ấy, nhưng cũng cứ gọi theo là cô Châm tèo. Đó là người đàn bà goá, tuổi cao, mặt rỗ đanh, và tính khí rất hắc. Chiếc thước kẻ dài mét hai bằng lim của cô là quyền lực bất khả kháng với lũ trẻ. Việc dùng thước vụt tím tay chân, hay lần mông đám trẻ vỡ lòng ngày ấy không bị ai phản đối, thậm chí còn được các bậc phụ huynh tán đồng, coi là giải pháp duy nhất để đưa những đứa trẻ quê vào khuôn khổ. Đến giờ tôi cũng không biết gì nhiều về cô Châm, chỉ loáng toáng nghe người lớn chuyện với nhau rằng, cô từng có gia đình nhưng không có con. Chồng cô là gã lực điền vũ phu, thường rượu chè và đánh chửi cô. Rồi một lần gã rượu say, ngủ bên bờ suối làng Bền, lăn xuống chết đuối. Cô ở vậy một mình. Nhà cô ở làng bên. Đều đặn mỗi ngày, cứ bảy giờ sáng, cô có mặt tại lớp với gương mặt xám xanh như triền miên thiếu đói, cho dù lũ học trò thò lò mũi, quần thùng đít như chúng tôi có đến đúng giờ hay không. Và bài giảng của cô cũng chẳng cần theo một giáo trình nào. Cứ quyền sách vỡ lòng đầy tranh vẽ, học từ chữ này đến chữ khác, hết quyển cũng là hết chữ. Cô chẳng quý mền gì đám trẻ, và chúng cũng vậy. Vậy nên, hầu như tôi chẳng có kỷ niệm gì về lớp học đầu đời ấy, ngoài việc những buổi học về thường tha thân bên bờ nương sau trường. Ở đó, có những bụi tre dày đặc, cơ man

những con bọ mặng to kền. Loài bọ cánh cứng này to xấp xỉ bọ hung, nhưng không dũi chuồng phân bản thiu như bọ hung mà chỉ bám trên thân tre. Bọ mặng màu nâu bóng, cánh to, chân tay kền càng, đầu mọc sừng như tê giác. Bắt chúng, buộc chỉ vào chân cuống, quay một hai vòng, nó bay vù vù như tàu bay, hơn hẳn mấy con cánh cam. Đám trẻ bọn tôi gọi đó là máy bay phản lực. Những búi tre cũng thường chi chít những vôi mặng mập mập. Tôi và đám bạn thường bẻ cả đám, rồi cầm phần cuống, quay đều đều cho nơi tiếp giáp giữa hai đốt mềm dần, thắt lại; vừa quay vừa đọc bài đồng dao: Quậy quậy - bố mày chết đồng sậy - mẹ mày chết đồng rom - ai thổi com cho mày - quậy quậy... Tôi chẳng hiểu lắm ý tứ bài đồng dao và cái trò ngoáy mặng tre cũng chẳng để làm gì. Đó chỉ là thứ trò chơi đồng quê của một thời con trẻ chẳng đủ ăn, cũng chẳng bao giờ nghĩ thế giới này lại có đồ chơi nào khác những con bọ mặng, những ngọn cỏ cho trò chơi gà, những chiếc lá cho trò chơi trâu lá đa, những thỏi đất sét trắng cao-lanh ở quê mà bọn tôi thường lấy nặn hình nhân, con giống... Trong quãng đời thơ ấu ấy, thi thoảng tôi vẫn mơ một giấc mơ gặp cô Hà Mi. Cô mang đôi cánh trắng muốt sà từ trên trời xuống bên sông làng tôi, rũ mình cho đôi cánh rơi ra, rồi trút bỏ xiêm áo vắt lên ngọn ôi đổ lan trên bến, lao xuống dòng nước xanh như mắt mèo, khóa nước đùa nghịch tùm tùm như con rái cá. Rồi có lúc nằm ngửa trời nửa người trên mặt nước, hay tay khóa nước nhẹ nhẹ, đôi mắt lim dim. Nhưng không hiểu sao, ngoài khuôn mặt đẹp như trăng rằm và nửa bầu ngực

trên căng vòng sáng bóng, còn thì tất cả hình ảnh tôi nhìn thấy trong mơ về cô Hà Mi cứ nhờ nhờ như bao bọc trong đường viền màu trắng sữa. Hoặc có khi rõ nửa dưới cơ thể thì lại giống như con rắn trắng không vảy cứ uốn éo trong làn nước xanh. Tôi thường tỉnh dậy sau cơn mơ với cơ thể rã rời như vừa chơi trò chơi đập ngựa trên đồi cùng đám bạn, đầu óc thì đau nhức như bị ai dùng búa đánh vào. Có lần tôi nghe lão Bồi thọt làm nghề đánh cá từ thuở nhỏ bảo, hồi thanh niên lão từng có lần gặp tiên xuống tắm trên sông này trong một đêm trăng mùa hè. Lão lặn xuống nước đến gần mở mắt nhìn nhưng chẳng thấy gì, vì nước quanh chỗ đó đen như mực tàu. Hết hơi, lão ngoi lên mặt nước thì chỉ kịp thấy một vệt sáng bay vút lên trời. Còn cụ từ Hạnh trông coi Đền bà Chúa của làng thì kể với đám trẻ chúng tôi, xưa có nàng tiên xuống tắm ở sông làng tôi, chẳng hiểu sao mắc lưới đánh cá không thoát được, vẫy vùng đến kiệt sức mà chết. Khi người đánh lưới phát hiện ra, kéo lên thì chỉ thấy đám rong rêu bao bọc một hòn đá đen bóng. Ông ta đem hòn đá để trên sườn núi bên sông, nhặt đá gan gà xếp vòng quanh như ngôi mộ. Sau này, người làng biết chuyện liền xúm nhau dựng nên ngôi đền chỗ đó, gọi là Đền bà Chúa. Vẫn chuyện cô tiên - bà chúa thờ ở đền làng tôi, cụ bà Phán - vốn là con thầy đồ nho - kể rành rẽ: "Xưa làng tôi là nơi rừng thiêng nước độc, thú dữ hoành hành, dân tình khốn khổ. Có nàng tiên giáng hạ xuống đây thấy vậy đã giúp dân đánh đuổi thú dữ, dạy dân khai khẩn đất đai cấy lúa, trồng màu, xuống sông bắt cá, đặt bẫy, dùng nỏ săn thú. Một thời gian sau, bà bay

về trời, để lại cho dân làng một hòn đá thiêng, dặn hễ có việc gì cứ xoa ba cái lên hòn đá và cầu, bà sẽ xuống giúp. Chẳng biết có phải hòn đá ấy, hay hòn đá mà người kéo lưới vớt lên để trong cấm cung đền làng bây giờ. Nhưng tôi biết, có lần giới làm hạn hán, sông làng cạn nhãn, tôm cá cua ốc chết hết, bốc mùi thối khắm đặc quánh. Người làng khiếp hãi bèn bàn nhau sửa lễ lên đền cầu xin bà Chúa, chẳng lâu sau mưa trút âm âm. Nước từ rừng đổ ra sùng sục cuốn sạch những tạp vật trên dòng đi của nó. Có khúc gỗ lao trúng chiếc thuyền của lão Bồi thọt khi đó vẫn neo trên sông, chìm cả thuyền và người trong dòng sóng xoáy. Người ta bảo do lão sống không tử tế nên bị quả báo". Chẳng biết chuyện cô tiên, bà chúa, chuyện quả báo lão Bồi thọt.. có đúng không, nhưng tôi tin làng Bến quê tôi đúng là địa linh, non kỳ thủy tú, chốn bồng lai tiên du ngoạn cảnh. Và tôi cứ mông lung, lẫn lộn mọi hình ảnh nhìn thấy và những câu chuyện được nghe về cô tiên - bà chúa - cô Hà Mi trong thế giới mờ mịt tuổi thơ của mình vật vã theo dòng thời gian, theo những bài học vỡ lòng ê a, những năm tháng cấp 2, rồi cấp 3 đận quê hương, đất nước khó nhọc; lớn dần trong nhịp đi của tiết mùa mưa nắng nóng lạnh. Cùng bao đứa trẻ thôn quê, chúng tôi đã đi qua tuổi thơ, đi qua tuổi học trò mà không hẳn đã cảm nhận nó đẹp đẽ ra sao. Mãi sau này, đi xa khỏi làng, tôi mới thỉnh thoảng gặp lại mấy mẩu vụn ký ức ngày ấy qua giấc mơ thấp thoáng, mờ mịt, chẳng ăn nhập gì với nhau. Lúc thì mơ bắt những con bọ mặng, lúc thì lội bờ mương nước chảy trong veo với lũ cá mương đuổi nhau rồi

rít; hay cùng các bạn trong lớp cấp 3 đào ao, đóng gạch, lấy bạnh gỗ trên rừng... Có lúc thì nhớ về giấc mơ cô Hà Mi nửa người nửa rắn trắng. Và tôi vẫn đau đầu hình ảnh, mùi hương giờ như ảo giác về buổi xem văn công định mệnh ấy; thêm khát được một lần úp mặt vào bầu ngực căng vồng của cô mà sám hối. Tôi muốn tìm cho bằng được con người ấy để trả lại chiếc khăn tay tôi vẫn giữ với ý nghĩ mơ hồ rằng điều đó sẽ giải thoát tôi khỏi cái mặc cảm tội lỗi trói buộc mình với bầu ngực ấy. Có lần – khi đang là sinh viên ở một trường Đại học nơi thủ đô - tôi đã lần tới khu rạp Công nhân ở Tràng Tiền, nơi Đoàn kịch nói Hà Nội đóng doanh sở.. với hy vọng mong manh tìm lại được cái cô Hà Mi trong ký ức tuổi thơ. Lân la quán nước trà vỉa hè trước rạp, dò hỏi, được bà chủ quán khẳng định chẳng có cô nghệ sĩ nào ở đây giống như hình ảnh tôi tả. - Tôi ngồi đây bán hàng từ nhỏ cùng mẹ. Giờ tiếp quản sự nghiệp “bán trà nước gia truyền vĩ đại” này, chả có mặt đạo diễn, diễn viên nào mà tôi không biết. Nhưng cái cô diễn viên xinh như Hằng Nga, ngực đẹp như trăng rằm của cậu thì chả có đâu. Nếu nói giai đoạn mà cậu xem vở “Hà Mi của tôi” ấy, tôi có biết một cô đóng vai Hà Mi. Nhưng cô ấy đâu có đẹp. Người thì thấp, đậm. Ờ mà được cái ngực thì to như mũ cối Tàu... hic hic... bà chủ quán cười nhe cả lợi. - Nhưng cô ấy bỏ nghề lâu rồi. Nghe đâu theo chàng nào đó sang Tây... Tôi chẳng buồn khi nghe điều đó. Nhưng cảm giác như bị mất cắp một thứ vô hình mà tôi cũng không chắc có phải của mình. Bàn tay chọt thò vào túi quần, vò vò chiếc khăn tay ngày nọ

tôi vẫn nâng niu như báu vật... Lại nhớ một lần vào đầu tháng sáu, khi vẫn sinh viên ở Hà Nội, trên đường Lý Nam Đế, bất chợt tôi gặp mùi hương quen như trên chiếc khăn mù - soa tỏa ra từ người đàn bà phóng chiếc Chally trên đường. Tôi gõ người đạp xe đuổi theo. Vòng vèo qua mấy tuyến đường phố đến tận Hồ Tây thì thấy xe của người ấy rẽ vào chùa Trấn Quốc. Tần ngần một lúc, tôi cũng đạp xe theo vào. Nhưng tìm đâu cũng chẳng thấy bóng người. Cả chiếc xe Chally cũng mất tăm. Trời khi đó bỗng nổi giông, mây đen phủ kín cả vùng Hồ Tây và khu chùa, cảnh vật bỗng trở nên mờ mịt, chỉ nghe tiếng sóng nước xô rào rào vào bờ kè đá, và tiếng những chiếc chuông nhỏ bằng đồng treo trên các đầu đao góc ngọn tháp khua rung lanh canh hoảng loạn. Tôi vội vàng nhảy lên xe, xiêu vẹo đạp trong gió thốc quay về. Đến cổng chùa Trấn Vũ thì mưa sập xuống. Tôi đành dắt xe vào trú trong chùa. Tôi ngồi vạ vật góc gian nhà Tạo Soạn, nhúc mắt nhìn những hạt nước mưa xối xả trên mái hiên, dòng dòng từ mũi ngói chảy xuống tạo thành bức màn nước lấp loáng. Cảnh vật phía ngoài bỗng trở nên kỳ dị, đầy dáng vẻ hình hài biến ảo, lắc lư theo chiều những dòng nước xối bị gió vắn liên miên và những ánh chớp thỉnh thoảng lóe lên dẫn theo tiếng sấm. Lúc thì như thần tượng Trấn Vũ với giáp trụ chói lòa; lúc như đóa hoa sen Hồ Tây vẫy cánh; khi lại tựa hồn ma mang cánh áo đen tướt tơ bay lượn... Mùi hương, mùi nến bị áp nước đè xuống không thoát lên được không trung cứ như sánh trên mặt đất, trộn với hơi nóng

từ sân tường bốc lên nồng nực và nhễ nhại. Tôi thấy người gai gai rờn rợn, tự trách mình vô duyên, bỗng đâu đuổi theo cái bóng xa lạ và mùi hương ký ức chẳng để làm gì, đến nỗi vương phải cơn mưa kiềm tỏa mãi không ngoi. Sấm tối, mưa dứt. Phố lên đèn. Những ánh đèn đường vàng ệch dát lên mặt đường đọng nước thành những mảng màu đa cấp độ, liên tục bị xé nát bởi những vệt xe lướt qua. Vừa ra khỏi cổng chùa, tôi lại chợt sững người: Cái mùi hương tôi vẫn cảm nhận từ chiếc khăn mù - soa ngày nào như ngập khắp không gian. Nó dường như dội lên từ mặt nước Hồ Tây. Nhìn ra phía ấy, chỉ thấy một màu tím bọt bọt bị đâm chọc lỗ chỗ bởi những vệt sáng như mũi kiếm xuyên xuống của ánh điện. Liệu có phải cô Hà Mi ở ngoài đó, rải mùi hương ma mị dụ dỗ tôi?. Lòng trĩu buồn, trống rỗng như tòa miếu hoang, tôi lên xe đạp về ký túc xá trường Đại học, bỏ lại một khoảng không gian dư hương, ảo ảnh phía sau...

Mấy mươi năm... có bao nhiêu cơn mưa tháng Sáu đã đi, về trong đời. Những cơn mưa hữu hình hay hoài tưởng, có lúc đánh thức trong tôi bao xốn xang hoài niệm, có khi đi qua nhẹ tênh chẳng gọi điều gì ngoài dấu nước trong không gian, đọng trên cảnh vật vô thường. Nhưng tôi vẫn chưa nguôi hy vọng một ngày nào đó, sẽ gặp lại cô Hà Mi thừa nợ. Để trả lại chiếc khăn, giải thoát mình khỏi ám ảnh quá khứ; hay cũng có thể để nói lời cảm ơn, bởi chỉ ít cô cũng cho tôi một hình dung, một kiểu hưởng sống, biết đâu là điều làm nên đích thực phẩm cách, giá trị con người...

NGUYỄN CÁT CHUYỂN

Một lần em đến Cát Bà

Một lần
Em đến Cát Bà
Miền man đảo Ngọc cỏ hoa sinh tình
Kỳ quan sơn thủy lung linh
Qua phà Gót thấy lòng mình ngẩn ngơ.

Gửi về huyện đảo bài thơ
Tình người thân thiện từng giờ trong tim
Xứ Đông cảnh đẹp thần tiên
Hạ Long mãi xứng một miền đảo nguyên.

Vạn đò
quên tuổi quên tên
Con đường xuyên biển hiện nên rõ ràng
Bình minh đón gió nồm nam
Vịnh Lan Hạ biếc mơ màng nước mây.

Bên đường
ngọn gió rung cây
Còn vương mấy giọt tình gầy thổi qua
Cầu Đình Vũ nổi biển xa
Mơ mùa du lịch Cát Bà mãi xanh./.

ĐOÀN MẠNH TIẾN

Gửi từ Trường Sa

Trước mặt anh: Trường Sa
Màu mây trắng, gió trời lồng lộng
Tổ quốc đây rồi! Nhấp nhô từng ngọn sóng
Cột mốc chủ quyền kia
và đảo nổi, đảo chìm...

Anh gửi về em tiếng hát xóa con tim
Bao tâm huyết gói trong bài thơ nhỏ
Em yêu ơi! Ngoài kia con sóng vỗ
Từng phút, từng giây, anh nhớ lắm quê nhà...

Đàn hải âu tung cánh bay xa
Chùm đảo san hô ngời lên trong nắng
Chân anh bước lên ghềnh đá trắng
Súng trong tay ánh thép ngời ngời.

Những tháng năm này sóng dữ lắm em ơi
Đồng đội anh vẫn ngày đêm thao thức
Sẵn sàng lấy thân mình làm cột mốc
Chặn quân thù, quyết giữ đảo quê hương./.



BIẢ ĐÁ Ở CẦU NGO GIỮA PHƯỜNG AN BÌNH, THỊ XÃ THUẬN THÀNH

PHẠM THUẬN THÀNH

Người Việt ta có câu “Đất có Thổ Công, sông có Hà Bá”, nghĩa là ở phạm vi nào cũng có một vị thần cai quản. Thổ Công còn có các tên gọi khác: Thổ Kì, Thổ Địa, Thần Đất, Ông Địa... Tín ngưỡng thờ kính Thổ Công rất quan trọng với người Việt. Động phải làm gì có đào đất đều phải có lễ cúng Thổ Công. Đặc biệt với những việc trọng đại như làm nhà, làm cầu, làm cảng... thì người ta phải xem xét chọn ngày rất cẩn thận. Theo sách “Ngọc hạp thông thư” thì có những ngày đặc biệt kiêng kị động thổ như ngày Thổ Công tử, ngày Hoàng Đế tử và các ngày kiêng động thổ theo tháng, theo mùa...

Tại thôn Ngo Giữa, xã Bình Ngô, tổng Bình Ngô, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh (nay là Khu phố Giữa, phường An Bình, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh) thời xa xưa người dân đã có tín ngưỡng thờ cúng Thổ Kì đặc biệt chu đáo, kính cẩn, mong vị thần cai quản phần đất của địa phương phù hộ ăn nên làm ra, người sinh vật thịnh, bình an hạnh phúc. Ngôi Cầu thờ thần Thổ Kì đã được xây dựng từ lâu, và vào năm Kỉ Mão (1939) đã bị xuống cấp nghiêm trọng cần tôn tạo nhưng

bản thôn không đủ kinh phí do người dân còn thiếu đói. Bản thôn đã huy động công đức và tôn thờ là Hậu thân, sau này sẽ được dân phối thờ cùng thần Thổ Kì. Lại dựng bia “Hậu Thổ Kì bi kí” để ghi lại sự việc truyền đời mãi về sau thực hiện. Đây cũng là đạo đức “Uống nước nhớ nguồn”, “Ăn quả nhớ người trồng cây” tốt đẹp của người dân Ngo Giữa dành cho hậu thế. Văn bia có đoạn viết: “Các cụ già 60 tuổi cùng quan viên, trưởng thôn đại diện nhân dân trên dưới họp bàn việc dựng bia ghi tên những người được cúng theo Thổ Kì.

Thường nghe đạo chuông văng lai, nghĩa thông thi báo, xưa nay trên đời là việc đương nhiên vậy.

Bản thôn có các vị đây trên đời hòa mình trong thôn xóm, lòng lấy cả một thời, cùng thôn ta che chở đùm bọc lẫn nhau, ghi nhớ đã lâu vậy.

Vào năm Kỉ Mão, bản thôn gặp việc khó khăn, phí tổn rất nhiều mà dân nghèo của thiếu, thế chẳng thể đủ chi dùng. Đúng lúc ấy thôn được các vị đây cùng họ hàng đã hăng tâm tụi suất của cải mỗi người 40 quan tiền giải quyết công việc. Đó là các

vị: Nguyễn Đăng Dung, Vương Quang Thái, Nguyễn Duy Viên, Nguyễn Hữu Thủ, Nguyễn Danh Lộng, Nguyễn Viết Ngọc, Nguyễn Danh Vọng, Nguyễn Bá Thời, Nguyễn Trọng Du, Nguyễn Đức Hợp, Nguyễn Danh Nho, Lê Danh Hạnh.

Dân cũng ghi nhớ các vị đã có lòng với dân là:

*"Tiền hiền khảo Lê triều Càn Thọ
điện thí tướng sĩ lang tri sự chức Nguyễn
quý công tự phúc Quảng, thụy Hòa Phong
phủ quân*

*Tiền hiền khảo Lê hiệu sinh Nguyễn
Quý công tự phúc Nhạ phủ quân*

*Tiền hương lão xã nhiều tự phúc Minh
phủ quân*

*Tiền hương lão xã nhiều tự pháp Năng
phủ quân*

*Tiền hương lão hiền khảo Lê triều tri
bạ Nguyễn quý công tự phúc Thọ phủ quân*

*Tiền hương lão Lê triều khán thủ tự
pháp Trần phủ quân*

*Tiền hiền khảo hương lão xã nhiều Lê
quý công tự pháp Cường phủ quân*

Tiền hương lão tự phúc Trung phủ quân

*Tiền hiền khảo hương trung xã nhiều
Nguyễn lệnh công tự trực Tỉnh phủ quân*

*Tiền hiền khảo hương lão xã nhiều
Nguyễn quý công tự phúc Thật phủ quân*

*Tiền hiền khảo xã nhiều Nguyễn lệnh
công tự trực Chính phủ quân*

*Tiền ngoại hiền khảo tự trực Dao
phủ quân"*

Các vị trên đây là hậu thổ kì của làng, dân thôn uống máu ăn thề muôn đời ghi nhớ.

Các nhà lại hứa góp mỗi hậu 2 sào ruộng để quanh năm giỗ chạp làm cỗ thờ cúng.

Có bài cúng khẩn rằng: *Trăm đời khói hương/ Trăm đời thờ cúng/ Cùng thổ kì tự/ Ghi nhớ dài lâu.*

Nhân việc này khắc vào bia đá lưu truyền chẳng quên".

Văn bia còn ghi chép rõ lệ giỗ hậu: Liệt kê giỗ, bản thôn biện mâm xôi gà, rượu, giàu cau, 4 giáp trưởng, hương lão trên 60 tuổi tới nhà thờ họ làm lễ.

Một lệ nữa, vào ngày 13 tháng Chạp là ngày hội tế chung các hậu ở cầu. Bản thôn thịt một con trâu, sắm đủ xôi, giàu cau, rượu, vàng mã làm đồ lễ. Tế xong dành thủ trâu, hai cân thịt, mâm xôi, chai rượu, 30 quả cau để biếu 13 họ có hậu, còn thừa chia đều 4 giáp dùng chung.

Một lệ nữa, ai cấy ruộng hậu phải sắm 3 mâm xôi, 600 tiền nộp giáp trưởng để mua lễ giỗ.

Trước ban thờ các vị hậu thổ kì của bản thôn khẩn rằng: *"An tòng tâm cảm/ Lễ tự tình sinh/ Nhất thành khả cách/ Thiên cổ hữu linh. Cẩn cốc"*.

Người soạn văn bia là Học trò bản thôn Nguyễn Duy Thản.

Ngày nay dân Khu phố đã cải cách lệ cúng giỗ hậu và cúng thần Thổ Kì. Tuy nhiên, Khu phố vẫn cử cụ Lê Danh Sáu đảm nhiệm hương khói tuần tiết. Các gia đình, các tập thể có công việc đều sắm lễ ra Cầu Giữa cúng thần. Đây chính là nét đẹp văn hóa của tục thờ cúng Thổ Kì của nhân dân Khu phố Giữa cần tiếp tục bảo tồn và phát huy trong đời sống hội nhập hiện nay./.

Ý NGHĨA NHỜI CA CÂU QUAN HỌ “TAY NÂNG ĐĨA MUỐI, ĐĨA GỪNG”

NGUYỄN TRỌNG HẢI

Dân tộc nào cũng có truyền thuyết, tục ngữ, ca dao về hình tượng muối, vì đó là thứ không thể thiếu trong đời sống con người, quen thuộc và cần thiết đến mức dân gian nâng lên thành một biểu tượng văn hoá giàu ý nghĩa. Những câu Quan họ giọng Lê lõi bao giờ cũng là một triết lý, đạo lý căn bản để răn dạy con người.

Tay nâng đĩa muối, đĩa gừng

Giọng: Cái hời cái ả

Tay nâng đĩa muối, đĩa gừng
Gừng cay muối mặn xin đừng quên nhau
Mưa to nước chảy luôn cầu
Lấy em hay hát chẳng giàu cũng vui
Hay:

Tay cầm đĩa muối, miếng gừng
Gừng cay, muối mặn xin đừng quên nhau
Ước gì nên vợ nên chồng
Bao giờ tay bé tay bông
Ba đồng một mớ giàu cay
Sao anh chẳng hỏi những ngày còn không
(Một mớ giàu cay – DCQH)

Trong thực tế Liên anh, Liên chị đi

ca, chơi Quan họ có thể bị khản tiếng do ca nhiều, bị khản tiếng do cảm lạnh khi đêm sương xuống hay thời tiết mùa đông giá rét nên khi thấy như vậy bạn chơi có thể lấy ít muối, ít gừng ra để ngâm sẽ bớt khản tiếng, có ít gừng sẽ ấm cúng đỡ cảm lạnh. Hành vi ứng xử người Quan họ âm áp trong giá rét, nhẹ nhàng quan tâm đến nhau mà trở thành nhờ thơ, nhờ ca. Trở lại nhờ thơ Quan họ :

“Năm mới tháng xuân, đương QH không chê làng nước chúng em nghèo mà sang chơi. Chúng em có bữa cơm quê, gọi là mâm đàn bát đàn, đầu mâm đĩa muối cuối mâm đĩa dưa, xin mời đương QH người nâng bát đựng dưa, xơi thật tình cho chúng em mình ạ...”.

Hay: Mâm cao cỗ đầy thịnh soạn, nhưng người quan họ lại vẫn khép nép thưa rằng: “Năm thì năm mới, tháng thì tháng xuân, các liền anh liền chị chẳng quản đường xá xa xôi đến thăm đất nước nhà chúng em, thăm thầy u chúng em. Nay đã thức thời, chúng em có sửa soạn mâm cơm nhạt, đầu mâm đĩa muối cuối mâm

đũa dưa, chúng em cũng mong các liền anh liền chị nâng chén dựng đũa để cho chúng em được thừa tiếp đấy ạ!”

MUỐI: Người xưa quan niệm muối là thứ mặn, chống xú uế, xua đuổi tà ma, và đem lại nhiều may mắn trong gia đình. Mua muối đầu năm cũng có ý nghĩa trong văn hóa ẩm thực, văn hóa tình cảm, nó mang lại sự đậm đà cho các mối quan hệ gia đình, sự hòa thuận giữa vợ chồng, con cái.

GỪNG: Nó được sử dụng để hỗ trợ hoạt động hệ tiêu hóa, giảm buồn nôn, giúp chống lại bệnh cúm và cảm lạnh thông thường. Hương thơm và hương vị độc đáo của gừng đến từ các loại tinh dầu tự nhiên của nó.

Củ gừng là gia vị rất quen thuộc với ẩm thực của người Việt Nam, hơn nữa đây còn là vị thuốc Đông y có nhiều tác dụng tốt cho sức khỏe. Tính ấm nóng đem lại tác dụng chữa cảm lạnh, sốt tuyết vời vời với củ gừng tươi, đặc biệt khi dùng cùng nước ấm sẽ tác dụng làm giãn mao mạch, đẩy nhanh quá trình tiết mồ hôi, hỗ trợ tuần hoàn máu. Vì thế khi thời tiết lạnh, sử dụng gừng tươi sẽ giúp làm ấm cơ thể.

Xét trong lịch sử văn hoá thì muối đã trở thành một biểu trưng mang tính mẫu số chung cho cả nhân loại. Kho tàng ca dao Việt có rất nhiều câu về “muối”, như: *“Tay nâng chén muối đĩa gừng/ Gừng cay muối mặn xin đừng quên nhau/ Muối ba năm muối hãy còn mặn/ Gừng chín tháng gừng hãy còn cay/ Đôi ta nghĩa nặng tình dày/ Có xa nhau đi nữa, cũng phải ba vạn sáu ngàn ngày mới xa”*...

Muối thì mặn. Gừng thì cay, không phải là cay đắng mà là cái cay thơm nồng, đậm đà. Cái cay làm tiêu tan nỗi u buồn nặng trĩu đánh thức cái cảm giác nhạy bén mới mẻ. Thế nên gừng còn là vị thuốc (Đông y gọi là can khương).

Dựa vào đặc tính mặn của muối nên hầu như câu ca dao nào cũng mang tính biểu trưng cho tình cảm gắn bó, yêu thương của con người. Đối lập với “mặn” là “nhạt”. Nên hết yêu nhau, xa nhau, hờ hững với nhau thì người ta gọi đích đáng là “nhạt”, nhạt nhẽo, nhạt nhoà, nhạt pha,... Trong văn chương, không hay cũng bị gọi là “nhạt”, tức thiếu tình, thiếu chất đời, thiếu chất tư duy... Dở quá thì bị gọi là “nhạt toẹt”, “nhạt thếch”...

Người Việt lại có phong tục “đầu năm mua muối, cuối năm mua vôi” chứa đựng một triết lý nhân văn sâu sắc. Cuối năm mua vôi về sơn quét nhà cửa để đón xuân mới. Thời tiết cuối năm thuận tiện cho việc xây nhà dựng cửa nên mua vôi về để làm nhà.

Ngày xưa các cụ hay ăn trầu, trầu phải có vôi mới nồng nàn nên ngày xuân có miếng trầu đậm đà mời nhau thêm phần vui vẻ. Vôi luôn màu trắng (bạc như vôi) nên mua vôi vào những ngày cuối năm còn là khát vọng tổng tiền đi cái xúi quẩy, cái bạc bẽo, cái không may. Còn muối mặn mà là may mắn, là tình cảm chứa chan gắn kết bền lâu nên “đầu năm mua muối” là mong muốn, là khát vọng về sự may mắn, về tình cảm yêu thương. Ấn sau cả câu phương ngôn này là lời nhắn nhủ thâm thúy: nếu



đầu năm biết dè sên (com muối thôi) thì cuối năm có thể xây nhà (vôi là vật liệu chính để xây nhà) được.

Không chỉ “đầu năm mua muối” mà trong hôn nhân, khởi đầu cũng là muối. Sách **“Lĩnh Nam chích quái”** còn ghi lại phong tục hôn nhân thời Hùng Vương: “Khi chưa có trầu cau, việc hôn thú giữa nam và nữ thì trước lấy gói muối (hay nắm đất) làm đầu, sau đó mới giết trâu, giết dê để làm đồ lễ, lấy com nếp để nhập phòng cùng ăn, sau đó mới thành thân”. Thật ý nghĩa, “muối” tượng trưng cho tình cảm

vợ chồng mặn nồng, chung thủy; “đất” tượng trưng cho gia sản nhà cửa đất đai, cho sự gắn bó mãi mãi...

“Đầu năm mua muối...” còn là sự nhắc nhở mọi người làm việc gì cũng phải có kế hoạch từ đầu năm, sắp đặt từ việc nhỏ, cái nhỏ (như muối) đến việc lớn, trọng đại cuối năm như mua vôi quét vôi nhà, để ăn trầu...). Muối từ câu chuyện Quan họ mời xoi com đến việc gắn với miếng gừng hay vôi đều là biểu tượng cho tình người Quan họ, cho hành vi ứng xử của người Quan họ./.

NGUYỄN THỊ BÍCH THỦY

Đôi lần con yếu mềm

Lón từng này còn yếu mềm
 thềm sà vào lòng ôm mẹ khóc
 Trăm lần mong đông dặc nói thành lời
 “Cả đời này con yêu lắm ba mẹ của con ơi!”.

Thương vai ba nghiêng nghiêng
 Tay mẹ rạn trầy
 Thương lý tưởng đong đầy giản dị
 Nào có thiết tha gì...
 Trọn vẹn chỉ dành con.

Dẫu trưởng thành con cũng
 chỉ như những cành non
 Vẫn rụt rè với muôn vàn biến cố
 Chút gió thổi còn e dè, run sợ
 Nếp về nhà kể mẹ, mách ba
 Đáng gì đâu
 Về nhà mình chẳng sợ ai la
 Giông bão tạt qua ba đứng đây then cài chặn cửa
 Có khó nhọc nào ngồi bên mẹ, mẹ thương!

Ngày mai con đi tiếp những chặng đường
 Ước ba mẹ mãi yên lòng, vui vẻ
 Hành trang con là trang thơ ba vẽ
 Và đôi tay vững nắm thóc mẹ thơm mầm!



CHU MINH CHÍ

Lời chúc mùa thi

Bằng lăng tím một góc trời
 Phượng hồng rực rỡ gọi mời hạ sang
 Sân trường rải nhẹ nắng vàng
 Trống trường báo hiệu đã sang mùa hè.

Ba năm học với bạn bè
 Mái trường yêu dấu chở che trưởng thành
 Ôn mẹ cha đã đồng hành
 Ôn thầy cô dạy trở thành giỏi giang.

Mùa thi ve gọi đã sang
 Chúng mình đối mặt chẳng hoang mang gì
 Bảng vàng thành tích khắc ghi
 Chúc cho các bạn thi gì cũng cao.
 Tương lai rộng mở đón chào
 Chúc cho các bạn bước vào thành công.

Chuyến đò chở nặng qua sông
 Thầy mong tình cảm mãi không xa rời.
 Mai sau dù ở muôn nơi
 Yêu thương kỷ niệm không rời con tim!

XUÂN VỄ

Hạ về

Ve kêu... nắng hạ đã về
 Dưới ao sen súng cận kề thơm hương
 Hoa phượng thắm đỏ sân trường
 Mưa hè nặng hạt, sấm vương khắp trời...
 Bông lúa trĩu hạt người ơi!
 Hoa người hoa đất dưới trời tỏa hương...



TRUNG DU

Hè sang

Bằng lăng nở tím môi cười
 Phượng hồng rộn rã đỏ tươi sân trường
 Cuộc kêu tìm bạn bờ nương
 Ve sầu tấu nhạc dải đường mùa thi.

Trên cành chim chích, chim ri
 Chào mào, giẻ quạt, họa mi rộn ràng
 Tiếng anh tu hú vọng vang
 Đón mùa quả chín hân hoan mời chào.

Chợ quê đang buổi ồn ào
 Bán mua tấp nập xôn xao một vùng
 Trống hội gọi lớp tập trung
 Trẻ vào tiết học cuối cùng trong năm.

Tình quê mỗi đận về thăm
 Là đêm trăng tỏ hôm rằm mênh mông...

ĐOÀN HUY CẢNH

Ngày xưa

Biết ta chẳng thể còn đâu
 Ngày xưa... với những nông sâu nổi niềm
 Cánh cò bay suốt mùa, chiêm
 Bà tôi vẫn bộ áo xiêm... Nâu sòng.

Chiều hè ngợp lặn bên sông
 Bạn xưa... Ai biết còn không? Bây giờ
 Ai mang tôi đến thần thờ
 Đường xưa ai vẫn đứng chờ đợi ai?

Rêu phong những tháng năm dài
 Nhà tranh, mái rạ qua vài lần thay
 Vẫn in rõ dáng hao gầy
 Ông tôi cặm cùi đi cày sớm hôm.

Chỉ xin ngọn gió Nam nồm
 Xếp mênh mang để tôi ôm vào lòng
 Ngày xưa của những nhớ mong
 Của yêu thương, tận đáy lòng... Gió ơi!



Vằn Út

CHƠI Ú TIM

NGUYỄN THANH NGA

Buổi chiều nắng xiên qua tán lá trong khu rừng lấp lánh, mẹ con ngựa vằn rủ nhau chơi ú tim. Vằn Út hào hứng chạy đi trốn khi Vằn Mẹ đếm "năm, mười, mười lăm!".

"Phải chạy thật nhanh và trốn thật kỹ để mẹ và các anh mình khó tìm thấy mới được!" Nghĩ là làm, Vằn Út chạy mãi miết theo con đường có lối mòn nhỏ, hai bên những rặng hoa ngũ sắc miên man nở. Vằn Út đuổi theo chị Bướm Trắng, chị Bướm vờn trên cánh hoa, bay lên, đậu vào chiếc bìa xinh xắn đang mọc lứa thưa của Vằn Út.

- Thế là tôi thành một chiếc kẹp nơ xinh của Vằn rồi nhé! - Bướm Trắng hào hứng nói.

- Chị cứ ở mãi trên mái bìa của tôi nhé! Tiện thể làm chiếc nơ cho tôi luôn. - Vằn Út hào hứng đề nghị.

- Nhưng mà tôi phải mang túi mật hoa cho bác Ong. Tôi bận quá, không làm chiếc nơ xinh cho Vằn Út được rồi!

Dứt lời, Bướm Trắng bay trở lại

khóm hoa ngũ sắc, vẫy cánh chào Vằn Út và lẫn vào màu sắc những bông hoa.

Vằn Út co chân chạy đến bên bờ suối, nước suối chảy róc rách nghe thật vui tai.

Vằn Út soi mình xuống dòng suối rồi thốt hoảng: "Sao ai đánh đàn mà tiếng thánh thót nghe hay thế nhỉ!"

Những viên sỏi cuội nằm yên dưới làn nước trong veo trong vắt, nước suối trườn qua từng viên sỏi như từng nốt nhạc nhảy nhót, cuộn tròn, phát ra âm thanh réo rắt như dòng suối reo vui.

Vằn Út nhảy qua bên kia suối, nắng chiều trong khu rừng thật đẹp! Ngọn gió trong lành, mơn man làn da sọc đen sọc trắng của Vằn mát rượi. Vằn Mẹ kể rằng, tổ tiên của nhà Vằn là một cụ họa sĩ tài giỏi, cụ đã thiết kế cho bộ lông của ngựa vằn thừa xa xưa với vạch đen của núi và vạch trắng của đám mây trên trời. Từ đó, ngựa vằn sống thành đàn với nhau, bao bọc và đầm ấm.

Một ngôi nhà bằng gỗ xinh xắn, anh Sóc Nâu đang cố cậy cửa đẩy vào.



Minh họa: LƯU QUANG LÂM

- Vần ơi! Giúp anh với! Anh lặn lội từ khu rừng bên kia sang nhà thầy lang Cóc lấy thuốc cho mẹ anh. Thế mà thầy Cóc đi vắng, thật xui xẻo quá!

- Thế anh còn đẩy cửa nhà thầy làm gì? Vần Út hỏi.

- May quá có chị chim Câu bay đến chuyển lời cho thầy lang Cóc ở xa, thầy

bảo thuốc thầy đã gói sẵn để trên bàn, đẩy cửa vào mà lấy.

Vần Út co cái chân của mình, gõ nhẹ vào cánh cửa bằng gỗ, cửa mở ra.

- Dễ thế mà anh Sóc không mở được!

- Hi hi, cảm ơn Vần nhé! Anh mà có cái chân khỏe như em thì thích biết bao!

Sóc Nâu cầm gói thuốc, cảm ơn Văn Út và chạy thật nhanh về với mẹ.

Văn Út cảm thấy một chút hãnh diện với hình hài khỏe mạnh mà mẹ đã sinh ra, ban tặng cho Văn đôi chân cứng cáp để chạy khắp nơi trong khu rừng này.

Đang tính đi tiếp theo con đường mòn, Văn út nghe tiếng kêu thất thanh:

- Có ai ở đây không? Cứu chúng tôi với!

Văn Út quay lại nhìn về phía dòng suối, một đàn kiến thợ đang mắc kẹt trên chiếc lá khoai, chuẩn bị trôi xa theo dòng. Không ngần ngại, Văn Út chạy thật nhanh ra giữa dòng, miệng Văn cảm chiếc lá khoai kéo đàn kiến thợ vào bờ. Từng chú kiến nhỏ bé bò ra vẩy vẩy bộ râu cảm ơn Văn rồi rít.

Văn cười toét miệng, trong lòng vui như hoa nở. Hôm nay, Văn làm được bao nhiêu là việc tốt. Nhưng bóng chiều phía đằng Tây sắp tắt, Văn quên mất mình đang chơi trốn tìm với mẹ và các anh. Văn định chạy quay về nhưng con đường mòn lúc này, Văn không thể định hình nổi. Tự nhiên Văn thấy lo sợ nếu mình bị lạc đường.

- Mẹ ơi! Mẹ ở đâu? Các anh ơi!

Văn phát hiện ra rằng ở khu rừng này có rất nhiều con đường mòn giống nhau. Mùa xuân, đường nào cũng nở những khóm hoa ngũ sắc. Văn Út gọi mẹ và các anh rất nhiều lần, bước đi trong vô định và lạc cả giọng vì khóc.

- Này! Sao Văn khóc đấy? Hay tại tôi không chịu làm chiếc nơ trắng trên đầu của Văn?

Văn út nhận ra chị Bướm Trắng ban

chiều. Chị ấy vừa đeo thêm hai túi mật vào đôi cánh.

- Không phải vì chiếc nơ, mà em bị lạc đường chị ạ. Em muốn về nhà với mẹ và các anh.

Chị Bướm không ngần ngại bay lên, đậu vào chiếc bờm của Văn và nhẹ nhàng:

- Nhà của Văn cũng gần nhà bác Ông Mật, lúc này bay qua tôi biết rồi. Văn cứ đi theo sự chỉ dẫn của tôi.

Chị Bướm lúc này, trông chị đúng như một chiếc nơ cài trên mái bờm của Văn thật xinh. Văn phi thật nhanh qua con đường mòn, chị Bướm đậu trên đó, rung rinh đôi cánh nhưng chẳng cần bay.

- Văn Út ơi, con ở đâu?

- Út ơi! Em ở đâu?

Tiếng cả nhà Văn Út gọi tìm vang xa khắp khu rừng.

- Đấy, mọi người tìm em đấy Văn ạ! Chị Bướm giục Văn chạy nhanh thêm.

Cuối cùng, Văn cũng gặp lại mẹ và các anh. Văn Mẹ đến bên Văn Út, cọ chiếc mũi vào cái cổ xinh xắn của Văn. Chị Bướm Trắng mỉm cười bay đi. Cả nhà cúi đầu cảm ơn chị Bướm Trắng. Văn út nhìn mẹ vẫn cố phân bua:

- Trò chơi ú tim hôm nay con thắng nhé! Vì cả nhà không ai tìm thấy con!

Văn Mẹ dí nhẹ cái tai vào má Văn út:

- Vâng! Cô ú tim còn tôi thì thót tim.

Buổi chiều khép mắt buông mảnh bóng tối. Văn Út ôm ái nằm bên mẹ, nghĩ về những điều vừa trải qua.

GIỮA HAI BÀI THƠ và giữa hai thế kỷ

NGUYỄN XUÂN TƯỜNG

I. Chuyện 4 năm trước

Hạ tuần tháng 9/2017 dự Trại viết Núi Cốc do Quân khu I tổ chức, một buổi chiều tà, tình cờ Đại tá - nhà thơ Nguyễn Tự Lập chụp được bức ảnh ba ông cháu làm nền minh họa cho bài thơ nóng “**Nhà văn với các cháu**” có lời bình ở câu kết khá bất ngờ: “*Nhìn ba ông cháu khác gì du xuân*”.

Nói khá bất ngờ là nói theo giác độ người trong cuộc - nhân vật ông dắt chiếc xe thùng sẫm chở theo hai cặp sách, bên cạnh hai cháu gái đang cõng nhau xuống dốc trong ảnh là tôi (Nguyễn Xuân Tường) lúc đó đã rất mệt mỏi. Bởi tôi vừa cuộc bộ hơn một tiếng đồng hồ, sắp về đến cổng Trại viết, chuẩn bị tắm giặt, dùng bữa chiều thì gặp một cháu học sinh nữ lưng cõng em (cũng là học sinh - trong ảnh), tay đẩy chiếc xe đạp lớp bị xẹt hơi. Đường nhựa, đoạn lên dốc qua cổng Đoàn 16 an dưỡng Quân khu 1 khá dài về chiều đang phả hơi nóng, người đi bộ một mình cũng ướt đầm mồ hôi.

Không nghe tiếng người chị gắt mắng em. Cháu gái gò lưng vừa cõng em, vừa cố gắng đẩy xe ngược dốc. Không chút chần chừ tôi bước nhanh đến, nói:

- Để ông giúp cõng em cháu một đoạn.

- Dạ, cháu cảm ơn ông. Nhưng cháu thấy ông cũng không khỏe, cháu nhờ ông dắt chiếc xe này. Giữa chừng thùng xăm, chẳng có quán chừa, cháu phải cố dắt xe về nhà, tối bố cháu vá để mai hai chị em còn đi học.

- Em cháu bị đau chân lâu chưa?... Chị em khắc phục khó khăn, ngày nào cũng đạp xe leo dốc thế là ngoan, tốt. Có lên, ông sẽ cùng các cháu về đến cổng nhà cháu.

- Nhà cháu còn xa lắm, tận cuối chân dốc bên kia, ông ạ!

- Không sao, khắc đi khắc đến - Tôi động viên hai cháu.

Vượt lên đỉnh dốc mòm mũi tranh nhau thở, ba ông cháu nghỉ một lúc rồi bắt đầu xuống dốc. Bước chân người cao

tuổi có bị đòn, chôn, xô, nhưng nhìn cháu gái công em không một lời kêu ca thì tôi thấy yên lòng, chậm rãi dắt xe. Một lúc sau, tôi thấy Nguyễn Tự Lập ở đâu đến không rõ, chạy vượt xuống cuối dốc gió máy ảnh bám liền mấy kiêu. Có thể sau lúc giải lao nhìn ba ông cháu không còn mệt mỗi thở phì phò; có thể vì nhìn thấy đích đến đã ở phía cuối dốc, cách chừng non một cây số nữa. Có thể vì xuống dốc người dắt xe xẹt lộp, người phải công em, cả hai đều không thể đi nhanh sẽ rất nguy hiểm cho nên về bề ngoài ba ông cháu thông thả từng bước đã xui khiến nhà thơ Nguyễn Tự Lập thi vị hóa hiện thực thành một trong các câu thơ hay của bài (có cả câu tác giả đã làm chùng cân não người cầm bút):

“Dốc dài...

Mặc...

Gió thâm thì...

Nhìn ba ông cháu

Khác gì du xuân”.

Ngẫm lại, khi người ta đã vượt qua sự cố giúp đỡ được cho nhau thì trong thời điểm ấy lòng ai cũng tự thấy nhẹ nhõm vui vui, những bước đi vì thế phẳng phát chất du xuân chẳng?

Đời văn như nhà thơ tiền chiến Cù Huy Cận từng nói là phải phản ánh thân phận con người, thân phận dân tộc, cần tròn một chữ "thương" với đồng loại, đồng hương, gặp việc nhỏ nếu có điều kiện giúp được cũng phải giúp, không chờ người khác giúp...

Trong thời gian ở Trại sáng tác Hồ Núi Cốc (21/9/2017), nhà thơ Nguyễn Tự Lập đã sáng tác bài thơ tặng nhà văn

Nguyễn Xuân Tường và các cháu:

Nhà văn với các cháu

Nguyễn Tự Lập

Học về... xe hồng... đường xa

Em đâu chân... biết đến nhà khi nao...?

Mồ hôi đầm, bụng còn cào

Oằn lưng đùn, đẩy... mà nào có nghe!

Như ông tiên của đồng quê

Trên đường “bách bộ”... dép lê, quần đùi

Nhìn em... bỗng thấy ngậm ngùi

Đó đây bao cảnh sụi sùi khó khăn.

Một đời người - một đời văn

Lại đây ông giúp... nhọc nhằn bớt đi

Dốc dài...

Mặc...

Gió thâm thì...

Nhìn ba ông cháu

Khác gì du xuân.

2. VÀ SAU NHỮNG KHỔ THƠ 5 CÂU...

Những chiều đến nhà trẻ mới khang trang rộng rãi đón cháu, tôi lại nhớ về anh - người thầy giáo gác bút mặc áo lính vào chiến trường miền Nam đánh quân xâm lược Mỹ. Hồi đó có đến 4,5 ngày đơn vị anh ở cạnh đơn vị tôi. Anh bảo quê anh ở xã Đồng Nguyên, huyện Tiên Sơn, hòa bình cứ còn nhớ xã nhau khắc sẽ tìm ra người.

Là tôi nhớ mấy khổ thơ 5 câu và mỗi câu chỉ 5 từ anh mới sáng tác. Thực ra, không có bút mực, chẳng giấy tờ, lại còn bị nhiều thứ khác tác động, anh vẫn viết trong đầu mình. Không thể xem mà chỉ được nghe anh phát âm nhỏ, đủ rõ cho người bên cạnh. Anh khác những trai trẻ chúng

tôi ra trận “chưa một lần nắm tay con gái”- Anh đã có vợ, có con lại là thầy giáo dạy văn cấp 2. Nổi nhớ trong anh vì thế mà dài rộng sâu thẳm... Ở nơi phơi bày trần trụi bộ mặt của chiến tranh, có lẽ một mình anh riêng nhớ nhiều về con trẻ với một nỗi niềm lắng đọng. Mặt trận thiếu mọi thứ chỉ thừa cái chết và bom đạn vẫn khiến tôi kịp nhớ hai khổ thơ anh đọc nhanh nhưng vẫn thật tình cảm:

*Chiều vàng êm êm rơi
Ở phía núi xa xôi
Cuối trời vương tơ nắng
Màn sương đêm buông lặng
Khẽ giăng mờ nơi nơi.*

*Tôi ca ru con thơ
Tình âu yếm không bờ
Tôi ru hoài ru mãi
Cho con đừng sợ hãi
Chỉ luôn cười trong mơ...*

Anh đừng đọc và tự luận “Được nhìn con cháu cười là niềm hạnh phúc an lành riêng biệt nhất của bậc sinh thành”, đoạn anh lại tự lục vấn: “Cần bao nhiêu lâu nữa, để loài người hiểu rõ, phải... phá kiếm đúc lưỡi cày”. Tôi bảo, không phải là không rõ mà là không thể khác, vẫn phải đúc lưỡi cày đồng thời với việc đúc thêm kiếm bởi vì đối thủ của chúng ta không bao giờ tự buông tay, chúng sẽ càng nắm chắc tay kiếm hơn khi đóc kiếm trong tay chúng ta có dấu hiệu lỏng ra, chúng sẽ tận dụng cơ hội. Gây chiến là nghề của chúng. Trong khi truyền thống của chúng ta là giữ nước, “chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”.

Đời anh chỉ mong sao con cái đủ ăn đủ mặc, không phải độn hoa màu vào bữa cơm trong những kỳ giáp hạt. Gia đình có xe đạp sẫm lớp lạnh lặn và xích líp tốt là thỏa mãn. “Giấc mơ con” không “đề nát cuộc đời” con.

Anh nằm võng trong rừng mà vẫn có lúc gác mu bàn tay lên trán. Chắc lại nhớ về đứa con đầu lòng. Tôi nhắc:

- Nghe các cụ bảo người nhà sẽ sót ruột lấm đấy nếu người thoát ly đi xa khi nằm cứ để mu bàn tay lên trán như thế.

- Phìa! Anh tỏ ý không tin nhưng rồi cũng bỏ tay xuống bụng và nói một câu xa vơi: “Giá mà thằng nhỏ nhà mình hàng ngày được gửi nuôi ở nhà trẻ như ở Liên Xô, Đông Đức hay Tiệp Khắc... thì có đi xa mấy cũng yên tâm.

Khi đói rét đã từng là mối lo truyền kiếp của dân tộc thì ước mong một nhà trẻ đầy đủ cho con trẻ giữa chiến trường của anh khiến những người lính trẻ chúng tôi nghe thấy lạ, vẫn thấy rất hợp lý; anh đích thực là một người cha có trách nhiệm. Rồi phút chốc bom B52 rải thảm, tôi không rõ tình trạng của anh ra sao, chỉ không thể quên mấy khổ thơ 5 câu, mỗi câu 5 từ với địa chỉ tác giả ở xã Đồng Nguyên, huyện Tiên Sơn. Những loạt bom rải thảm của quân đội Mỹ tiếp tục dội xuống, chúng ta bị mất mát thật nhiều nhưng tương lai sau đây thế nào thì chính quân thù cũng không thể ngờ tới...

Ba mươi năm sau, khắc phục hậu quả chiến tranh, vượt qua sự bao vây cấm vận của chính phủ Mỹ, trong đôi mắt tư duy, đồng đội của anh đã vươn ra biển lớn hòa nhập không hòa tan; thế hệ cháu chắt của anh đã được dặt tay vào các nhà trẻ như

ông của chúng từng mơ. Đến các nhà trẻ mầm non bây giờ thật đầy đủ, bữa bữa các cháu đến lớp đã được định lượng định chất để nâng cao tầm vóc và tư duy. Càng thấy rõ chúng ta đang hòa nhập thành công cùng thế giới. Ở các cơ sở mẫu giáo công lập và tư thục của các huyện thị tỉnh Bắc Ninh như Quế Võ, Từ Sơn, Tiên Du... tiêu chí nuôi dạy thời đại đều được đáp ứng. Với học sinh các trường Trung học cũng đều đã sẵn sàng đồng hành cùng sinh viên các trường Đại học danh giá trên thế giới.

Và nữa, trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo những cháu chất của chúng ta đã có đội ngũ đông đảo xếp hàng thứ 3 thế giới. Việt Nam đã thuộc tốp quốc gia sử dụng tin học cao. Tin học hiện đại giúp cho loài người gần nhau hơn, tôi được nhắc nhớ về mơ ước của anh, về xã Đòng Nguyên trong tâm thế Thiện Nguyên hơn.

Chất độc Di ô xin và bom B52 rải thảm xuống Việt Nam đã không làm được điều quân thù mong muốn. Hiện thực tươi đẹp ngày một đầy đủ càng làm tôi không thôi nhớ những câu thơ anh sang tác, nhớ hai chị em cháu nhỏ ngày ngày đạp xe leo dốc đèo nhau đến trường. Hẳn là tôi sẽ nhớ mãi hai bài thơ của hai nhà thơ quê Từ Sơn. Tất cả vì con trẻ, đỉnh cao chúng ta đang vươn tới...

VŨ ĐÌNH ỨNG

Vào hạ

Hè về thất bát một mùa tho
Mắt hút hạt vàng, lặng tiếng tơ
Cây đứng đơn côi xòa bóng nắng
Người về vội vã tránh cơn mưa
Nung trời lửa phượng tung bùng cháy
Nhớ bạn phòng văn khắc khoải chờ
Xào xạc ve sầu sôi ngô vắng
Gọi miền ký ức thờ... còn thờ.

LẠI MINH HỒNG

Chùa Non Nước

Đệ tử chiều thu đến lễ chùa
Cảnh thiên Non Nước vẽ đơn sơ
Tiếng chuông ngân vọng vang sông núi
Nhịp mõ đồ rền cảm khách thơ
Bát ngát non xanh miền cổ tích
Mênh mang nước biếc bến sông mơ
Đây chùa Non Nước! Hòn Non Nước
Đất Phật, cảnh Tiên... khó hững hờ./.



Chiếc áo MẶNG TÔ

TRƯỜNG SINH

Chiếc xe ô tô màu đen sang trọng đỗ xích trước cổng, đám trẻ con chạy theo, đứa nào cũng hét to như sợ đứa kia tranh mất công thông báo trước: Ông Thích ơi! Nhà ông có khách đi ô tô này. Ông Thích đang cầm bình ô roa tưới cho những cây cảnh trước sân nhà, mấy đứa trẻ xúm đến, thở hổn hển: Ông có khách ông có khách... Nhìn chúng trán lấm tấm mồ hôi, có lẽ chúng chạy theo xe ô tô từ đầu làng vào đây cũng gần cây số.

Ông Thích vội bước ra cổng. Người khách trên ô tô khoảng hơn năm mươi tuổi, mặc bộ comle màu đen, thắt calavat đỏ rất sang trọng xuống xe, tay sách chiếc cặp số khá to vội chạy đến bắt tay ông và lễ phép chào với chất giọng miền Trung.

- Dạ! xin chào bác Thích ạ.

Ông Thích ngạc nhiên nhìn khách, mình có quen ai trong miền Trung đâu nhỉ, hay ông khách nhầm với ai cùng tên. Sau giây lát suy nghĩ ông trấn tĩnh và đáp lễ.

- Vâng chào anh! Mời anh vào trong nhà.

Mấy đứa trẻ xúm xít quanh chiếc ô tô, chúng lấy làm thích thú, làng mình có ai có ô tô đâu, mà chiếc xe đẹp quá, lạ quá.

Ông Thích quay lại bảo mấy đứa trẻ: Các cháu trông xe hộ ông và không được nghịch vào xe đâu nhé.

- Mấy đứa trẻ đồng thanh: Vâng ạ!

Ông Thích pha trà mời khách, trong đầu vẫn không nghĩ ra người khách là ai. Anh em cùng đơn vị bộ đội trước kia cũng không phải, ông khách này ít hơn ông hàng chục tuổi, ông cố lục trong trí nhớ trong số bạn bè, người quen xem có ai không?

Người khách ngắm nhìn ngôi nhà cổ, và mấy khung ảnh trên bàn thờ, đón chén trà nóng từ tay ông Thích. Như nhận biết được suy nghĩ của ông Thích, người khách mở chiếc cặp số lấy ra một bọc nilon gói rất kỹ, bên ngoài có dán mảnh giấy đề Nguyễn Cao Thích, sinh năm... thôn... xã... huyện... tỉnh... rồi cất giọng miền Trung: Thưa bác, đây có phải là tên cụ nhà theo địa chỉ này không ạ.

Ông Thích ngạc nhiên và trả lời: Đúng địa chỉ rồi nhưng sinh năm này là bố tôi, Nguyễn Cao Thích là tôi, còn bố tôi là Nguyễn Cao Thế, nhưng ngày xưa ở quê tôi gọi tên bố theo tên con đầu lòng nên mọi người gọi bố tôi là Thích, mãi cũng thành quen.

- Cụ nhà mất năm nào hả bác?

- Bố tôi mất cách đây hơn mười năm rồi, còn mẹ tôi mất gần chục năm.

- Dạ! Xin bác tha lỗi, thế là tôi không thực hiện được lời dặn của cha tôi rồi. Trước khi cha tôi mất, cụ có dặn tôi rất kỹ



là phải mang cái này đến tận tay cụ nhà theo địa chỉ cha ghi để cảm tạ.

- Có cái gì mà quan trọng thế? Ông Thích hỏi.

Người khách rơm rớm nước mắt:

- Xin phép bác cho em thắp cho các cụ nén hương. Người khách đứng giữa bàn thờ chắp tay vái và lẩm nhẩm khấn: Con tạ ơn cụ đã giúp đỡ cha con trong lúc khó khăn, cụ đã một lần cứu sống cha con, con tạ ơn cụ.

Ông Thích đáp lễ nhưng chưa hiểu chuyện gì.

Quay lại bàn uống nước, người khách hai tay nâng bọc nilon nói với ông Thích:

- Dạ! Thưa bác! Cho em gửi lại bác kỷ vật này của cụ nhà, đây là chiếc áo Măng tô của cụ nhà đã cho cha em mượn

trong lúc đói rét, không có chiếc áo này thì cha em đã chết rét ở vùng cao rồi.

Ông Thích ngẩn người! hóa ra cụ nhà là cụ Đa, người miền Trung, ngày xưa cụ đi ăn xin.

Người khách lễ phép! Vâng ạ, cha em tên là Đa, em tên là Đống, bác cho em được xưng em vì em ít tuổi hơn bác. Rồi người khách nói tiếp: Ông nội em đặt tên bố em là Đa vì mong bố em sẽ sinh nhiều con cháu, đến bố em đặt tên em là Đống cũng mong như vậy. Nhưng bố em sinh ra mỗi em thì mẹ em mất, ông cụ ở vậy nuôi em đến lúc em trưởng thành, nhà nghèo nên em chịu khó học. Em thi đại học đủ điểm đi nước ngoài. Những năm đó ở nhà có mỗi mình cha em, cha em lại yếu, rồi bão lụt, gia đình không còn gì, nên cha em đi ăn xin, sau này em mới biết nên ân hận lắm.

Ông Thích rớm nước mắt! có ai muốn như thế đâu, do thiên tai, bão lụt gây ra mà thôi, rồi ông Thích kể:

- Ngày đó, chiến tranh biên giới tạm yên tiếng súng, tôi được thủ trưởng cho về nghỉ tranh thủ mấy hôm. Xe ô tô đơn vị chỉ đưa về thị xã, từ thị xã về nhà hơn 30km phải cuốc bộ lại qua đò. Gần 12 giờ đêm tôi mới về đến nhà. Đến cửa nhà không có ánh đèn nhưng thấy tiếng người nói chuyện, giọng miền Trung và bố tôi. Hai người như thân thiết lắm, cũng bác bác em em như tôi mới chú bây giờ. Thế rồi hai ông dậy thịt gà, nấu cơm cho tôi và uống rượu đến sáng. Bố tôi giới thiệu đây là chú Đa, nhà ở miền Trung, gia đình bị bão lụt mất hết phải đi nương nhờ bà con ngoài này.

Cụ Đa bảo tôi:

- Chú thông cảm cho tôi, tôi đã nương nhờ cụ nhà đây tuần nay rồi, cụ nhà bảo tôi ngày cứ đi xin cho biết đây biết đó, tối về đây ngủ không ngại gì. Nhà có mỗi mình tôi, bà nhà tôi đi bế cháu cho con cả ở Hà Nội, tháng mới về một lần.

- Bố cháu nói đúng đấy, ông cứ về đây với bố cháu cho vui.

Nhưng hôm sau, ông Đa bảo:

- Ngày mai tôi đi xa không về với cụ được, không biết khi nào gặp lại, cảm tạ cụ đã giúp đỡ những ngày qua.

Bố tôi bảo, ngày mai gió mùa Đông Bắc, ông đi làm gì, cứ ở lại vài hôm cho qua đợt rét này đã. Song ông Đa dứt khoát ra đi. Bố tôi vội mở tủ lấy ra chiếc áo Măng tô dạ còn mới, chiếc áo này là chú ruột tôi làm sĩ quan quân đội tặng bố tôi, bố tôi rất thích, lúc đó cả làng không ai có, mặc vào vừa ấm vừa sang. Bố tôi đưa chiếc áo

cho ông Đa và bảo: ông cầm chiếc áo này đi, lên vùng cao lạnh lắm, khi nào về gửi lại tôi cũng được. Ông Đa lúc đầu từ chối nhưng bố tôi nói mãi ông mới cầm. Thế là ông Đa đi từ ngày đấy, bố tôi nghĩ ông Đa gây yếu thế chắc khó sống nổi qua mùa rét, có thể không quay lại nữa.

Ông khách thổ thê:

- Đúng như thế ạ, năm ấy cha em lên vùng cao ăn xin, bảo đi cho biết đây biết đó. Lên vùng cao rét quá cha em bị cảm lạnh. Có người cùng quê công tác trên đó nhận ra cha em và đưa cha em vào bệnh viện, rồi sau đó đưa cha em về lại quê. Cha em bảo cũng may có chiếc áo Măng tô của cụ nhà cho mượn mà cha em không chết trên đường. Sau trận ấy cha em ở quê và sức khỏe ngày một yếu. Nhận được tin em xin nghỉ học và bay từ nước ngoài về, được vài hôm thì cha em mất. Trước khi mất cha em đưa cho em gói nilon bọc chiếc áo này và dặn phải ra tận nơi để cảm tạ. Nhưng sau khi lo đám tang cho cha em xong em lại phải sang nước ngoài học, rồi em làm tiếp nghiên cứu sinh, sau đó em xây dựng gia đình với một cô cùng sang học, hai vợ chồng công tác ở nước ngoài, vừa rồi em mới về nước để thành lập công ty, tới đây em sẽ chuyển hẳn gia đình về nước. Hôm nay em mới ra ngoài này gặp bác được, rất tiếc là em không được gặp cụ nhà để cảm tạ.

Ông Thích và ông Đống cùng đứng dậy, đặt gói nilon có chiếc áo Măng Tô lên bàn thờ, ông Thích thắp hương rồi đưa cho ông Đống ba nén, hai người vái lạy trước bàn thờ. Khấn vái xong hai ông ôm nhau cùng chảy nước mắt./.

Một thoáng tuổi mười lăm

LẠI THỊ HẢI LINH
THCS Nguyễn Đăng Đạo

Một làn gió nhẹ thoảng qua, mang cái nắng oi ả đầu hạ. Nắng đầu mùa dịu ngọt, khẽ sà qua khung cửa sổ ghé thăm. Bất giác, tôi chợt nhận ra: Chà! Mùa hạ lại về rồi đây nhỉ? Hạ về mang theo nắng vàng rực rỡ. Nắng vương trên cành phượng vĩ đang e ấp nở, rung rinh sắc thắm. Nắng hạ cũng giống như cây trăn trề nhựa sống, nó thổi vào hoa lá, nhành cây, phết lên từng chiếc lá thứ chất lỏng đặc quánh màu vàng óng trông thật đẹp mắt và chảy vào hồn tôi bao xúc cảm khó phai thuở học trò. Có lẽ đây là dòng cảm xúc cuối cùng khi tôi còn là cô học trò nhỏ dưới mái trường Đăng Đạo - Mái trường đã dõi theo từng bước chân chập chững trưởng thành của tôi, mái trường cũng gieo trong trái tim bé nhỏ một niềm tin yêu diệu kì. Và giữa dòng hồi tưởng nhẹ nhàng, tôi để hồn mình nương về một nẻo đường xa xa kia, một nẻo đường dài khi tôi còn một học sinh mới chuyển cấp vào trường...

1. Ngơ ngác vào trường.

Tôi còn nhớ lắm cảm giác hạnh phúc, vỡ oà khi cầm trên tay giấy báo trúng

tuyển của một trường trọng điểm giữa lòng thành phố. Đó là vào một sáng mùa hạ với những chùm phượng đỏ in đậm cái sắc vàng óng của màu nắng chiếu rọi khắp mọi nẻo đường, tôi được ngồi sau chiếc xe đã cũ của bố để đến trường xem điểm thi. Vừa háo hức, vừa hồi hộp lại vừa lo lắng, Với chiều cao khiêm tốn nên tôi chẳng thể kiễng chân lên xem điểm thi mà chỉ được nghe thuật lại bằng giọng trầm ấm của bố một cách vui mừng. Tôi đạt số điểm không quá xuất sắc, nhưng cũng đủ tự tin để bước vào trường.

Ngày đi nhận lớp, tôi vẫn mặc chiếc áo mang đậm sắc màu đặc trưng của trường tiểu học. Tôi đem niềm háo hức giấu kín trong chiếc rương của tâm hồn, chỉ để lộ ra sự e dè, ngại ngùng chào thầy cô, bạn bè. Bước đến ngôi trường mới, tôi thấy khá khó khăn trong việc kết bạn, nói chuyện và giao tay trả lời bài giảng. Nhưng chỉ trong một thoáng gọn của thời gian, tôi quen dần với nhiều người bạn hơn - những bạn tôi chưa từng biết đến mà chỉ mới nghe danh. Khi ấy, tôi cũng hơi “choáng váng” trước sự thể

hiện của các bạn trong năm năm tiểu học vừa qua. Nào thì giải nhất quốc gia Trang nguyên Tiếng Việt, nào thì giải Nhì hùng biện Tiếng Anh của tỉnh. Trong mắt tôi lúc bấy giờ, họ là những “thần đồng” mà tôi chẳng thể nào chạm tay với tới nhưng khi đã học chung một lớp, rồi cùng nhau trải qua những kỉ niệm, những giờ học đáng nhớ và cả những ngày ngoại khoá, tôi càng cảm thấy gần gũi, thân quen hơn. Và rồi tôi yêu mái trường lúc nào không rõ.

2. Tôi đã khôn lớn.

Tôi vốn là đứa trẻ vô tư, luôn ngân nga trong mảnh thanh âm kỉ niệm của riêng mình. Thời gian thì vẫn trôi, chẳng chờ ai, đợi ai, mà cũng chẳng vì ai mà vấn vương luyến tiếc. Bước vào trường ấy thế mà đã một năm và tôi thấy mình lớn hơn một chút. Tôi đã “khám phá” ra một “góc bí mật” của riêng mình. Một “căn phòng” nhỏ. Dường như mọi muộn phiền, áp lực đều biến mất khi tôi bước vào. Nếu trường học là ngôi nhà thứ hai thì lớp học ấy chính là một căn phòng, nơi mà tôi được tự tay trang trí với tất cả tình yêu thương của mình... Nơi đó có có tiếng thầy cô ngân nga giảng bài, có tiếng chim líu lo trên nhánh cây bên khung cửa sổ, có tiếng gió xào xạc vỗ về như dang rộng vòng tay ôm chặt lấy tôi, có mấy chiếc lá vàng khô rơi xuống trang sách đọc dở mà khiến tôi xốn xang trong lòng.

3. Theo đuổi đam mê.

Trường tôi là một ngôi trường điếm của thành phố, vì vậy, tôi đã phải “tạm rời” xa những người bạn thân thuộc hai năm để đến với những điều mới: Chia lớp hình thành các đội tuyển cấp tỉnh, đây cũng là

cơ hội giúp tôi theo đuổi đam mê. Giữa các đợt mưa bóng mây của lòng người, đâu ai dám chắc sẽ kiếm lòng được mãi, tôi khóc vì chia xa lớp 7, dẫu cho chuyện đó là điều mà một số bạn vẫn hay trêu tôi là “mít ướm”. Vậy, cuộc sống cứ thế diễn ra và con người cứ thế quen với mùi hương mới của trang sách cuộc đời, tôi lại nghĩ, có lẽ cơn mưa bóng mây không chỉ in dấu bóng hình quá khứ tươi đẹp, mà nó còn đem lại thanh sắc tô điểm thuở thiếu thời. mưa, đến giờ đối với tôi vẫn là bao nỗi nhớ thương tuôn trào... Khung trời trường Nguyễn Đăng Đạo trong tôi là những ngày học đội tuyển. Kỉ niệm như một thước phim quay chậm ùa về trong nỗi nhớ, khiến tôi bồi hồi đến khó tả. Tôi nhớ những chiều ăn vội chiếc bánh mì để tiếp tục ca học sau hay những buổi tối muộn vẫn miệt mài làm bài. Và điều làm dịu đi bao nỗi vất vả của tôi đó là những lời nhắn đầy yêu thương mà cô thầy, bạn bè gửi gắm, động viên tôi theo đuổi những đam mê. Tôi chỉ ước bản thân mình bé lại để luôn được thầy cô vỗ về, yêu thương. Nhớ...

4. Dấu yêu để lại.

Tôi đã từng đọc được: “Tuổi thanh xuân giống như một cơn mưa rào, dù cho bạn từng bị cảm lạnh vì tắm mưa, bạn vẫn muốn được đắm mình trong cơn mưa ấy lần nữa” (Cửu Bả Đạo). Đâu ai ngờ, quãng đường cấp 2 lại trôi qua nhẹ nhàng, nhanh chóng như thế! Mới hôm nào tôi bỡ ngỡ bước vào trường mà nay đã sắp đi qua tuổi 15. Kí ức luôn chảy trôi, là những đợt mưa bóng mây nhanh đến rồi bất chợt đi tự do, vô định, nó cứ ùa về làm tâm hồn tôi nao nức, bồi hồi, xốn xang tựa ngày đầu. Bụi

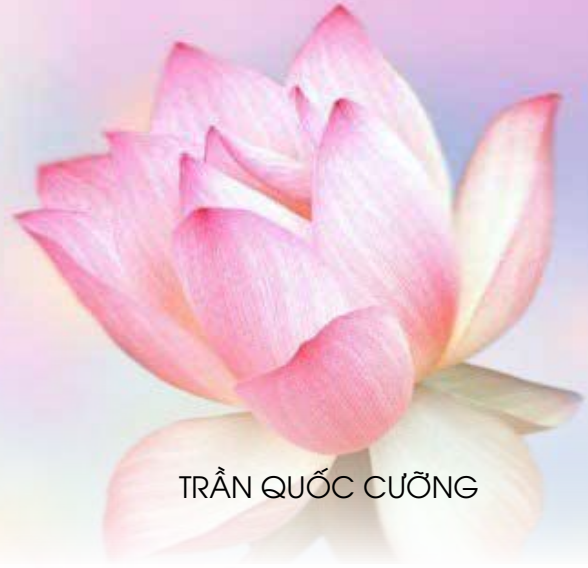
phần trên bảng cũng “tí tách rơi”, vô tình hắt vào khuôn mặt triu mến, chăm chú chỉ dạy của thầy cô giáo. Bốn năm đi qua một đời người là không nhiều, nhưng thời gian ấy, với “nghề cao quý nhất” ấy lại là nếp nhăn hằn sâu, là những nét tận tụy để đổi quang gánh giấc mơ chờ trên chuyến đò của lũ học trò nhỏ... Tôi thường thấy, trong những cơn mưa bóng mây thường có cầu vồng. Và có lẽ, ánh cầu vồng đa sắc ấy đã được thầy cô, kỉ niệm bè bạn vẽ nên bằng tất cả những cảm xúc trân quý khôn nguôi, để cầu vồng đã nở rộ trong bầu trời của riêng tôi, trao cho tôi những dấu yêu để lại ngôi trường thân thương này... Giờ đây, tôi đã chín chắn hơn nhiều, suy nghĩ sâu sắc hơn; và thoáng trong hồn tôi, những bài học cuộc sống của thầy cô vẫn

còn in dấu mãi. Nguyễn Đăng Đạo với tôi là nơi ươm mầm những khát khao, cho tôi biết “Ôm mở neo nằm mộng những chân trời”, “Tôi mơ mình vẽ, và rồi tôi vẽ những giấc mơ”.

Cảm ơn nơi đây đã làm nên những ngày tháng thanh xuân tuyệt vời mà tôi luôn cất gợn nó trong một góc của trái tim mình. Cảm ơn vì nơi đây đã dạy tôi trưởng thành và rồi cũng đến lúc, tôi phải tạm biệt nơi đây với tất cả dấu yêu. Nguyễn Đăng Đạo trong tôi là như thế ấy - mộc mạc thôi nhưng thật ấm áp, cái ấm áp thân thương của một ngôi trường chan chứa niềm tin yêu để rồi “*Hôm nay tôi tự hào về nhà trường/ Ngày mai nhà trường tự hào về tôi!*”



Lão Chụ



TRẦN QUỐC CƯỜNG

L. Chẳng ai biết Chụ cha sinh mẹ đẻ nơi nào. Ngay cả gã cũng không biết rõ gốc gác của mình. Các bậc trưởng thượng trong làng ngang tuổi với cha Ngạc chỉ nhớ năm Pháp sang làm đường tàu hỏa, Chụ xằng xải đốc thúc nhân công gánh đá nâng đường. Trên tay gã cầm thước dây đo chỗ này, quay chỗ khác. Phải nói gã mẫn cán với công việc do kỹ sư Pháp ấn định. Nhà Ngạc gần đường tàu. Các nhân viên kỹ thuật Pháp làm đường xin lưu trú dài hạn. Họ sống ở Châu Âu quen với những tòa nhà kiến trúc tráng lệ, xa hoa. Giờ đây họ ở trong ngôi nhà vách trát đất, mái lợp tranh nhưng lại hút bò đò. Ngạc nhiều lần chứng kiến các kỹ thuật viên mắt lim dim, run rẩy thả hồn theo khói thuốc. Mỗi lần như vậy những con thạch sùng (bích hủ) trên vách đất ngẩng đầu lên thưởng thức say mê. Chúng nghiện thuốc phiện kể từ khi có những người Pháp xa lạ đến đây.

Trông những con thần lẩn phê thuốc, Ngạc rùng mình. Cùng làm việc dưới sự quản lý của người Pháp còn có Lê Hữu Chạng. Người ta quen gọi là “Đốc Ba” vì gã thứ Ba chuyên đốc công làm đường tàu hỏa. Đốc Ba cao to, da dẻ trắng trẻo, giỏi chữ Nho và còn biết nói bập bõm tiếng Pháp. Người Pháp âm mưu thuộc địa Việt Nam lâu dài. Những công trình của họ xây dựng trên xứ sở An Nam (Annamite) nhiệt đới đều vững chắc và có tính mỹ thuật cao. Hơn một lần Kỹ sư Hăngribôrimăng kiểm tra đột xuất một nhóm nhân công đổ đá trên đường tàu hỏa. Hấn lấy một chiếc khăn lông trắng tinh đem nhúng nước rồi chà xát lên đồng đá, thấy chiếc khăn còn dư, hấn lắc đầu quây quây, giọng lơ lớ tiếng Việt: “Cac ngai rửa đá chưa sạch! Ngai Chạng đau? Phai rửa đá lại cho toi!” (Các ngài rửa đá chưa sạch! Ngài Chạng đau? Phải rửa đá lại cho tôi!). Đốc Ba bước tới: “Oui!



Minh họa: LƯU QUANG LÂM

Oui! Mercibeaucoup! Mercibeaucoup! (Vâng! Vâng! Cảm ơn nhiều! Cảm ơn nhiều!). Tay kỹ sư Pháp nhún vai, tỏ thái độ bất bình quay đi. Tháng đó lương của Đốc Ba bị trừ thẳng tay. “Dù đánh đục đục đánh sãng”. Người Pháp trừ lương Chạng thì Chạng trừ lương nhân công thế thôi. Chỉ có Chụ là bình chân như vại. Công việc của gã là đo tả luy, đo diện tích đá để trả tiền lương cho nhân công đầu tiên lương bèo bọt, mang tính cưỡng

ép, bóc lột là chính. Chưa bao giờ Chụ bị Hãngribôrimãng khiển trách vì không hoàn thành nhiệm vụ. Năm ngoái, vợ của Hãngribôrimãng sang Việt Nam thăm chồng. Tay kỹ sư mời lão Chụ dự tiệc. Không hiểu tay kỹ sư nói điều gì với cô vợ trẻ trung, xinh đẹp có mái tóc màu bạch kim quynh rữ mà cô ấy mỉm cười tươi như hoa, xông đến ôm hôn trên má Chụ chùn chụt. Chụ không thấy sợ tí nào, chỉ thấy mặt sượng trân như củ nân mắc lứt. Đôi vợ chồng người Pháp cứ vô tư uống rượu Napoleon với xúc xích từ Pháp quốc mang sang rồi hôn nhau như chỗ không người. Chưa đã cơn máu lửa, họ mở máy Cassette diu nhau nhảy điệu Tango một ca khúc nổi tiếng của

Vincent Scotto (nhạc sỹ Pháp) say đắm. Ngạc không cảm hết cái hay của nhạc ngoại nhưng cứ nghe chát! chát! chát! bùm bùm! là muốn nhún nhảy theo. Mái tranh vách đất của Ngạc không chỉ ngào ngạt mùi bồ đề mà còn ngát ngậy mùi nước hoa đất tiên của người đẹp Châu Âu. Đêm ấy chiếc chõng tre cứ rung lên bần bật. Tiếng rên của người đẹp cứ xoắn vào tai Ngạc như tra tấn riết róng một người con trai đang tuổi dậy thì.

2. Sau năm 1936, Pháp xây dựng xong tuyến đường sắt cũng là lúc Đốc Ba chuyển thành “Xã Ba”. Công lao làm “cu li” cho Pháp của Chạng được “nhà nước bảo hộ” thưởng cho cái chức xã trưởng đầy quyền uy. Xã Ba khi còn làm đốc công xây dựng đường sắt đã có vợ hai. Lên chức Xã Ba, gã ngang nhiên dắt về một lượt bà Ba và bà Bốn. Bà Hai Nguyễn Thị Hằng là con gái của một tá điền không trả được món nợ thâm căn cố đế chồng chát nên phải ở đợ trừ nợ. Chạng thấy Hằng phồng phao, mơn mớn xuân tình thì cảm lòng không dặng, nhân lúc vợ vắng nhà, gã làm liều. Hằng biết mình thân cô thế cô không tránh khỏi miệng hùm hang sói nên tỏ vẻ: “Ông muốn có em thì lấy mấy tờ giấy ghi nợ của cha em ra đây!”. Chạng cười sằng sặc: “Được thôi! Được thôi! Tôi xé giấy nợ ngay trước mặt cho mình thấy tôi có thành ý với mình!”. Hằng muốn thoát nợ, thoát thân nhưng không thoát được sợi dây

buộc ràng oan trái. Cô có thai với Chạng. Gạo nấu thành com. Bà Ba là Đào Thị Hường, gái đã có chồng. Chồng Hường làm phu đồn điền ở Tây Nguyên bị sốt rét bỏ mình. Một lần Chạng loạng choạng say trên đường về tạt vào nhà cường bức Hường. Pháp luật là tao. Tao là pháp luật. Hường ngậm đắng nuốt cay. Mỗi tháng Chạng ném cho Hường một ít tiền vừa đủ sống. Bà Tư là Đinh Thị Đụt. Cái tên nghe hăng hực nhưng người thì xinh đẹp như nàng tiên trong truyện cổ tích. Đụt là con gái út của hương kiểm Đành. Đành muốn giữ chặt khừ cái chức hương kiểm để bề dọa nạt dân đen, làm tiền nên đưa con gái làm vật tế thần. Còn con gái gã muốn làm bà xã Ba suốt đời sống trong nhung lụa. Ở đời mọi tính toán đều có sự sây siển. Bà Hai, bà Ba thì bà Cả không nghen tuông. Một người là con hầu phụ bà Cả gánh bớt chuyện gió trăng quá mức của xã Ba. Một người là thiếu phụ cô thân độc mã, hiền lành không thể thay vị trí độc tôn của bà Cả. Nhưng đến khi xã Ba kéo bà Tư trẻ đẹp về nhà thì lại là chuyện khác. Đụt đẹp sẵn giờ còn chăm chút từng lọn tóc, váy yếm. Đôi mắt lẳng lơ tình kia được kẻ chì, môi son má phấn thì sắc đẹp được tôn lên gấp bội. Xã Ba “trâu già thích gặm cỏ non”, suốt ngày mê đắm, quanh quẩn bên người đẹp quên băng bà vợ già vừa xấu, vừa bản hẩn khó ưa. Đụt xúi gì xã Ba cũng nghe theo. Đụt muốn mua sắm gì xã Ba cũng

chiều chuộng. Thế là liên minh tam giác: Bà Cả - Bà Hai - Bà Ba được hình thành. Ngày trước bà Cả không coi bà Hai, bà Ba ra gì thì giờ đây chị chị, em em ngọt sớt. Một kế hoạch “nấn gân” chồng được bà Cả sắp đặt. Bà khởi xướng: “Ông à! Tui thấy bấy lâu nay nhà mình thiếu tôn ti trật tự nhiều rồi đó!”. Xã Ba gắt: “Bà muốn nói gì thì nói toạc ra đi chứ úp mở làm gì?”. Bà Cả từ tốn: “Ông là chủ gia đình, ông cần phải sắp xếp công việc cho mọi người. Nhà này không có chuyện người ăn không ngồi rồi, người thì đầu tắt mặt tối!”. Nói xong, bà Cả quay nhìn về phía bà Hai, đá lông nheo ngầm thúc giục “đồng thanh tương ứng”. Bà Hai nhìn xã Ba dò xét rồi khẽ khàng: “Em thấy chị Cả nói đúng đây mình! Mình giao cho em Tư làm một việc gì đó cho đỡ buồn!”. Xã Ba sửa giọng, tăng hăng: “Cá cóc muốn hóa rồng hì? Nhà này loạn hết rồi!”. Bà Ba thấy chồng nổi đóa vì đề xuất của bà Hai thì im thin thít. Xã Ba nổi tiếng gia trưởng, bảo thủ nhưng thấy diễn biến có phần căng thẳng thì đầu dụi: “Thôi được! Em Tư lo việc phân phát tiền nong cho người đi chợ nấu ăn hằng ngày!”. Liên minh tam giác ba bà nhìn nhau lắc đầu ngán ngẩm. Họ cứ ngỡ nấn gân chồng và dẫn dắt cô vợ ranh ma sẽ làm cho không khí gia đình có phần dân chủ, nào ngờ ông chồng đưa cái dạ dày của gia đình cho cô vợ bé còn chân ướt chân ráo nắm giữ thì tỏ vẻ thất vọng vô cùng!

3. Khác với xã Ba, sau khi hoàn thành tuyến đường sắt, Chụ không tiếp tục làm việc cho Pháp mà đi theo Việt Minh chống thực dân, đế quốc. Chụ lưu lạc từ thuở nhỏ, chỉ nhớ mang máng mình là người Nghệ Tĩnh theo đàn anh vào Nam lập nghiệp. Một nhà thầu làm đường sắt thấy Chụ đô con, săn chắc như một võ sỹ Karate, gương mặt điển trai, nói năng điềm đạm thì cảm tình, nhận vào làm việc. Hồi đó phần đông thanh niên phía Bắc vào làm việc ở ngành đường sắt, trong đó có ga tàu hỏa Hiệp Hòa đều lấy vợ đẹp. Chụ cũng nằm trong số đó. Vợ Chụ là cô Nở xinh đẹp, đoan trang con nhà danh giá mê tài ăn nói với phong cách hào hoa, lịch lãm của Chụ mà bất chấp sự ngăn cản của cha mẹ. Hơn 7 năm tuyến đường sắt xuyên qua Hiệp Hòa hình thành đủ cho tình yêu của Chụ và Nở đơm hoa kết trái. Chuyện đời không ai đoán trước được điều gì. Ngày trước Chụ sốt sắng làm đường sắt cho Pháp. Còn giờ đây Chụ chỉ huy một tiểu đoàn bộ đội Việt Minh đánh Pháp trên đường vận chuyển vũ khí bằng tàu hỏa.

Năm 1945 Nhật hất cẳng Pháp, lão Chạng giác ngộ cách mạng, giao hết tài sản cho Việt Minh và trở thành bạn thân của lão Chụ đến cuối đời. Còn lão Ngạc vẫn là một nông dân hiền lành ở gần nhà lão Chụ và lão Chạng. Những lúc trà dư tửu hậu họ thường nhắc lại những biến cố lịch sử, những thăng trầm cho con cháu của mình nghe./.

Yêu mãi ước muốn trẻ thơ

Vừa phải - Tươi vui

Nhạc và lời : Vương Hữu Truyền

Em chỉ ước mãi là trẻ thơ để đi đâu Mẹ cũng mua
quà và mỗi năm khi xuân về tết đến mẹ lại mua cho một tấm áo
hoa Em chỉ ước mãi là trẻ thơ để mỗi năm mong một tháng
sáu Em được cùng các bạn vui múa ca và trung thu em được ngồi phá
cỗ đón Chị Hằng cùng chú Cuội xuống chơi cùng nhau
hat cùng nhau múa dưới ánh trăng trung thu Em chỉ
ước mãi là trẻ thơ để đêm đêm em được nằm bên Mẹ và trong chiêm
bao em được thấy Bác Hồ Người luôn yêu thương các cháu Nhi
đồng Em chỉ thương chăm lo cho các
cháu Nhi đồng

Muôn dặm tình rằng

Tự sự - Tha thiết

Nhạc : Trọng Tĩnh
Thơ : Nguyễn Như Hạo

Oi bến quê muôn dặm tình rằng. Nay cỏ biếc, ngày ta bỏ ngõ
Này sông xuôi, này núi đèo, ngáng trở. Ai đó đón tay chia dụ ngọt ứ ư
ngào. Mỗi người dân là một con sào. Trên đất nước hình con thuyền
Dâng dặc buổi triền miên khói lửa. Bầu trời nằm trong giấc khát khao. Khắc tên mình
lên muôn bờ sóng lũ. Nhờ trăm điệu trống đồng Ngọc Lũ. Nối niềm tin từ thửa ban
mai. Cầm lên tay vương lụa tơ tằm. Mới thấu hết ngọn nguồn hạnh phúc. Nước còn có mùa trong mùa
đục. Thì mùa nào không một dòng trôi. Vui khúc bơi còn đau khúc lở. Lòng buồn bởi nửa câu dân
ca "Người ơi người ở đừng về Người ơi người ở đừng
về. Mê mai quai thao khăn xếp. Nón lá áo tơ lỗi nhịp thác
ghềnh. Hát về một thời nước sôi lửa bỏng. Trăm ưu tư ngàn nỗi ưu
phiên Dòng sông vẫn chảy trong linh thiêng vạn kiếp. Lặn lội. Câu ăn. Câu

Giáo viên đau đầu với bài văn dự đoán tương lai của học trò

Một kỳ thi vượt cấp, cô giáo nói với học sinh:

- Đề bài văn của các em hôm nay là: 'Em hãy tả hay viết về khả năng đặc biệt của em mà em cho là tuyệt nhất'.

Các học sinh cắm cúi làm bài. Sau 5 phút, Tèo lên nộp bài với nội dung là: 'Em có khả năng là đoán trước được tương lai, em đoán là kỳ thi này em sẽ trượt'.

Cô giáo nhận được bài của Tèo xong liền hỏi:

- Tèo, bài làm của em có vậy thôi sao?
- Vâng, thưa cô! - Tèo liền gật đầu.

Sáng hôm sau, cô giáo liền lên văn phòng tìm gặp thầy hiệu trưởng, rồi cô hỏi:

- Thầy đã xem bài làm của học trò Tèo chưa ạ?

Thầy hiệu trưởng thở dài đáp:

- Rồi cô ạ! Nhưng tôi chả biết chấm điểm như thế nào cả. Nếu như cho Tèo trượt thì bài văn của em ấy đúng, mà bài văn đúng thì phải cho em ấy đỗ. Mà cho em ấy đỗ thì bài văn của em ấy sai, một bài văn sai thì làm sao cho đỗ được. Thật là tiến thoái lưỡng nan. Giờ tôi chả biết làm như thế nào cả cô ạ! Tôi đau đầu hôm qua đến giờ vì việc này đây.

Cô giáo nghe xong cũng chóng mặt!!!



Thi trượt vì giỏi hơn thủ khoa

Sau khi có kết quả kỳ thi tốt nghiệp, phóng viên phỏng vấn hai thí sinh nổi bật nhất:

- Kỳ thi rồi bạn là người có điểm cao nhất: 9,5 điểm. Bí quyết của bạn là gì?

Thí sinh thủ khoa gãi đầu cười:

- Dạ, em bỏ một câu cuối.

Phóng viên quay sang phỏng vấn thí sinh còn lại:

- Kỳ thi vừa rồi bạn là người có điểm thấp nhất: 0,5. Tại sao lại như thế?

Cậu này tự hào đáp;

- Vì em chỉ làm mỗi cái câu thẳng thủ khoa không làm được.

- !!!

THU UYÊN

(Sưu tầm)

SỔ TAY TẠP CHÍ

Trong số này, Tạp chí Người Kinh Bắc đã nhận được tác phẩm tham gia cộng tác của các tác giả:

* **Trong tỉnh:** Đỗ Hà Linh, Kim Oanh, Trí Thường, Lương Thìn, Đàm Thế Du, Nguyễn Cát Chuyển, Phan Thị An Ngọc, Phạm Thuận Thành, Lê Thị Chung, Đặng Phương Linh, Kim Oanh, Đỗ Hà Linh, Nguyễn Hương Giang, Nhất Mạt Hương, Lê Khanh, Vũ Thế Thược, Đỗ Hữu Bằng, Vũ Ngọc Hòa, Trần Thiết, Nguyễn Trọng Liễu, Nguyễn Đình Ché Phan Trụ, Phạm Đình Thái, Nguyễn Cát Chuyển, Duy Đắc, Nguyễn Trung, Nguyễn Đức Quế, Nho Thuận, Mai Kháng, Vũ Thế Thược, Nguyễn Tiến Lộc, Nguyễn Văn Hồi, Đặng Phương Linh, Nguyễn Thị Trang, Bùi Thị Hải Anh, Hoàng Ngọc Bích, Nguyễn Đình Tự...

* **Ngoài tỉnh:** Ngô Trọng Nghĩa (Trà Vinh), Nguyễn Văn Trụ (Thanh Hóa), Lê Hứa Huyền Trân (Bình Định), Ngô Văn Hiểu (Bắc Giang), Nguyễn Thanh Vũ (Tp. Hồ Chí Minh), Nguyễn Phú Ninh (Hải Dương), Nguyễn Văn Danh (Phú Yên), Nguyễn Văn Thanh (Quảng Trị), Nguyễn Bích Thuận (Lạng Sơn), Nguyễn Đình Thu (Bình Định), Nguyễn Văn Toàn (Huê), Trần Anh Thuận, Nguyễn Thị Thanh Duyên, Nguyễn Quỳnh Anh, Nguyễn Văn Việt (Ninh Bình), Phụng Tú, Hoàng Bích Hà, Khuê Việt Trường (Khánh Hòa), Lê Minh Hải, Bùi Quốc Bình (Phú Thọ), Nguyễn Văn Thanh (Quảng Trị), Trần Thái Học (Bến Tre), Đoàn Mạnh Tiến (Nghệ An), Đoàn Huy Cảnh (Bắc Giang), Lý Thị Minh Khiêm (Lâm Đồng), Đoàn Mạnh Tiến (Nghệ An), Huỳnh Thị Mộng Tuyền (Kiên Giang), Vũ Đăng Bút (Hà Giang)...

Tạp chí xin trân trọng cảm ơn sự cộng tác của quý tác giả và mong muốn thường xuyên nhận được những ý kiến đóng góp của hội viên, cộng tác viên, độc giả ở trong và ngoài tỉnh về chất lượng, nội dung, hình thức... của Tạp chí để từng bước nâng cao hơn nữa chất lượng Tạp chí Văn nghệ tỉnh nhà.

Ban Biên tập Tạp chí Người Kinh Bắc trân trọng kính báo tới Hội viên Hội VHNT tỉnh Bắc Ninh, cộng tác viên trong và ngoài tỉnh chủ đề Tạp chí số 8 năm 2023: Kỷ niệm 78 năm cách mạng tháng Tám thành công và Quốc khánh 2/9; Học tập làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Hướng tới chào mừng Đại hội Hội VHNT tỉnh Bắc Ninh, nhiệm kỳ (2023 - 2028)... Kính mong Hội viên, cộng tác viên và độc giả gửi tác phẩm về Tòa soạn Tạp chí Người Kinh Bắc trước ngày 10/7/2023.

Bài viết gửi về email: tapchinguoiKinhBac@gmail.com hoặc qua Bưu điện theo địa chỉ: Hội VHNT tỉnh Bắc Ninh (Số 01, Lý Thái Tổ - TP Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh). Truy cập Website nguoiKinhbac.vn để xem nội dung của Tạp chí hàng tháng.

Đính chính:

- Tác phẩm "Những lát cắt mùa xuân" đăng trên Tạp chí NKB số 170, tháng 3/2023 của tác giả Nguyễn Văn Huy nay đính chính lại là của tác giả Nguyễn Thanh Nga.

- Tác phẩm nhạc "Trăng ngân đầy thuyền" của Nhạc sỹ Nguyễn Trung đăng trên Tạp chí NKB số 172, tháng 5/2023, do sơ xuất trong khâu chế bản, cụm từ "Cảnh khuya chưa vẽ...", xin đính chính lại thành "Cảnh khuya như vẽ...".

Tạp chí Người Kinh Bắc xin cáo lỗi cùng tác giả và độc giả./.

Trân trọng cảm ơn!

BBT